

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM**

HUYỀN PHƯỚC NGUYỄN

**KINH DOANH VÀNG
TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

MÃ SỐ: 60.31.12

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS NGUYỄN NGỌC HÙNG

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2007

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ VÀNG VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	1
1.1. Nguồn gốc và quá trình phát triển giá trị của vàng	10
1.1.1. Nguồn gốc của vàng	10
1.1.2. Đặc điểm và tính chất và một số ứng dụng của vàng	11
1.1.3. Quá trình phát triển giá trị của vàng	12
1.1.3.1. Về giá trị sử dụng, với tính chất là kim loại quý, vàng đã được sử dụng qua các thời đại.....	12
1.1.3.2. Về giá trị, với tính chất là tiền tệ, vàng đã sớm trở thành một loại tiền đầu tiên được lưu hành trong lịch sử phát triển loài người.	13
1.2. Thị trường vàng thế giới	14
1.2.1. Tình hình sản xuất khai thác vàng trên thế giới	14
1.2.2. Tình hình sử dụng vàng tại một số nước trên thế giới.....	15
1.2.3. Tình hình biến động giá vàng trong thời gian qua.....	16
1.2.4. Các nhân tố tác động đến giá vàng thế giới.....	19
1.2.5. Dự báo giá vàng trong thời gian tới.....	21
1.3. Vai trò của vàng trong đời sống kinh tế - xã hội	22
1.3.1. Đối với nền kinh tế	22
1.3.2. Đối với đời sống xã hội.....	23
1.3.3. Đối với chính phủ	24
1.3.4. Đối với ngân hàng	24
1.4. Nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại.....	25
1.4.1. Khái niệm:.....	25

1.4.2. Các nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng thương mại	25
1.4.2.1. Nghiệp vụ nguồn vốn	26
1.4.2.2. Nghiệp vụ tín dụng và đầu tư	26
1.4.2.3. Nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ ngân hàng	26
1.4.3. Nghiệp vụ kinh doanh vàng của ngân hàng thương mại	27
1.4.3.1. Nghiệp vụ mua bán giao ngay (Spot).....	27
1.4.3.2. Nghiệp vụ mua bán có kỳ hạn (Forward).....	27
1.4.3.3. Nghiệp vụ hoán đổi (Swap).....	27
1.4.3.4. Nghiệp vụ quyền lựa chọn	27
Kết luận chương I	28
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KINH DOANH VÀNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	29
2.1. Một số nét về tình hình kinh tế - tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh.	29
2.2. Khái quát thị trường vàng ở Việt Nam	30
2.2.1. Tình hình sản xuất và khai thác vàng ở Việt Nam	30
2.2.2. Tình hình tiêu thụ và sử dụng vàng ở Việt Nam	32
2.2.3. Kinh doanh vàng nữ trang	33
2.2.4. Kinh doanh vàng tiền tệ tại ngân hàng thương mại	34
2.2.5. Các nhân tố tác động đến giá vàng tại Việt Nam	35
Mối quan hệ giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới.....	36
2.3. Thực trạng kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	37
2.3.1. Tín dụng vàng.....	37
2.3.2. Mua bán trực tiếp – môi giới.....	38
2.3.3. Mua bán trạng thái.....	39

2.3.4. Mua bán kỳ hạn (Forward)	40
2.3.5. Chốt nguội, mua hộ vàng khách hàng (SJC, Eximbank, ..).....	41
2.3.6. Option vàng	41
2.3.7. Kinh doanh vàng tài khoản (quốc tế).....	43
2.3.8. Mua hộ vàng cho khách hàng	44
2.3.9. Kinh doanh phối hợp	44
2.3.10. (Tìm hiểu hoạt động kinh doanh vàng tại Eximbank)	44
2.4. Đánh giá chung về những thành quả và tồn tại trong hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua.....	44
2.4.1. Những thành quả.....	45
2.4.2. Những tồn tại.....	46
2.4.3. Nguyên nhân của tồn tại	47
Kết luận chương II.....	48
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	49
3.1. Định hướng chiến lược kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	49
3.1.1. Chuyển từ kinh doanh vàng không theo tiêu chuẩn sang kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế.	49
3.1.2. Kinh doanh vàng trạng thái	50
3.1.2.1. Thực hiện kinh doanh vàng trên tài khoản.....	51
3.1.2.2. Bán vàng từ nguồn tiết kiệm của khách hàng	51
3.1.2.3. Mua vàng trong nước và quốc tế để cho vay hoặc đầu tư ...	52
3.1.3. Các phương pháp kinh doanh phối hợp không tồn tại trạng thái.	52

3.1.3.1. Thực hiện kinh doanh vàng chuyển khoản quốc tế	52
3.1.3.2. Mở tài khoản vàng cho khách hàng, khớp lệnh giao dịch vàng mà không cần vàng hiện vật.	52
3.1.3.3. Vay vàng để bán kết hợp option giá lên.....	52
3.1.3.4. Mua vàng spot kết hợp option giá xuống	53
3.1.3.5. Nghiệp vụ Spotion	53
3.1.3.6. Kinh doanh hộ vàng quốc tế cho khách hàng	55
3.2. Giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....	56
3.2.1. Về phía Ngân hàng nhà nước	56
3.2.2. Kinh doanh vàng tiền tệ gắn với sản xuất vàng tiêu chuẩn quốc tế ..	58
3.2.3. Hình thành trung tâm lưu ký và giao dịch vàng để thực hiện kinh doanh vàng trên tài khoản.....	60
3.2.4. Kinh doanh vàng liên hàng	60
3.2.5. Dự trữ vàng của Ngân hàng Nhà nước nhằm bình ổn giá vàng và đa dạng hoá dự trữ ngoại tệ.....	60
3.2.6. Kinh doanh vàng với Ngân hàng nhà nước	61
3.2.7. Cho phép thực hiện mua bán khống vàng	61
3.2.8. Nâng cao nhận thức của khách hàng về định chế tài chính và sản phẩm tài chính	61
Kết luận chương III	62
KẾT LUẬN	63
PHỤ LỤC	

LỜI MỞ ĐẦU

☆

1.1. Lý do chọn đề tài

Trong suốt chiều dài lịch sử, vàng luôn chứng tỏ là một kim loại có giá trị kinh tế hàng đầu, làm bản vị cho hầu hết các giá trị vật chất khác trong đời sống. Người Ai Cập đã chế ra các thỏi vàng từ ngàn xưa vào khoảng 4.000 năm trước Tây lịch và dùng nó làm phương tiện trao đổi tiền tệ. Về sau này, vàng cũng được các vua chúa khắp nơi ở Âu Châu dùng làm phương tiện để thiết lập các đội quân binh cũng như để mua chuộc hay triệt hạ các đối thủ chính trị. Đến nay, con người đã khai thác được 126.000 tấn vàng, đủ để đúc thành khối lập phương, mỗi cạnh 18m.

Ngay từ khi ra đời vàng đã chứng tỏ là một hàng hoá đặc biệt và được dùng làm vật ngang giá chung và trở thành một bộ phận của hệ thống tiền tệ thế giới. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế hàng hoá làm cho sự vận động của vàng – tiền tệ không đáp ứng được sự vận động của hàng hoá, vàng đã lui về làm vật mang giá trị đảm bảo cho tiền giấy lưu thông (chế độ bản vị vàng). Điều này có nghĩa rằng vàng mặc dù không tham gia với vai trò là tiền tệ nhưng bản thân nó luôn chứa đựng một vai trò tiền tệ tất yếu.

Trong khối lượng tiêu thụ vàng hiện nay trên thế giới, người ta ước lượng có khoảng 85% được dùng vào việc chế biến nữ trang và một số nhu cầu thương mại khác, như các phụ tùng trong các máy móc điện tử, hoặc trong ngành nha khoa làm bọc vàng cho răng. Phần nhỏ còn sót lại 15% được lưu hành trong các khách hàng đầu tư hoặc giới con buôn mua đi bán lại hoặc thành phần đầu cơ tích trữ, tức là gồm các quỹ đầu tư chuyên tính chuyên lời lỗ để lấy các quyết định mua bán trong ngày, cũng như một số đại thương gia. Đặc biệt là tại Á Châu và vùng Trung Đông, giới nhà giàu thường hay có thói quen tích trữ các thỏi vàng làm của. Chính trong cái sinh hoạt của thiểu số 15% này mà cái giá cả tăng vọt trong thời gian qua đã bắt nguồn. Theo một bản báo cáo của tổ chức World Gold Council, một hội chuyên gia trong

ngành, cho biết thì trong 9 tháng đầu của năm 2005, nhu cầu đầu tư và tích trữ vàng đã gia tăng hơn 62%.

Tại Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, vàng cũng có chức năng dự trữ, tích lũy, và đặc biệt sau giải phóng miền Nam, chức năng thanh toán của vàng thể hiện rất rõ. Vàng đã làm thay chức năng của đồng tiền một cách mạnh mẽ: mua bán hàng hóa thanh toán bằng vàng, xác định giá cả hàng hoá bằng vàng, cho vay – trả nợ cũng bằng vàng ... Ngoài chức năng thanh toán, lưu thông thay thế cho một phần tiền giấy trong nước, vàng còn nổi bật lên với vai trò là một loại tiền tệ quốc tế trong mua bán mậu dịch qua biên giới.¹

Trong những năm đầu của thập niên 90, việc huy động vàng trong dân cư đã được một số ngân hàng thực hiện cùng với sự ra đời và cạnh tranh mạnh mẽ của các hình thức vàng miếng như vàng rồng vàng SJC, phượng hoàng PNJ, Bông lúa ACB... **Một hình thức sử dụng vàng như chức năng tiền tệ.** Việc huy động vàng chủ yếu phục vụ cho việc cho vay để thanh toán nhà đất và thị trường bất động sản.

Tiếp theo việc huy động tiết kiệm vàng, ngân hàng mở ra nghiệp vụ huy động tiết kiệm đảm bảo bằng vàng, là bước đầu tiên của nghiệp vụ kinh doanh vàng hiện nay.

Cùng với nhu cầu tiêu thụ và giao dịch vàng – tiền tệ mạnh mẽ và gần như độc tôn của vàng miếng SJC. Cuối năm 2004 Agribank đưa ra thị trường vàng miếng hiệu AAA với 4 loại gồm 1 lượng, 5 lượng, 2 chỉ và 1 chỉ. Vàng miếng hiệu AAA là thương hiệu vàng miếng thứ ba tại Việt Nam sau SJC và AJC.

Hoạt động kinh doanh vàng – tiền tệ của các ngân hàng ngày càng sôi động và trở thành nghiệp vụ kinh doanh mang lại lợi nhuận của các ngân hàng và thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư chuyên nghiệp tham gia. Trước nhu cầu thực tế đó, Ngân hàng Nhà nước cho phép triển khai nghiệp vụ option vàng tại các ngân hàng thương mại, và Ngân hàng ACB và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là 02 Ngân hàng đầu tiên được phép thực hiện nghiệp vụ option vàng. Sau đó là các ngân hàng Sacombank, Eximbank, Phương Nam cũng đã triển khai nghiệp vụ này.

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, kinh doanh vàng của các ngân hàng không thể đứng ngoài cuộc chơi này. Vì vậy, Ngân hàng Nhà nước đã cho phép một số

¹ PTS. Nguyễn Hữu Định, 1996 “Kinh doanh vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh – Chính sách và giải pháp”

ngân hàng thương mại được kinh doanh vàng trên tài khoản với nước ngoài. Và đến tháng 07 năm 2006 Kho ngoại quan vàng đầu tiên của Việt Nam được thành lập tại Hà Nội thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn.

*Thành phố Hồ Chí Minh, là một đầu mối lưu thông hàng hoá trong nước và là cửa ngõ giao dịch quan trọng với nước ngoài. Nơi đây đã sớm hình thành một đô thị lớn, một trung tâm kinh tế lớn có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước Việt Nam. Ngoài ra thị trường vàng Thành phố Hồ Chí Minh lại là một thị trường vàng trọng điểm, ước tính tiêu thụ trên 50% mức tiêu thụ vàng của cả quốc gia*². Chính vì điều đó, những biến động về tài chính, kinh tế trong và ngoài nước tác động đến nền kinh tế và đời sống người dân trong cả nước, nhưng Thành phố Hồ Chí Minh có thể xem là nơi nhạy cảm nhất với những biến động này.

Đề tài lựa chọn “Kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” bởi nơi đây có thể xem đây là trung tâm tài chính đại diện cho nước Việt Nam. Trọng tâm đề tài muốn nghiên cứu là hoạt động kinh doanh vàng trong phạm vi chức năng tiền tệ của vàng, và ngân hàng thương mại là nơi thể hiện rõ nhất chức năng này.

Hoạt động kinh doanh vàng trong các ngân hàng thương mại là một nghiệp vụ còn khá mới và ngay cả một số ngân hàng thương mại hiện nay cũng chưa thực hiện nghiệp vụ này. Do đó, số liệu thu thập về hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại còn hạn chế.

1.2. Mục đích nghiên cứu của luận văn

Luận văn nghiên cứu về hoạt động thực tiễn nghiệp vụ kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để tìm ra những giải pháp nhằm áp dụng và phát triển nghiệp vụ kinh doanh vàng hiện nay, các nghiệp vụ kinh doanh mới được Ngân hàng Nhà nước cho phép, đặc biệt là đưa ra một số nghiệp vụ kinh doanh mới nhằm đảm bảo lợi ích cho cả ngân hàng và nhà đầu tư.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là chủ yếu là nghiệp vụ kinh doanh vàng như vai trò của tiền tệ đang được phép thực hiện tại các Ngân hàng thương mại hiện nay. Và dựa vào tình hình hoạt động kinh doanh vàng của các Ngân hàng thương mại

² PTS. Nguyễn Hữu Định, 1996 “Kinh doanh vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh – Chính sách và giải pháp”

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh rút ra những mặt đạt được để tiếp tục phát huy và những tồn đọng cần có giải pháp để giải quyết.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là thực trạng hoạt động kinh doanh vàng của các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn chủ yếu sử dụng các phương pháp như: phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp chuyên gia, ... Ngoài ra luận văn còn sử dụng phương pháp truy cập thông tin từ mạng, các báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, các quy định có liên quan đến hoạt động kinh doanh vàng của các Tổ chức tín dụng, các báo chí, tạp chí để thu thập số liệu và thông tin.

1.5. Kết cấu của luận văn

Phần mở đầu

Chương I: Tổng quan về vàng và ngân hàng thương mại

Chương II: Thực trạng kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Chương III: Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Phần kết luận

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ VÀNG

VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Nguồn gốc và quá trình phát triển giá trị của vàng

1.1.1. Nguồn gốc của vàng

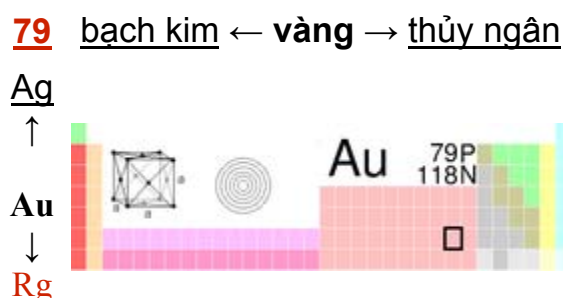
Người ta khai thác vàng ở tầng đất thấp hơn khi khai thác bất kỳ kim loại nào khác, và mỗi tấn quặng khai thác được chỉ có khoảng vài gram vàng. Để có một lượng vàng đủ làm một chiếc nhẫn (khoảng 30 gam), những người khai thác vàng phải đào 30 tấn đá. Quặng vàng được đem nghiền nhỏ để làm giàu quặng, xyanua hoá, vàng sẽ hoà tan biến thành phức chất $\text{NaAu}(\text{CN})_2$ rồi dùng Zn để giải phóng vàng kim loại.

Theo ước tính của các nhà địa chất học, hiện nay lòng đất còn chứa một lượng vàng rất lớn. Trong tự nhiên, vàng kim loại tồn tại dưới dạng vẩy nhỏ lẫn trong đất, cát, tại các kẽ nứt trong lớp đá lòng sông, những nơi rẽ dòng, bên dưới những tảng đá ở chỗ trũng và những lớp bùn hoặc sỏi đá bị rễ cây cản lại, hay phân tán trong các mỏ thạch anh. *Hàm lượng vàng trong vỏ trái đất khoảng $4,3 \cdot 10^{-7} \%$. Trong nước biển, vàng chiếm một hàm lượng trung bình khoảng $5 \cdot 10^{-7} \%$ ³.*

Vàng được khai thác từ rất xa xưa, vào khoảng 4.000 năm trước Công nguyên. Lamã, Trung Quốc, Hy Lạp và Babylon là những nơi, con người biết khai thác và sử dụng vàng đầu tiên trên thế giới. Nhưng vào khoảng thế kỷ XVIII thì mới xuất hiện công nghiệp khai thác vàng với quy mô lớn. Trong cuốn sách nhan đề "Mãnh lực đồng vàng" (The Power of Gold), tác giả Peter Bernstein đã kể rằng người Ai Cập đã chế ra các thỏi vàng và dùng nó làm phương tiện trao đổi tiền tệ. Về sau này, vàng cũng được các vua chúa khắp nơi ở Âu Châu dùng làm phương tiện để thiết lập các đội quân binh cũng như để mua chuộc hay triệt hạ các đối thủ chính trị.

³ PTS. Nguyễn Hữu Định, 1996 "Kinh doanh vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh – Chính sách và giải pháp"

1.1.2. Đặc điểm, tính chất và một số ứng dụng của vàng



Vàng có tên Latinh là Aurum, ký hiệu hoá học là Au. Nguyên tố hoá học thuộc nhóm I trong bảng hệ thống tuần hoàn của Mendeleev – là nhóm kim loại quý cùng với bạc, đồng, platin, ... , số thứ tự nguyên tử là 79, nguyên tử lượng là 196,967. Trong các hợp chất hoá học, số oxi hoá của vàng là +1 và +3. Khối lượng riêng của vàng là $d = 19,32\text{g}/\text{cm}^3$. Ở 20°C , nhiệt độ nóng chảy của vàng là 1.060°C , nhiệt độ sôi là 2.950°C .

*Vàng có tính bền hoá học rất cao, không bị tác dụng bởi oxy, nitơ, hydro, carbon, ... kể cả các loại acid, chỉ trừ halogen đun nóng và hỗn hợp acid selenic (H_2SeO_4). Đây là một đặc điểm vô cùng quan trọng. Tuổi thọ của vàng đã được con người sớm khai thác sử dụng và tôn quý.*⁴

Vàng là nguyên tố kim loại có màu vàng khi thành khối, nhưng có thể có màu đen, hồng ngọc hay tím khi được cắt nhuộm. Nó là kim loại dễ uốn dát nhất được biết. Thực tế, 1 g vàng có thể được dập thành tấm 1 m². Là kim loại mềm, vàng thường tạo hợp kim với các kim loại khác để làm cho nó cứng thêm.

Vàng và hợp kim của nó thường được dùng nhiều nhất trong ngành trang sức, tiền kim loại và là **một chuẩn cho trao đổi tiền tệ ở nhiều nước**. Vàng có thể được làm thành sợi và dùng trong ngành thêu. Vàng thực hiện các chức năng quan trọng trong máy tính, thiết bị thông tin liên lạc, đầu máy máy bay phản lực, tàu không gian và nhiều sản phẩm khác. Vàng được dùng trong nha khoa phục hồi, đặc biệt trong phục hồi răng như thân răng và cầu răng giả. Vàng keo (hạt nano vàng) là dung dịch đậm màu hiện đang được nghiên cứu trong nhiều phòng thí nghiệm y học, sinh học,

⁴ PTS. Nguyễn Hữu Định, 1996 “Kinh doanh vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh – Chính sách và giải pháp”

v.v. Nó cũng là dạng được dùng làm nước sơn vàng lên ceramic trước khi nung. Chlorauric acid được dùng trong chụp ảnh để xử lí ảnh bạc. Disodium aurothiomalate dùng để điều trị viêm khớp dạng thấp. Đồng vị vàng Au-198, (bán huỷ: 2,7 ngày) được dùng điều trị một số ung thư và một số bệnh khác. Vàng được dùng để tạo lớp áo phủ, giúp cho các vật chất sinh học có thể xem được dưới kính hiển vi điện tử quét.

Trong ngành kim hoàn ở Việt Nam, khối lượng của vàng được tính theo đơn vị là cây (lượng hay lạng) hoặc chỉ. Một cây vàng nặng 37,50 g. Một chỉ bằng 1/10 cây vàng. Trên thị trường thế giới, vàng thường được đo lường theo hệ thống khối lượng troy ounce, trong đó 1 troy ounce tương đương 31,103 476 8 g. Tuổi (hay hàm lượng) vàng được tính theo thang độ K. Vàng 99,99% tương đương với 24K. Khi ta nói tuổi vàng là 18K thì nó tương đương với hàm lượng vàng trong mẫu xấp xỉ 75%. Hiện nay ở Việt Nam người ta thường kinh doanh vàng dưới dạng các thỏi, nhẫn, dây chuyền, vòng, lắc với hàm lượng vàng chủ yếu là 99,99%, 99,9%, 99% hay 98%. Vàng dùng trong ngành trang sức thông thường còn gọi là vàng tây có tuổi khoảng 18K.

1.1.3. Quá trình phát triển giá trị của vàng

1.1.3.1. Về giá trị sử dụng, với tính chất là kim loại quý, vàng đã được sử dụng qua các thời đại

Ngay từ rất xa xưa loài người đã biết tìm mọi chất liệu để làm đồ trang sức (làm đẹp). Có nhiều loại đồ trang sức để gắn, đeo lên tay, chân, tai hoặc cổ thậm chí gắn cả lên mũi... Ngay từ thời đại đá mới (cách đây khoảng 5.000 năm) những bầy người sinh sống trên trái đất này đã biết lấy vỏ ốc, vỏ sò đục lỗ xuyên dây làm đồ trang sức để đeo. Sau đó, họ có phương pháp cưa, đục, khoan, tiện đá, mài nhẫn, đánh bóng đá... làm ra hoa tai, vòng, nhẫn đá... Vàng với tính chất vật lý vốn có của mình đã trở thành một hàng hoá làm trang sức rộng rãi trên thế giới, trong công nghiệp chế tác, nha khoa, dùng trong các bộ phận kỹ thuật của máy móc, thiết bị, ...

Như vậy, trước khi trở thành tiền tệ, vàng cũng chỉ là một hàng hoá thông thường. Vai trò của vàng chỉ thật sự tối quan trọng trong đời sống con người kể từ khi nó mang hình thái tiền tệ. Vì lúc đó, nó có thể trực tiếp được chuyển hoá thành bất kỳ hàng hoá nào. Đây mới chính là động lực thúc đẩy con người không ngừng

1.1.3.2. Về giá trị, với tính chất là tiền tệ, vàng đã sớm trở thành một loại tiền đầu tiên được lưu hành trong lịch sử phát triển loài người.

Trong lịch sử tiền tệ thế giới, vàng được coi như là một đồng tiền đặc biệt. Vàng giữ vai trò như một vật ngang giá chung ổn định bền vững, lâu đời nhất, hội tụ đầy đủ cả 5 chức năng của đồng tiền: thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán, phương tiện cất trữ và đồng tiền quốc tế. Vì vậy khi trong nền kinh tế xuất hiện những yếu tố bất ổn, chậm phát triển, đồng tiền bị mất giá, các nhà đầu tư lại quay sang mua vàng để bảo toàn vốn.

Thời kỳ trao đổi hiện vật: *Vàng tham gia vào các cuộc trao đổi hiện vật chỉ thuần túy với tư cách là một hàng hoá có giá trị sử dụng nhất định, có khả năng thỏa mãn những nhu cầu cụ thể trong sinh hoạt của con người như bao nhiêu loại vật phẩm khác. Vì vậy, vàng cũng là sản phẩm của lao động, dù nhiều dù ít nó cũng có giá trị vì lao động trừu tượng của con người đã được vật chất hoá trong nó.*⁶

Thời kỳ vàng có hình thái tiền tệ: Thời kỳ này vào khoảng 3.500 năm trước Tây lịch. Vàng – một loại hàng hoá đặc biệt – đã được chọn làm vật trung gian trao đổi ngang giá phổ biến, một phương tiện bình giá, giao hoán và bảo tồn giá trị.

Thời kỳ vàng là một loại tiền tệ chính thống: Đây là thời kỳ gắn liền với việc phát hành tiền vàng, và chỉ có nhà nước mới có quyền phát hành tiền vàng. Trong thời kỳ này vàng thể hiện đầy đủ nhất chức năng tiền tệ của mình: Thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán, phương tiện cất trữ và đồng tiền quốc tế.

Thời kỳ vàng đóng vai trò đảm bảo giá trị cho các tiền tệ khác ngoài tiền kim loại (tiền vàng, tiền bạc): Với vai trò này, vàng phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Điều kiện tiền quyết – khả hoán: số tiền giấy phát hành bất cứ lúc nào cũng có thể đổi lấy tiền thực (tiền vàng) tại ngân hàng phát hành

⁵ PTS. Nguyễn Hữu Định, 1996 “Kinh doanh vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh – Chính sách và giải pháp”

⁶ PTS. Nguyễn Hữu Định, 1996 “Kinh doanh vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh – Chính sách và giải pháp”

- Điều kiện dự trữ pháp định: để bảo đảm cho điều kiện khả hoán, ngân hàng phát hành phải luôn luôn tồn trữ một số vàng tương ứng với số tiền giấy đã phát hành.
- Những người lãnh đạo ngân hàng được sự bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Nhà nước.
- Ngân hàng phát hành phải trả một số thuế trên giá trị số tiền giấy phát hành thặng dư so với số vàng bảo đảm.
- Mỗi khi Nhà nước cần tiền, ngân hàng phải phát hành cho vay không lấy lãi.

Một số nét khái quát về thời kỳ này:

Vào khoảng một thế kỷ trước, thì vàng là đơn vị căn bản cho tiền tệ. Lúc bấy giờ, đế quốc Anh thống trị thị trường vàng trên thế giới, và đồng bảng Anh (pound) được đổi một cách dễ dàng sang vàng. Ngoài đồng bảng Anh, nhiều đồng tiền của các quốc gia khác, như đồng Mỹ-kim của Hoa Kỳ, cũng được đổi dễ dàng sang vàng. Theo chế độ tiền tệ Bretton Woods (ra đời vào 1/7/1944), chế độ bản vị vàng hồi đoái được thiết lập, theo đó 1 ounce = 35 USD (1 unce = 28,349 gram) hay người ta có thể quy đổi ngược lại là 1 USD = 0,88867088 gram vàng, từ đó tạo điều kiện cho đồng USD lên ngôi, trở thành đồng tiền quốc tế. Thế nhưng, vì sự ràng buộc khắt khe về tiêu chuẩn của vàng với tiền tệ trong nước cũng như nỗi khó khăn về chuyện di chuyển hay trao đổi nên mới dễ xảy ra những cơn khủng hoảng về tiền tệ cũng như trong các ngân hàng trong nước, mỗi khi số lượng vàng tích trữ trong ngân khố nhà nước hay các ngân hàng xuống thấp, và điều này đã dẫn đến tình trạng khủng hoảng vào năm 1929 với cơn đại suy thoái kinh tế. Vào ngày 5 tháng 4 năm 1933, Tổng Thống Franklin D. Roosevelt ký nghị định yêu cầu tất cả các công dân Hoa Kỳ phải nộp hết các đồng vàng cho ngân hàng để đổi thành tiền, và từ đó trở đi Hoa Kỳ trở thành quốc gia dùng tiền giấy làm đơn vị căn bản tiền tệ.

Mặc dù đã bị tước đi cái khả năng làm đơn vị tiền tệ, vàng ngày nay vẫn còn giữ lại huyền thoại và sức hấp dẫn của nó về mặt kinh tế. Hiện nay, **mã tiền tệ ISO của vàng là XAU.**

1.2. Thị trường vàng thế giới

1.2.1. Tình hình sản xuất khai thác vàng trên thế giới

Đến nay, con người đã khai thác được 126.000 tấn vàng, đủ để đúc thành khối lập phương, mỗi cạnh 18m. Hàng năm, các nước trên thế giới sản xuất được khoảng 1.500-1.800 tấn vàng. Trong vài thập niên trở lại đây, sản lượng Vàng khai thác trên thế giới không ngừng tăng cao. Từ năm 1990 đến nay, người ta ước tính sản lượng trung bình hàng năm của toàn thế giới vào khoảng 2.500 tấn.

Các số liệu về khai thác vàng trên thế giới như sau: năm 1991 ở Châu Âu khai thác được 33,2 tấn thì năm 2000 con số này là 21 tấn, ở Châu Á là 138,6 tấn; 274,7 tấn và Châu phi là 691 tấn; 615,1 tấn. Năm 1991 Nam phi khai thác được 601,1 tấn thì năm 2000 là 428,3 tấn; các con số này ở Liên Bang Nga 151,7 tấn và 154,9 tấn; Mỹ là 296 tấn và 355,2 tấn; Trung Quốc là 103,9 tấn và 162,3 tấn. Australia 234 tấn, Canada 176 tấn, Brazil 86 tấn, Papua Tân Ghinê 60 tấn, Chi lê 35 tấn.

1.2.2. Tình hình sử dụng vàng tại một số nước trên thế giới

Nhu cầu tiêu thụ vàng tăng ở hầu hết các nước trong những năm qua, nhất là tại thị trường Ấn Độ, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ... Theo WGC (World Gold Council), trong quý III/2004 nhu cầu tiêu thụ vàng thị trường thế giới đạt 716 tấn, tăng 6% so với cùng quý năm trước, trong đó tiêu thụ vàng cho trang sức là 651 tấn. Trong quý IV/2004, nhu cầu tiêu thụ vàng thế giới tiếp tục tăng lên tới 750 tấn, tăng 5%.

Tại Ấn Độ, nước có nhu cầu tiêu thụ vàng lớn nhất thế giới, trong quý III/2004 tăng 28% về giá trị và tăng 16% về khối lượng. Tại 2 thị trường vàng lớn nhất của nước này là Multi Commodity Exchange (MCX) và National Commodities & Derivatives Exchange of India (NCDX), lượng vàng giao dịch tăng nhanh từ khoảng 100 kg/ ngày lên tới hơn 10.000 kg/ngày hiện nay.

Tại Trung Quốc, nhu cầu vàng cho trang sức trong quý III năm 2004 tăng 5% và trong 3 quý đầu năm tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

Trên thế giới, Vàng được sử dụng chủ yếu vào mục đích trang sức (80-90%). Ngoài ra, Vàng cũng được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khoa học kỹ thuật như điện tử, hàng không, y tế, ... và trong đời sống xã hội như tiền tệ, nha khoa, huân, huy chương, ...

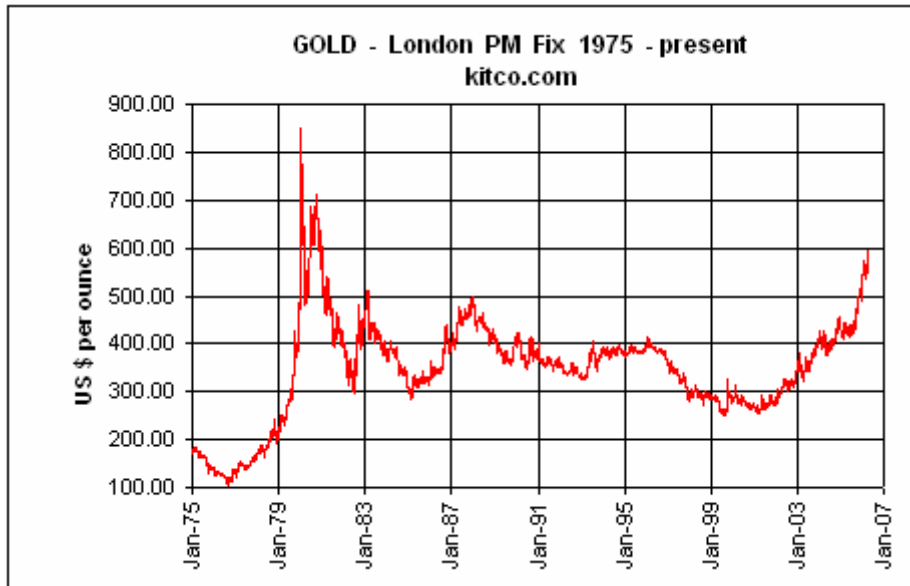
Lượng vàng sử dụng vào mục đích trang sức và điện tử tăng mạnh, đặc biệt là trong công nghiệp điện tử. **Vàng sử dụng vào mục đích tiền tệ đang giảm dần. Trong năm 2000 giảm xuống còn khoảng 30% so với năm 1999.**

1.2.3. Tình hình biến động giá vàng trong thời gian qua

Trong lịch sử giá vàng thế giới, giá vàng lên đến đỉnh điểm vào ngày 21/1/1981 với mức giá 875 USD/ounce. Nguyên nhân của việc giá vàng leo thang trong thời điểm này bắt đầu từ việc kinh tế Mỹ bị suy giảm, lạm phát gia tăng, nhất là sau khi bị sa lầy trong cuộc chiến tranh Việt Nam (1960 - 1975), Mỹ buộc phải bán vàng với khối lượng lớn trị giá khoảng 3,5 tỷ USD. Động thái đó không những đã khiến cho kho vàng của Mỹ bị giảm mạnh mà còn làm cho đồng USD buộc phải thả nổi sau quyết định ngày 15/8/1971, Mỹ đã đơn phương vô hiệu hoá thoả thuận Bretton Woods và sau đó một thời gian ngắn, ngày 18/12/1973 Mỹ lại phải tuyên bố phá giá đồng USD ở mức 10% - đánh dấu thời kỳ lạm phát làm tràn lan toàn cầu và mở đầu giai đoạn giá vàng bắt đầu leo thang ngày một cao, từ 232 USD/ounce năm 1972 lên đến 875 USD/ounce vào thời điểm ngày 21/1/1981.

Giá vàng giảm mạnh nhất là vào giai đoạn 1989 - 1999, khi chuẩn bị thành lập Khối đồng tiền chung châu Âu - đồng euro. Tổng lượng vàng dự trữ bán ra trong thời kỳ này khoảng 3,5 ngàn tấn. Điều đó đã khiến cho giá vàng giảm mạnh và đến ngày 1/7/1999, giá vàng tụt xuống còn 252,80 USD/ounce. Đây là mức giá vàng thấp nhất trong vòng hơn 20 năm qua. Trước tình hình đó, ngày 26/9/1999 Thoả thuận châu Âu về vàng đã ra đời, theo thoả thuận này, các nước cam kết trong vòng 5 năm sẽ không bán vàng dự trữ quốc gia nhằm ngăn chặn giá vàng tụt dốc, tổng lượng vàng bán ra hàng năm cũng không được vượt quá 400 tấn. Biện pháp này đã khiến cho giá vàng bắt đầu có xu hướng hồi phục trở lại. Giá vàng đã vượt mức 300 USD/ounce từ đầu tháng 10 năm 1999 và lần đầu tiên đã lên đến mức trên 400 USD/ounce vào đầu tháng 12 năm 2003. Bước sang năm 2004, giá vàng luôn dao động ở mức 400 USD/ounce, tuy giá vàng có giảm xuống dưới 400 USD/ounce trong các tháng 5,6,7 trong năm 2004 nhưng sau đó giá vàng lại đột ngột tăng giá. Và từ đó giá vàng liên tiếp đạt những mức kỷ lục về giá. Đặc biệt vào ngày 4 tháng 12, giá vàng đã đạt mức đỉnh điểm kỷ lục là 458 USD/ounce. Mức cao nhất trong lịch sử giá vàng 16 năm trở lại đây. Giá vàng đã tăng 31% so với mức giá 349,5 USD/ounce thời điểm đầu năm 2003.

Biểu đồ 1: Giá vàng thế giới giai đoạn 1975 - 2007



Nguồn: www.kitco.com

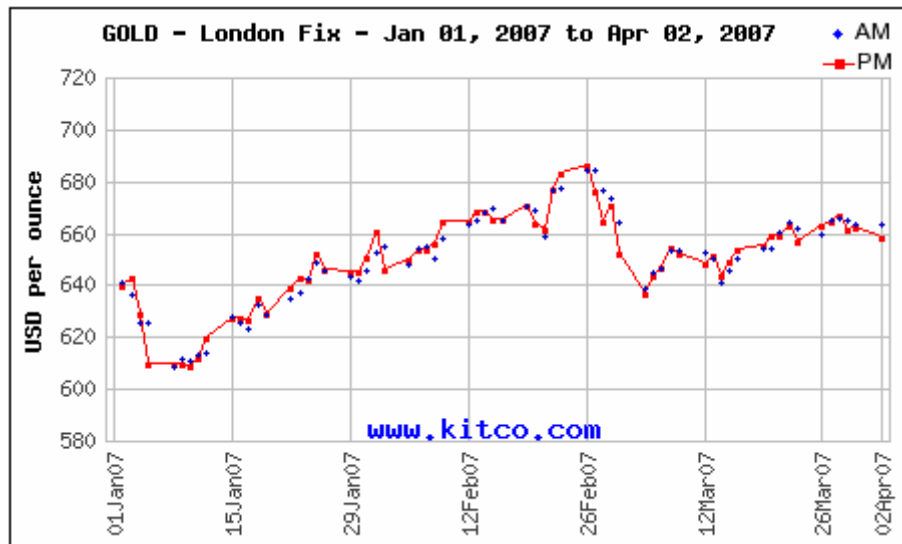
Trong năm 2006, giá vàng thế giới có nhiều biến động chủ yếu do tác động của giá dầu và tình hình khủng hoảng chính trị tại Trung Đông, Bắc Hàn, Iran, và các diễn biến về hoạt động của tổ chức khủng bố Alqueda ... Giá vàng từ trên 530 USD/ounce trong những ngày đầu năm đã vượt qua ngưỡng 700 USD/ounce ngày 11/05/2006. Hiện nay, vàng trên thị trường quốc tế đang giao dịch tại giá dao động trên dưới 600 USD/ ounce.

Bảng số 1: Giá vàng thế giới năm 2006

GOLD 2006 London PM Fix - USD											www.kitco.com	
	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
1		568.25	564.25			625.00		637.25	621.05		614.10	648.75
2		572.15	563.75		661.00	632.25		654.40		600.60	620.75	
3	530.00	569.00	565.00	587.00	673.60		622.95	644.40		582.25	622.75	
4	529.50			588.00	673.50		622.00	652.25	626.75	573.60		646.00
5	524.75			586.50	678.00	641.80	623.00		637.75	573.30		645.80
6	535.25	569.75	565.25	592.50		627.00	626.00		635.40	560.75	626.10	636.00
7		558.70	563.00	589.75		617.75	631.50	649.75	621.50		625.75	627.75
8		548.75	544.75		675.50	614.00		646.00	610.00		623.20	637.40
9	541.50	560.25	550.10		691.25	616.00		649.00		575.25	625.25	
10	543.50	557.00	535.00	597.25	699.90		626.00	644.75		571.40	629.30	
11	544.40			597.75	715.50		630.75	644.50	588.00	574.10		626.75
12	542.50			597.25	725.00	609.20	650.00		590.70	573.00		628.00
13	548.25	549.30	543.50	593.00		586.50	649.50		589.00	586.10	623.50	624.00
14		539.70	545.80			567.75	663.25	624.60	584.40		627.00	627.40
15		540.50	556.50		687.50	569.50		625.50	573.60		617.75	623.75
16	561.75	538.75	552.75		692.00	574.00		629.75		595.10	624.75	
17	553.25	551.70	552.75		699.50		652.50	625.50		590.00	620.50	
18	545.00			614.75	693.50		645.10	613.90	580.50	594.00		614.00
19	554.75			624.75	651.50	571.00	641.60		583.50	597.25		620.50
20	567.25	554.50	555.75	625.00		567.00	642.50		580.25	596.60	625.50	619.25
21		554.00	547.50	623.50		574.60	634.00	625.00	578.75		624.50	620.50
22		553.00	550.75		652.50	584.50		622.75	589.00		631.80	
23	554.50	551.20	546.50		666.75	579.60		628.10		582.75	630.25	
24	557.25	554.15	556.75	622.50	648.50		605.70	623.75		575.60	639.50	
25	561.75			634.75	642.50		618.75	621.25	584.75	580.75		
26	556.50			635.50	642.25	583.50	614.30		591.00	596.25		
27	561.75	553.25	565.00	638.00		588.75	639.00		593.75	596.25	638.75	628.50
28		556.00	567.50	644.00		582.75	637.10		603.00		637.00	632.00
29			565.00			589.25		613.40	599.25		637.50	
30	565.00		584.00		660.50	613.50		617.75		608.50	646.70	
31	568.75		582.00					623.50		603.75		
Avg	549.86	555.00	557.09	610.65	676.51	596.15	633.77	632.59	598.19	585.78	627.83	629.79
High	568.75	572.15	584.00	644.00	725.00	641.80	663.25	654.40	637.75	608.50	646.70	648.75
Low	524.75	538.75	535.00	586.50	642.25	567.00	605.70	613.40	573.60	560.75	614.10	614.00
Cumulative Avg			603.46									

Nguồn: www.kitco.com

Biểu đồ 2: Giá vàng thế giới 03 tháng năm 2007



Nguồn: www.kitco.com

1.2.4. Các nhân tố tác động đến giá vàng thế giới

Trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu hoá các nền kinh tế, hàng loạt các công cụ đầu tư có mức sinh lời hấp dẫn như cổ phiếu, trái phiếu trên các thị trường chứng khoán đã khiến cho các nhà đầu tư có nhiều phương án lựa chọn thích hợp nhất và sinh lời nhất bên cạnh việc lựa chọn vàng. Khi nền kinh tế thế giới phát triển ổn định, đồng tiền không bị mất giá thì đa số các nhà đầu tư đều lựa chọn đầu tư vào các cổ phiếu và trái phiếu, vì vậy đồng tiền của họ mới có thể sinh lời một cách nhanh nhất, thậm chí vì lợi nhuận cao, họ có thể bán cả vàng đi để đầu tư. Nhưng ngược lại, khi nền kinh tế xuất hiện những nhân tố bất ổn, kinh tế kém phát triển, đồng tiền bị mất giá thì các nhà đầu tư lại quay sang mua vàng và bán tháo các cổ phiếu và trái phiếu để bảo toàn vốn. Khi xác định các nhân tố ảnh hưởng đến giá vàng, chúng ta phải xác định rõ vai trò của vàng trong mối quan hệ cần phân tích. Với vàng, là một hàng hóa thông thường và tất nhiên, giá cả sẽ chịu tác động của quan hệ cung cầu. Ngoài ra với tư cách là tiền tệ vàng lại chịu tác động bởi các nhân tố khác như tình hình kinh tế, chính trị, lạm phát, Do vậy, giá vàng chịu sự tác động của các nhân tố:

Nguyên nhân thứ nhất - cung cầu - Cũng cũng như bất kỳ hàng hoá nào khác, giá cả của vàng cũng phụ thuộc vào quan hệ cung cầu. Mức cung vàng phụ thuộc vào chi phí khai thác và việc mở rộng hầm mỏ cũng như việc phát hiện các mỏ

vàng mới. Mức cầu vàng phụ thuộc vào khu vực kim hoàn, của các ngành công nghiệp có sử dụng vàng, mức cầu dự trữ của các ngân hàng quốc gia, mức cầu về đầu tư và đầu cơ, tình hình đầu tư và đầu cơ ở các nước. Hay nói cách khác, mức cầu vàng bao gồm **cầu vàng vật chất và cầu vàng tiền tệ.**

Nhân tố thứ hai - đồng USD – Thông thường, Dollar Mỹ lên giá so với các đồng tiền mạnh khác sẽ đi đôi với hiện tượng giảm giá vàng và ngược lại. Điều này gần như một thông lệ. Bởi vàng có vai trò đặc biệt trong hệ thống tiền tệ quốc tế. Tuy nhiên, mối quan hệ này không phải lúc nào diễn ra cũng theo đúng thông lệ.

Nguyên nhân thứ ba - Giá dầu - Đây được xem là nguyên nhân chính tác động mạnh mẽ đến giá vàng. Nếu chúng ta chia thế giới tiền tệ gồm có hai hình thái tiền tệ là tiền danh nghĩa (tiền giấy nói chung) và tiền thật (vàng). Trước hết, khi giá dầu tăng sẽ làm chi phí sản xuất của nền kinh tế tăng dẫn đến lạm phát do chi phí đẩy làm cho đồng tiền danh nghĩa mất giá, và đồng tiền thực tăng giá có nghĩa khi giá dầu tăng thì đồng nghĩa với giá vàng tăng. Ngoài ra, khi giá dầu tăng làm cho thu nhập các nước xuất khẩu dầu (các nước Trung Đông) tăng (luồng ngoại tệ - USD chảy vào các nước xuất khẩu dầu). Và để đa dạng hoá dự trữ ngoại hối trong tình hình tiền danh nghĩa đang mất giá, tất yếu các nước sẽ chuyển sang dự trữ bằng tiền thật (vàng) làm cho cầu vàng tiền tệ tăng dẫn đến sự gia tăng giá vàng. Do đó, có thể nói sự biến động của giá dầu bao giờ cũng dẫn đến sự biến động của giá vàng. **(xem phần phụ lục nghiên cứu bằng mô hình hồi quy) ⁷**

Nguyên nhân thứ tư - Tình hình chính trị các nước trên thế giới – Tương tự, tình hình chính trị các nước trên thế giới biến động (nhất là các nước lớn và các nước xuất khẩu dầu – tham khảo nguyên nhân thứ ba) sẽ tác động đến tính an toàn (lưu thông, thanh toán, giá trị danh nghĩa, ...) của đồng tiền danh nghĩa và đồng tiền thật được tìm thấy một sự trú ẩn an toàn trong giá trị. Và vì vậy tác động đến giá vàng

Nguyên nhân thứ năm - Ảnh hưởng của kinh tế thế giới – Tác động đến nhu cầu tài chính của vàng tại các nhà đầu tư bởi vàng được xem là nơi trú ẩn và bảo toàn giá trị đầu tư an toàn nhất của các nhà đầu tư.

⁷ Tiểu luận Xác suất thống kê – Huỳnh Phước Nguyên năm 2004

Các nguyên nhân khác: Chính sách của nhà nước, tốc độ lạm phát, chỉ số Việt làm ở Mỹ, giá cổ phiếu, ...

Vàng là nơi trú ẩn an toàn nhất khi có những biến động về chính trị - kinh tế - xã hội trên thế giới. Khi phân tích các nhân tố tác động đến giá vàng, chúng ta cần đặt nó trong mối quan hệ vừa là hàng hoá, vừa là tiền tệ.

Sự biến động giá vàng không phụ thuộc đơn thuần vào nhu cầu vật chất mà phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu tài chính.

1.2.5. Dự báo giá vàng trong thời gian tới

Bởi vì việc lưu giữ vàng thường được coi như là một phương thức để dành khác ngoài việc lưu giữ đồng Mỹ-kim, nên mỗi khi giá vàng gia tăng thường được giải thích là do tình trạng lạm phát gia tăng hoặc là đồng Mỹ-kim xuống giá trên thị trường thế giới. Thế nhưng hai điều này đã không xảy ra trong thời gian qua. Cho dù là đồng đô-la đã xuống giá nhiều so với các ngoại tệ khác trong nhiều năm qua, nhưng gần đây thì nó đã tăng lên trở lại mà không còn tiếp tục tụt dài dài như so với đồng euro trong những năm trước. Ngoài ra, chỉ số lạm phát căn bản, tức là nếu không tính thực phẩm và nhiên liệu, chỉ ở mức xấp xỉ 2% cho một năm. Và dầu rằng giá dầu thô đã tăng cao trong năm qua, nó cũng chỉ làm cho mức lạm phát tăng lên chưa đến 3%. Phải chăng những nhà đầu tư vàng đã nhìn ra những dấu hiệu cảnh báo lâm nguy khác mà các con số thống kê thông thường không để lộ ra?

Hoặc có lẽ một lời giải thích đơn giản hơn về việc tăng giá vàng là vì tình trạng khan hiếm của nó. Mà không riêng gì vàng, những thứ khác cũng đã tăng giá khá cao trong vòng vài năm qua. Nguyên liệu đồng (copper) hiện nay được bán ra trên thị trường với giá khoảng 2 Mỹ-kim cho một cân, tức là đã tăng giá khoảng 70% so với thời điểm 4 năm về trước. Giá dầu thô cũng vậy, ở mức khoảng 60 Mỹ-kim cho một thùng, tức là đã tăng hơn gấp đôi nếu so với thời điểm cuối năm 2003. Nhu cầu tiêu thụ toàn cầu, đặc biệt là ở hai xứ con rồng châu Á đông dân khủng khiếp là Trung Cộng và Ấn Độ, đã khiến cho nguyên liệu và vật liệu trên thế giới không còn dư thừa rộng rãi như những năm về trước.

Ngoài thành phần giới đầu tư và con buôn tìm cách đầu cơ tích trữ vàng, một số khách hàng quan trọng khác cũng muốn tiêu thụ vàng là các ngân hàng trung ương trên thế giới, và yếu tố này có thể khiến cho giá vàng còn tiếp tục ở giá cao trong trường kỳ. Trong quá khứ, số lượng vàng tồn kho trong ngân khố của nhà nước thường được coi là nền tảng chính để định mức giá trị của đồng tiền quốc gia đó, tức là muốn ấn hành số lượng tiền giấy bao nhiêu thì phải có một tài sản bằng vàng tương đương ở trong kho, bằng không thì đó chỉ là đồng giấy lộn, tuy rằng có in con dấu của nhà nước.

Khi nhu cầu gia tăng trong lúc mức sản xuất vẫn còn thấp thì sẽ tạo ra tình trạng giá cả phải tăng theo đúng quy luật tự nhiên. Trong nhiều trường hợp, người ta vẫn còn có quan niệm xem vàng là một món đầu tư đáng tin tưởng hơn những đồng tiền khác, cho dù là trong thực tế đầu tư vào vàng không đem lại lợi nhuận như tiền lời trong nhà băng hay chứng khoán bán lấy lời.

Thế nhưng dầu thế nào đi nữa, thì những lo sợ và ưu tư của con người khó giải thích một cách hợp lý được, và trong trường hợp của vàng, cái mãnh lực thần bí của nó vẫn tiếp tục lôi cuốn nhiều người trên thế giới chạy theo, bởi vì cái giá trị đích thực của vàng không phải ở chỗ nó cung cấp cho ta những lợi ích cụ thể gì (như các món đồ khác như đường sữa, dầu thô, hoặc sắt thép v.v...) mà ở chỗ nó có một giá trị biểu tượng huyền bí nào đó. Có lẽ điều đó cũng rắc rối khó giải thích được cũng như cái tâm lý kỳ quặc khó hiểu của con người trên thế giới này.

Tình hình thế giới không ổn định, nguy cơ xảy ra khủng bố, xung đột bạo lực chưa có dấu hiệu giảm bớt ở khu vực Trung Đông, giá dầu và các nguyên liệu thiết yếu thất thường nên các nhà đầu tư sẽ tiếp tục mua vàng. Đồng USD vẫn còn bấp bênh giá trị và như vậy, **giá vàng sẽ tiếp tục đứng ở mức cao hoặc có thể tăng thêm.**

1.3. Vai trò của vàng trong đời sống kinh tế - xã hội

1.3.1. Đối với nền kinh tế

Dự trữ vàng toàn thế giới khoảng 150,4 nghìn tấn tính đến cuối năm 2003. Các ngân hàng Trung ương và các tổ chức tài chính thế giới sở hữu khoảng 30.000

tấn, 17.000 tấn được sử dụng trong ngành công nghiệp điện và khoa răng. 79.000 tấn được sử dụng trong việc sản xuất các đồ nữ trang và đầu tư dự trữ khoảng 24.000 tấn.

Mặc dù đã bị tước đi cái khả năng làm đơn vị tiền tệ, vàng vẫn còn giữ lại huyền thoại và sức hấp dẫn của nó về mặt kinh tế. Trong khối lượng tiêu thụ vàng hiện nay trên thế giới, người ta ước lượng có khoảng 85% được dùng vào việc chế biến nữ trang và một số nhu cầu thương mại khác, như các phụ tùng trong các máy móc điện tử, hoặc trong ngành nha khoa làm bọc vàng cho răng. Phần nhỏ còn lại 15% được lưu hành trong các khách hàng đầu tư mua đi bán lại hoặc đầu cơ tích trữ, tức là gồm các quỹ đầu tư chuyên tính chuyện lời lỗ để lấy các quyết định mua bán trong ngày, cũng như một số đại thương gia. Đặc biệt là tại Á Châu và vùng Trung Đông, giới nhà giàu thường hay có thói quen tích trữ các thỏi vàng làm của. Chính trong hoạt của thiếu số 15% này mà cái giá cả tăng vọt trong thời gian qua đã bắt nguồn. Theo một bản báo cáo của tổ chức World Gold Council, một hội chuyên gia trong ngành, cho biết thì trong 9 tháng đầu của năm 2005, nhu cầu đầu tư và tích trữ vàng đã gia tăng hơn 62%.

1.3.2. Đối với đời sống xã hội

Trung Quốc là nước sản xuất vàng lớn thứ tư thế giới, đồng thời cũng là nước nhập khẩu vàng lớn: năm 2004 nhập khẩu 230 tấn vàng, tăng 13% so với năm 2003; năm nay nhu cầu nhập khẩu có thể tăng tới 20%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng của năm ngoái. Nhu cầu nhập khẩu vàng của Đài Loan tăng 27%; của Ả-rập Xê-út tăng 18%...

Vàng có thể được làm thành sợi và dùng trong ngành thêu. Vàng thực hiện các chức năng quan trọng trong máy tính, thiết bị thông tin liên lạc, đầu máy máy bay phản lực, tàu không gian và nhiều sản phẩm khác. Vàng được dùng trong nha khoa phục hồi, đặc biệt trong phục hồi răng như thân răng và cầu răng giả. Vàng keo (hạt nano vàng) là dung dịch đậm màu hiện đang được nghiên cứu trong nhiều phòng thí nghiệm y học, sinh học, v.v. Nó cũng là dạng được dùng làm nước sơn vàng lên ceramic trước khi nung. Chlorauric acid được dùng trong chụp ảnh để xử lý ảnh bạc. Disodium aurothiomalate dùng để điều trị viêm khớp dạng thấp. Đồng vị vàng Au-198, (bán huỷ: 2,7 ngày) được dùng điều trị một số ung thư và một số bệnh khác.

Vàng được dùng để tạo lớp áo phủ, giúp cho các vật chất sinh học có thể xem được dưới kính hiển vi điện tử quét.

1.3.3. Đối với chính phủ

Đối với thị trường vàng quốc tế, hiện nay NHTW các nước trên thế giới ước tính đang dự trữ khoảng 130.000 tấn vàng. Hoa Kỳ là nước đứng đầu thế giới có số lượng vàng dự trữ đến 8.136 tấn ở thời điểm cuối năm 2004 đầu năm 2005. Tổ chức tiền tệ quốc tế IMF có số vàng dự trữ là 3.217 tấn. Nga, Nam Phi và Argentina đã tiết lộ kế hoạch sẽ nâng sản lượng vàng trong kho dự trữ của mình. Tờ Tân Hoa Xã của Trung Quốc tuần trước cũng loan tin, nước này dự kiến sẽ tăng dự trữ vàng thêm 600 tấn, nâng tổng mức dự trữ của Ngân hàng trung ương lên mức 2.500 tấn. Nếu kế hoạch này được thực hiện, Trung Quốc sẽ trở thành nơi dự trữ vàng lớn thứ năm trên thế giới, sau Mỹ, Đức, Quỹ Tiền tệ quốc tế, và Pháp.

Theo Business Week, các ngân hàng Trung ương lớn có nhiều dự trữ vàng đã hoặc sẽ bán ra một lượng vàng lớn. Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ- một trong những ngân hàng Trung ương xưa nay thích cất vàng nhiều nhất thế giới, từ tháng 5/2000 đã thực hiện chương trình tiêu thụ 1.300 tấn vàng, chỉ còn giữ lại 1.426 tấn. Ngân hàng Anh đã bán ra 345 tấn vàng, bằng hơn một nửa lượng vàng dự trữ kể từ tháng 9/1999. Ngân hàng Hà Lan đã bán ra 210 tấn vàng kể từ tháng 9/1999 và có kế hoạch bán thêm 55 tấn nữa trong năm 2004 này. Do kinh tế trì trệ, trong khi nguồn thuế thu được không đủ đáp ứng nhu cầu chi tiêu của ngân sách, riêng Pháp và Đức còn vi phạm giới hạn thâm thủng ngân sách vượt quá 3% GDP theo cam kết với EU, nước Pháp dự kiến bán 500 tấn vàng từ tháng 2/2005; nước Đức sẽ bán đi một phần trong tổng số 3.440 tấn vàng dự trữ; nước Ý cũng sẽ giảm trong tổng lượng vàng dự trữ 2.541 tấn của mình... Mặc dù có thoả thuận đã được ký kết giữa các ngân hàng Trung ương Châu Âu, từ tháng 9/2004 trở đi tổng số vàng được các ngân hàng bán ra mỗi năm (rải ra trong 5 năm) sẽ chỉ là 500 tấn.

1.3.4. Đối với ngân hàng

Do vàng trở thành phương tiện đầu tư an toàn và hấp dẫn nên các ngân hàng cũng bước vào tham gia kinh doanh mặt hàng này. Nhiều ngân hàng lao vào kinh doanh mặt hàng hấp dẫn sinh lời nhanh này. Corporation Bank và Indian Bank đã

cung cấp các khoản vay cho khách hàng để mua vàng. ICICI Bank tung các đồng tiền vàng vào khu vực bán lẻ nhằm nâng gấp đôi lượng vàng tiêu thụ lên 2 tấn vàng vào cuối tài khoá với doanh thu 1,4 tỷ Rupee. ICICI Bank bán vàng của họ dưới dạng những đồng xu nhỏ có trọng lượng 5 đến 19 gram giúp các nhà đầu tư nhỏ dễ dàng chuyển tiền vàng. Dự báo, lượng đồng tiền vàng bán ra của ICICI Bank năm nay sẽ tăng gấp đôi năm ngoái, đạt doanh thu khoảng 300 triệu rupi. Nhiều chủ thể kinh doanh khác cũng đang được lợi nhờ sự "lên ngôi của vàng". Ở tầm vĩ mô, số liệu thống kê cho thấy nhu cầu vàng ở Ấn Độ tăng mạnh trong năm nay. WGC ước tính, nhu cầu vàng của người tiêu dùng tại đây trong quý 3 năm 2004 đã tăng 28% về giá trị, và tăng 16% về khối lượng so với cùng kỳ năm trước, vượt xa so với mức tăng 3% của năm 2003 về cả hai mặt so sánh nêu trên. Điều quan trọng là xu thế này dường như vẫn tiếp diễn, bởi mùa cao điểm mua vàng ở Ấn Độ có truyền thống kéo dài từ tháng 10 năm trước tới tháng 3 năm sau.

Một điều đáng quan tâm nữa là lượng vàng mua vào với mục đích đầu tư (gồm vàng thỏi, tiền vàng...) tăng nhanh hơn là vàng trang sức. Trong 9 tháng đầu năm 2004, giá trị lượng vàng này bán ra tăng tới 21,6% so với 19,9% của vàng trang sức. WGC ước tính khối lượng vàng mua để đầu tư năm nay sẽ vượt mức 100 tấn (vượt cả mức kỷ lục 90 tấn của năm ngoái) chiếm khoảng 1/5 lượng vàng nhập khẩu vào Ấn Độ.

1.4. Nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại

1.4.1. Khái niệm:

Kinh doanh là hoạt động thuộc nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ của ngân hàng. Đây là nghiệp vụ trung gian, nó không ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn (nghiệp vụ nợ) và cũng không ảnh hưởng trực tiếp đến nghiệp vụ tín dụng, đầu tư (nghiệp vụ có). Kinh doanh trong ngân hàng thương mại bao gồm kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và đá quý.

1.4.2. Các nghiệp vụ chủ yếu của ngân hàng thương mại

Các ngân hàng thương mại hoạt động kinh doanh với 3 mảng nghiệp vụ lớn: Nghiệp vụ nguồn vốn; nghiệp vụ tín dụng và đầu tư; nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ

ngân hàng. Mỗi nghiệp vụ đều có một vị trí và tác dụng khác nhau nhưng đều hướng tới mục tiêu chung và tổng quát của bất kỳ một ngân hàng thương mại nào đó là đáp ứng được nhu cầu của khách hàng với hiệu quả cao nhất

1.4.2.1. Nghiệp vụ nguồn vốn

Còn được gọi là nghiệp vụ Nợ, đây là nghiệp vụ nhằm tạo lập nguồn vốn hoạt động của ngân hàng thương mại. Nguồn vốn của ngân hàng thương mại bao gồm những loại nguồn vốn sau:

- Vốn chủ sở hữu: Vốn điều lệ và các quỹ của ngân hàng
- Vốn huy động: Huy động hoạt kỳ và huy động định kỳ
- Vốn đi vay: Vay ngân hàng Trung ương và vay các ngân hàng thương mại khác, ..
- Vốn tiếp nhận
- Vốn khác: phát sinh trong khi làm đại lý chuyển tiền, thanh toán, công nợ chưa đến hạn phải trả, ...

1.4.2.2. Nghiệp vụ tín dụng và đầu tư

- Nghiệp vụ tín dụng: Cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng
- Nghiệp vụ đầu tư: Đầu tư trực tiếp, đầu tư tài chính

1.4.2.3. Nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ ngân hàng

- Dịch vụ ngân quỹ
 - Chuyển tiền
 - Dịch vụ thanh toán: Thanh toán quốc nội và thanh toán quốc tế
 - Thu hộ
 - Mua – bán hộ
 - Dịch vụ ủy thác
-

- Dịch vụ tư vấn tài chính, đầu tư phát triển, thẩm định dự án, cung cấp thông tin, ...
- Các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, thanh toán thẻ tín dụng quốc tế.
- Dịch vụ nhân và chi trả kiều hối, thu đổi ngoại tệ phi mậu dịch, ...

1.4.3. Nghiệp vụ kinh doanh vàng của ngân hàng thương mại

1.4.3.1. Nghiệp vụ mua bán giao ngay (Spot)

Nghiệp vụ Spot là nghiệp vụ mà việc mua bán vàng được thực hiện theo giá tại thời điểm thỏa thuận. Tuy nhiên, cần có thời gian để thực hiện các bút toán kế toán và chuyển tiền nên việc thanh toán của nghiệp vụ Spot thường là sau 02 ngày kể từ lúc thỏa thuận được chấp thuận.

1.4.3.2. Nghiệp vụ mua bán có kỳ hạn (Forward)

Là cam kết mua bán vàng tại một mức giá xác định và thực hiện thanh toán vào một ngày xác định trong tương lai.

1.4.3.3. Nghiệp vụ hoán đổi (Swap)

Hoán đổi là cam kết mua và bán vàng tại một mức giá được xác định trước, trong đó việc mua và bán được tiến hành tại các thời điểm khác nhau. Thực chất của giao dịch hoán đổi là một nghiệp vụ kép của hai nghiệp vụ: giao dịch giao ngay (Spot) và giao dịch kỳ hạn (Forward) với cùng một lượng vàng nhưng theo hai hướng ngược nhau.

1.4.3.4. Nghiệp vụ quyền lựa chọn

Quyền lựa chọn vàng là quyền được mua hoặc bán một số lượng vàng trong một khoảng thời gian xác định trong tương lai với giá được xác định tại thời điểm giao dịch. Có hai loại quyền lựa chọn: Quyền chọn mua (Call option) và quyền chọn bán (Put option)

- Quyền chọn mua (Call option): Là quyền được mua vàng tại giá thỏa thuận trong khoảng thời gian xác định trong tương lai.
-

- Quyền chọn bán (Put option): Là quyền được bán vàng tại giá thỏa thuận trong khoảng thời gian xác định trong tương lai.

Người mua quyền là người có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải thực hiện quyền của mình. Ngược lại, người bán quyền phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đã ký kết với người mua nếu người mua thực hiện quyền chọn của mình.

Có 2 loại quyền chọn:

- Quyền chọn kiểu Mỹ: cho phép người mua quyền thực hiện quyền chọn tại bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian hiệu lực của hợp đồng
- Quyền chọn kiểu Châu Âu: chỉ có thể thực hiện vào ngày đáo hạn.

Kết luận chương I

Việc xác định vàng là nhu cầu vật chất hay tài chính là tùy vào quan điểm và nhu cầu tại thời điểm cụ thể. Tuy nhiên, dù ở nhu cầu nào trong đời sống, vàng cũng có những biến động giá cả của riêng nó. Phát huy vai trò tiền tệ (nhu cầu tài chính) của vàng, một số ngân hàng thương mại Việt Nam đã và đang tiếp tục triển khai hoạt động kinh doanh vàng và phát triển mạnh trong thời gian qua. Mặc dù, các hoạt động thể hiện vai trò tiền tệ của vàng đã được triển khai và thực hiện ở các ngân hàng của các nước trên thế giới từ rất lâu, nhưng hoạt động kinh doanh vàng tiền tệ ở Việt Nam chỉ triển khai trong vòng một thập niên gần đây và phát huy mạnh mẽ trong khoảng vài năm trở lại đây nhưng hiện tại nó có vai trò rất lớn trong hoạt động tìm kiếm lợi nhuận của các ngân hàng. Do vậy mục đích của đề tài nhằm tìm hiểu tác động của kinh doanh vàng đối với ngân hàng và cộng đồng.

Phần tiếp theo sau của luận văn sẽ nghiên cứu hoạt động thực tiễn của nghiệp vụ kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (chọn mẫu nghiên cứu là ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Eximbank) để có thể thấy được xu hướng phát triển của nghiệp vụ này trong thời gian qua.

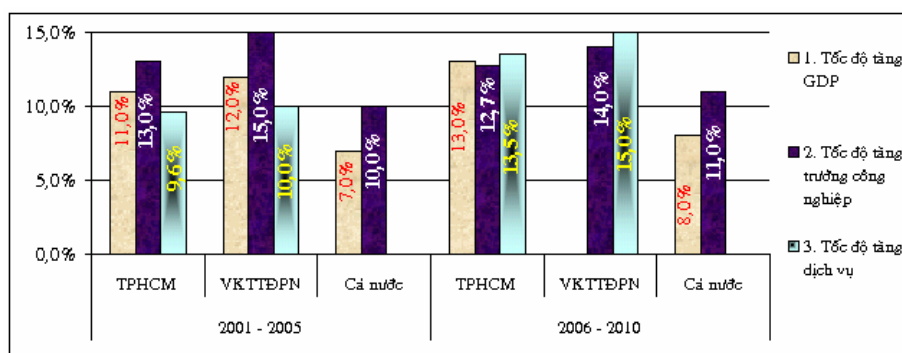
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KINH DOANH VÀNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Một số nét về tình hình kinh tế - tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh

Kinh tế thành phố liên tiếp tăng trưởng theo xu hướng tăng liên tục, năm sau cao hơn năm trước và trong năm 2005 là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua (2001: 9,5%; 2002: 10,2%; 2003: 11,4%; 2004: 11,7%, 2005: 12,2%). Đóng góp vào tăng trưởng 12,2%, cao nhất là khu vực dịch vụ (đóng góp 6,2%), khu vực công nghiệp - xây dựng (đóng góp 6%), khu vực nông nghiệp (đóng góp 0,03%). Đây là lần đầu tiên sau nhiều năm khu vực dịch vụ có tỷ lệ đóng góp cao nhất vào tăng trưởng kinh tế thành phố (vượt qua khu vực công nghiệp - xây dựng). Trong các thành phần kinh tế, đóng góp nhiều nhất vào tốc độ tăng trưởng là khu vực kinh tế dân doanh (6,54%); kế đến là khu vực kinh tế Nhà nước (3,55%) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2,12%).

Biểu đồ 3: Tốc độ tăng trưởng GDP, công nghiệp và dịch vụ của TPHCM, VKTTĐPN và cả nước giai đoạn 2001 – 2010

	2001-2005			2006-2010		
	TPHCM	VKTT ĐPN	Cả nước	TPHCM	VKTT ĐPN	Cả nước
1. Tốc độ tăng GDP	11%	12%	7%	13%		8%
2. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp	13%	15%	10%	12,7%	14%	11%
3. Tốc độ tăng dịch vụ	9,6%	10%		13,5%	15%	



Nguồn: www.dpi.hochiminhcity.gov.vn

Dựa vào Quy hoạch phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam (KTTĐPN), Thành phố Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ là vai trò trung tâm, đồng thời là

Trung tâm lớn của cả nước. Trong giai đoạn 2001 – 2010, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong Vùng Kinh tế Trọng điểm Phía Nam.

Trong năm 2005, các hoạt động tín dụng - ngân hàng tiếp tục phát triển, góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Nguồn vốn huy động qua ngân hàng đạt 170.890 tỷ đồng, tăng 23,1% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng 164.600 tỷ đồng, tăng 32,3% so cùng kỳ; trong đó dư nợ cho vay trung dài hạn chiếm 49% tổng dư nợ. Cho vay khu chế xuất - khu công nghiệp tăng 38,7% so cùng kỳ; cho vay chương trình kích cầu thông qua đầu tư tăng 5,1%. Nhiều dịch vụ tín dụng hiện đại được đưa vào ứng dụng, mạng lưới thanh toán thông qua thẻ ATM được mở rộng, tạo nhiều thuận lợi cho nhân dân thanh toán tiền lương, chi phí điện, nước, điện thoại; đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng theo thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, ngành ngân hàng đang khó khăn trước tình hình biến động giá, phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động vốn; cần có biện pháp quản lý để lãi suất không tăng tự phát, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế.

Bảng số 2: Một số chỉ tiêu tiền tệ và hoạt động ngân hàng giai đoạn 2006 - 2010

Một số chỉ tiêu tiền tệ và hoạt động ngân hàng giai đoạn 2006 - 2010		
1	Lạm phát (%/năm)	Thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế
2	Tăng trưởng bình quân tổng phương tiện thanh toán (M2) (%/năm)	18 - 20
3	Tỷ lệ M2/GDP đến cuối năm 2010 (%)	100 - 115
4	Tỷ trọng tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng/M2 đến năm 2010 (%)	Không quá 18
5	Tăng trưởng bình quân tín dụng (%/năm)	18 - 20
6	Tỷ lệ an toàn vốn đến năm 2010 (%)	Không dưới 8
7	Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ đến năm 2010 (%)	Dưới 5
8	Chuẩn mực giám sát ngân hàng đến năm 2010	Chuẩn mực quốc tế (Basel I)
9	Dự trữ quốc tế tối thiểu đến năm 2010	12 tuần nhập khẩu

Nguồn: Vneconomy

2.2. Khái quát thị trường vàng ở Việt Nam

2.2.1. Tình hình sản xuất và khai thác vàng ở Việt Nam ⁸

⁸ KS. Hoàng Sỹ Bảy

Người Việt cổ đã biết khai thác và sử dụng vàng. Điều này được thể hiện qua các địa danh còn lưu truyền cho đến ngày nay như: Kim Bôi- có nghĩa là Chén vàng ở khu vực Hoà Bình hiện nay. Và nơi đây, bây giờ là khu vực có nhiều triển vọng về vàng. Hay khu vực Ngân Sơn có nghĩa là Núi Bạc hiện nay cũng là khu vực mỏ vàng (thuộc tỉnh Bắc Kạn,...) dưới thời Văn Lang- Âu Lạc, theo số liệu nghiên cứu, sản lượng khai thác hàng năm vào khoảng 125 kg/năm

Sang thời kỳ Pháp thuộc (1858 - 1945) người Pháp đã đặc biệt quan tâm đến việc tìm kiếm khai thác mỏ. Nhiều nhà địa chất giỏi của Pháp đã sang Việt Nam khảo sát đánh giá tài nguyên khoáng sản. Riêng về vàng, người Pháp đặc biệt chú ý đến mỏ vàng Bồng Miêu, Quảng nam. Trong thời gian 40 năm (1900 - 1940) người Pháp đã khai thác ở mỏ này 3.500kg vàng. Năm 1935 ở đây đã đạt sản lượng khá cao tới 200 kg vàng và 78kg bạc. Ở các mỏ vàng khác như Pắc Lạng, Tĩnh Túc từ năm 1938 đến năm 1944 Pháp cũng lấy được 689,2 kg vàng.

Sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Đảng và Nhà nước ta đã chú ý xây dựng phát triển ngành địa chất và khai khoáng. Hơn 40 năm qua nhiều mỏ vàng gốc và vàng sa khoáng được phát hiện đã tô đẹp thêm tấm bản đồ khoáng sản của Việt Nam. Từ năm 1980 trở lại đây, việc khai thác vàng tại các mỏ trên khắp cả nước được nhân dân khai thác tùy tiện. Chỉ có một số Xí nghiệp khai thác của Nhà nước với quy mô nhỏ như Xí nghiệp khai thác vàng Pắc Lạng ở phía bắc, Xí nghiệp khai thác vàng Đức Trọng- Lâm Đồng

Tiềm năng và triển vọng công nghiệp khai thác - chế tác vàng ở Việt Nam, theo dự báo về trữ lượng tài nguyên Việt Nam, các nhà địa chất dự báo trữ lượng vàng nước ta còn khoảng 1.000-3.000 tấn. Cũng theo số lượng dự báo với trữ lượng vàng hiện nay có thể đảm bảo cho sản lượng khai thác hàng năm khoảng 20 tấn (ít nhất là từ nay đến 2010). Việt Nam có nhiều mỏ quặng vàng với nhiều hình thái (vàng gốc, sa khoáng, cộng sinh) và quy mô khác nhau. Các mỏ vàng gốc, vàng sa khoáng có ở Ngân Sơn, Pắc Lạng (Bắc Cạn), Nà Pái (Cao Bằng), Cẩm Thủy (Thanh Hoá), Trại Cau (Thái Nguyên), Định Quả (Thanh Sơn- Phú Thọ), Sông Hiếu (Nghệ An), Bồng Miêu (Quảng Nam), Chiêm Hoá (Tuyên Quang), Kim Bôi (Hoà Bình),

Bình Liêu- Bình Gia (Lạng Sơn), Tân An, Bình Sơn (Quảng Ngãi), Đức Trọng (Lâm Đồng), Tuy Hoà (Phú Yên) và nhiều địa danh khác.

2.2.2. Tình hình tiêu thụ và sử dụng vàng ở Việt Nam

Theo thống kê của Hội đồng Vàng thế giới, trong vài năm gần đây, mỗi năm Việt Nam tiêu thụ khoảng 50-60 tấn vàng nguyên liệu, nhưng tổng lượng vàng khai thác được trong nước chỉ đạt 2-3 tấn/năm. Như vậy gần như toàn bộ lượng vàng nguyên liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước phải nhập từ nước ngoài. Nói cách khác, Việt Nam là một nước chủ yếu nhập khẩu vàng. Hiện nay, hoạt động xuất nhập vàng vẫn do Ngân hàng Nhà nước quản lý, cấp phép. Thế nhưng theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, trong năm 2003, lượng vàng nguyên liệu nhập theo quota của Ngân hàng Nhà nước cấp-tức là nhập theo con đường chính ngạch chỉ xấp xỉ 10 tấn, vậy số còn lại tất nhiên là nhập theo con đường tiểu ngạch, phần lớn là nhập lậu. Tại sao con số nhập lậu lại chiếm tỷ trọng lớn như vậy, chiếm tới 85% tổng kim ngạch nhập khẩu vàng, lên tới 50/58 tấn với tổng trị giá là 650 triệu USD, tương đương khoảng 10.400 tỷ đồng theo giá thế giới hiện hành chỉ bởi một lý do đơn giản là để trốn thuế nhập khẩu.

Vàng ở nước ta chủ yếu sử dụng vào mục đích trang sức và làm đơn vị tiền tệ trao đổi trong giao dịch thương mại: mua bán nhà, đất, mua bán xe máy, ... với sản lượng vàng khai thác hiện nay của nước ta không đáp ứng được cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước. Hàng năm nước ta phải nhập khẩu một khối lượng vàng rất lớn. Năm 2000, Việt Nam khai thác được 1,9 tấn vàng; nhập khẩu 18,4 tấn và dùng cho sản xuất trang sức là 18 tấn. Dự báo trong năm 2006, thị trường vàng Việt Nam sẽ tiêu thụ khoảng 80 tấn.

Theo con số thống kê trên toàn quốc hiện có khoảng hơn 7.000 doanh nghiệp lớn bé hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu vàng bạc, đá quý và hàng trang sức, thuộc mọi thành phần kinh tế khác nhau, trong đó có khoảng gần 10 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp này đang thu hút hàng chục ngàn lao động và tạo ra sản phẩm trị giá hàng chục ngàn tỷ đồng mỗi năm.

Việt Nam phải nhập khẩu 95% nhu cầu vàng cho thị trường tiêu thụ trong nước. Do vậy, mọi biến động về giá vàng, tỷ giá và lãi suất các đồng tiền chủ đạo trên thế giới đều gây ra những biến động tức thời đến thị trường trong nước.

2.2.3. Kinh doanh vàng nữ trang

Theo thống kê của Hiệp hội Kinh doanh vàng Việt Nam: năm 2003 kim ngạch xuất khẩu vàng nữ trang của cả nước đạt 50 triệu USD, năm 2004 đạt 80 triệu USD, năm 2005 đã đạt tới 13,3 tỷ USD. Việt Nam cũng là nước có mức tiêu thụ vàng lớn tại Châu Á. Năm 2003 đạt 59 tấn vàng, xếp thứ nhì trong khu vực Đông Nam á, chỉ sau Indonesia và vượt xa các quốc gia khác như Thái Lan, Malaysia. Tính trong 9 năm từ 1995-2004, tổng lượng vàng tiêu thụ tại thị trường Việt Nam đã tăng từ 39,5 tấn lên 59 tấn. Như vậy mức tăng bình quân hàng năm là 5,4%, gần ngang bằng với mức tăng trưởng GDP của nền kinh tế trong cùng thời gian này. Với thu nhập của người dân ngày một khá lên, vì thế mức tăng trưởng của thị trường vàng có thể sẽ vào khoảng 7% mỗi năm. Trong năm 2006, thị trường vàng Việt Nam sẽ tiêu thụ khoảng 80 tấn.

Hiện nay, trên cả nước có khoảng hơn 7.000 doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, đá quý. Hầu hết doanh nghiệp kinh doanh vật chất (dạng sơ cấp) hoặc vàng thành phẩm. Bởi thiết bị, công nghệ sản xuất và chế tác vàng của các doanh nghiệp hiện nay còn rất lạc hậu. “Chất lượng sản phẩm trang sức của ta chưa có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế”. Trong khi đó, phía cơ quan quản lý hoạt động kinh doanh vàng vẫn chưa đưa ra được một bộ tiêu chuẩn về vàng, bạc, đá quý. Chất lượng (tuổi) vàng, bạc, đá quý được kiểm định vẫn bằng những kỹ thuật “cổ truyền” hết sức thủ công và cho sai số rất cao. So với Thái-lan, nước xuất khẩu 2,2 tỷ USD nữ trang mỗi năm, vàng trang sức Việt Nam tụt hậu quá xa. So với Trung Quốc, xuất khẩu nữ trang Việt Nam cũng không theo kịp. Vấn đề là ở chỗ kinh doanh vàng ở Việt Nam còn manh mún, các doanh nghiệp không có khả năng tiếp cận thị trường nước ngoài.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam, hoạt động xuất khẩu vàng của doanh nghiệp Việt Nam rất có tiềm năng vì các doanh nghiệp đều có đội ngũ thợ riêng vừa giàu kinh nghiệm trong nghề vừa được học hỏi thêm từ bên

ngoài. Bên cạnh đó so với các nước trong khu vực, giá nhân công ở Việt Nam khá rẻ nên sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao.

2.2.4. Kinh doanh vàng tiền tệ tại ngân hàng thương mại

Tổng số kim ngân đang lưu hành tại Việt Nam ước tính trên 9 triệu lượng vàng 99,99 (tương đương 337,33 tấn). Để hội nhập với thị trường thế giới, đáp ứng nhu cầu của thị trường và đa dạng hoá hoạt động kinh doanh, thời gian qua một số ngân hàng thương mại cổ phần mở các nghiệp vụ giao dịch vàng theo các hình thức hiện đại, giúp nhà đầu tư có nhiều phương thức kinh doanh và nhiều cơ hội lựa chọn.

Đó là huy động vốn bằng vàng và cho vay vốn bằng vàng. Theo báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) năm 2005, kết quả tổng hợp từ các ngân hàng thương mại (9 ngân hàng) được phép huy động vốn và kinh doanh bằng vàng, đến nay tổng trị giá huy động vốn bằng vàng đạt 4.108 tỷ đồng (11,5 tấn vàng), so với mức đạt được cuối năm 2004 là 3.274 tỷ đồng, tăng 25,5%. Tổng dư nợ cho vay bằng vàng đạt 3.133 tỷ đồng (khoảng trên 10,5 tấn.), so với mức dư nợ cuối năm 2004 là 1.822 tỷ đồng, tăng gần 72%. Trong số dư nợ cho vay nói trên của các ngân hàng thương mại trên địa bàn Tp.HCM đến thời điểm hiện tại, thì số dư nợ từ vàng chuyển sang cho vay bằng Đồng Việt Nam để sử dụng cho vay chiếm 0,3% tổng nguồn vốn huy động bằng vàng, so với tỷ lệ cho phép tối đa là 30%. Tỷ lệ nợ quá hạn chiếm 0,85% tổng dư nợ cho vay bằng vàng, so với tỷ lệ nợ quá hạn cuối năm 2004 là gần 1%. Tỷ lệ này cho thấy việc cho vay bằng vàng bảo đảm hiệu quả, người vay cũng sử dụng vốn cho vay bằng vàng có hiệu quả, trả nợ đúng hạn.

Trong quá trình hoạt động bằng nghiệp vụ vàng, các ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện đúng nguyên tắc sử dụng vốn, đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo hạn chế tối đa rủi ro tín dụng, cũng như mang lại hiệu quả rất cao cho các ngân hàng thương mại, đồng thời đa dạng hoá được các hoạt động đầu tư. Cả nguồn vốn và cả dư nợ cho vay bằng vàng của các ngân hàng thương mại đều tăng mạnh trong thời gian qua chứng tỏ hoạt động kinh doanh này đang có hiệu quả đối với khách hàng. Việc đông đảo người dân tin tưởng đến giao dịch bằng vàng với ngân hàng thương mại cũng cho thấy trong điều kiện diễn biến chỉ số tăng giá tiêu

dùng lên cao, diễn biến giá vàng bất thường, nhiều người lo sợ rủi ro nên vẫn để dành hay đầu tư tài sản bằng vàng gửi vào ngân hàng vừa an toàn, vừa sinh lời, vừa bảo đảm được tài sản theo giá vàng. Nhưng bên cạnh đó, vẫn có nhiều người với tính toán và dự báo khác lại vay vốn bằng vàng tại các ngân hàng thương mại.

Nghiệp vụ mua bán vàng tiền tệ trực tiếp với khách hàng mặc dù không có số liệu thống kê chính xác, nhưng theo các ngân hàng thương mại có hoạt động kinh doanh vàng thì đây là nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh (chỉ đứng sau nghiệp vụ cho vay) của các ngân hàng trong thời gian qua.

Dịch vụ quyền lựa chọn vàng bắt đầu từ ngày 15-12 với ACB là ngân hàng đầu tiên thực hiện nghiệp vụ này. Cho tới thời điểm này, các ngân hàng đã tiến hành triển khai dịch vụ này là Vietcombank, Agribank và BIDV, Techcombank, VIB Bank, Sacombank, Eximbank, ... Để thực hiện nghiệp vụ này, đòi hỏi cả người bán và người mua sản phẩm phải có kiến thức cơ bản về tài chính. Do đó, mặc dù đã triển khai thực hiện khá lâu nhưng dịch vụ này chưa phát huy hiệu quả cao.

Kinh doanh vàng trên tài khoản gồm có 5 ngân hàng và 3 Công ty vàng bạc đá quý được phép triển khai nghiệp vụ này, gồm các ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Sài Gòn Thương Tín, Việt Á, Á Châu và Phương Đông; Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn - SJC, Công ty kinh doanh Mỹ nghệ vàng bạc đá quý Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN, Công ty vàng bạc đá quý Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn TP.HCM. Mặc dù đây là nghiệp vụ mới được Ngân hàng Nhà nước và Vụ quản lý ngoại hối cho phép triển khai, nhưng có thể xem đây là nghiệp vụ kinh doanh đầy triển vọng cho ngân hàng và các doanh nghiệp kinh doanh vàng, bởi khi thực hiện nghiệp vụ này thể hiện tính hội nhập rất cao với thị trường vàng tiền tệ thế giới.

2.2.5. Các nhân tố tác động đến giá vàng tại Việt Nam

Giá vàng Việt Nam chịu tác động của giá vàng thế giới, bởi 95% nhu cầu vàng trong nước (khoảng 60 tấn) được nhập khẩu. (tham khảo phần các nhân tố tác động đến giá vàng thế giới ở phần 2.3.2)

Giá vàng nhập khẩu được tính bằng USD nên giá vàng trong nước chịu sự tác động của tỷ giá USD/VND.

Giá vàng phụ thuộc vào thuế nhập khẩu vàng mà Việt Nam áp dụng

Giá vàng phụ thuộc năng lực sản xuất vàng miếng của Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC) bởi giao dịch vàng hiện nay chủ yếu là dựa trên vàng SJC (trên 80% giá trị giao dịch vàng tiền tệ). Năng lực sản xuất vàng miếng hiện nay của Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn là 8.000 lượng/ ngày

Chính sách về ngoại hối và vàng của Nhà nước (được điều chỉnh bằng hạn ngạch nhập vàng hàng năm của Ngân hàng nhà nước)

Và tất nhiên phụ thuộc vào quan hệ cung cầu vàng tại thị trường trong nước và các nhân tố khác,

Mối quan hệ giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới

Việt Nam hiện là nước nhập khẩu vàng (95% nhu cầu vàng trong nước được nhập khẩu). Do vậy giá vàng trong nước luôn biến động cùng với giá vàng thế giới. Tuy nhiên không phải mối liên quan này lúc nào cũng đúng bởi giá vàng trong nước ảnh hưởng bởi tỷ giá USD/VND (giá vàng nhập khẩu phải tính theo giá USD), thị trường nhà đất, thời gian vận chuyển vàng từ thị trường quốc tế cho đến khi đập thành vàng SJC (hiện nay khi kho ngoại vàng đã thành lập và đi vào hoạt động tại Hà Nội và dự kiến sẽ lập tại Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau đó sẽ giảm bớt thời gian này và làm giá vàng thế giới và giá vàng trong nước sẽ biến động với biên độ nhỏ hơn), thuế nhập khẩu vàng, ...

Đặc biệt, giá vàng Việt Nam lấy giá vàng SJC làm chuẩn (thị trường vàng tiền tệ Việt Nam chưa lưu thông vàng tiêu chuẩn quốc tế) trong khi năng lực hiện tại của SJC là chỉ gia công được 150 kg vàng/ngày (mặc dù hiện nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn sản xuất và lưu thông vàng miếng AAA cùng với các thương hiệu vàng miếng khác như PNJ, ACB, ... nhưng các thương hiệu này vẫn chưa cạnh tranh đủ mạnh với vàng miếng SJC). Do đó, tùy thuộc sự gia công và tính khan hiếm của SJC trên thị trường mà giá vàng Việt Nam biến động ít hay nhiều so với giá thế giới

Ngoài ra giá vàng còn chịu sự tác động bởi mối quan tâm của ngân hàng cũng như các công ty vàng bạc, đá quý là liệu nhu cầu vàng thật sự là nhu cầu vật chất hay nhu cầu tài chính trong từng thời điểm kinh doanh của mình.

2.3. Thực trạng kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Về phía các Ngân hàng thương mại, với việc đa dạng hóa hoạt động của mình, cũng đang đóng vai trò tích cực vào giao dịch trên thị trường vàng. Tính đến hết tháng 10 - 2003, chỉ riêng các ngân hàng thương mại trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh đã có số dư tổng nguồn vốn huy động bằng vàng tương đương 2.159 tỷ đồng, số dư nợ cho vay bằng vàng tương đương 1.750 tỷ đồng, tỷ lệ nợ quá hạn cho vay bằng vàng rất thấp, dưới 1%.

Các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai các nghiệp vụ kinh doanh vàng mới như option, kinh doanh vàng trên tài khoản, mua hộ vàng cho khách hàng. Trong đó, ACB, Sacombank, Eximbank, Kỹ Thương là những ngân hàng đi đầu trong việc triển khai các nghiệp vụ này đến các khách hàng.

2.3.1. Tín dụng vàng

Đây là quan hệ vay mượn giữa khách hàng và ngân hàng mà đối tượng trong quan hệ này là vàng (vàng SJC, AAA, vàng nguyên liệu hay **vàng theo tiêu chuẩn quốc tế**). Bản chất của hoạt động tín dụng là nhằm đáp ứng nhu cầu vàng ở thời điểm hiện tại và được hoàn trả lại (vốn và lãi) trong thời điểm xác định ở tương lai bởi có sự không trùng nhau giữa nhu cầu và khả năng đáp ứng vàng hiện tại của khách hàng nhưng khả năng này của khách hàng sẽ được đáp ứng trong tương lai.

Lấy ví dụ, khi khách hàng bán nhà và nhận thanh toán bằng vàng, họ muốn bảo hiểm giá trị vàng của mình bằng tiền VND theo tỷ giá hiện tại, nhưng thời gian thanh toán lại tại một thời điểm tương lai. Để giải quyết nhu cầu này, họ sẽ vay vàng từ ngân hàng để bán theo giá hiện tại và sẽ trả lại vàng cho ngân hàng khi họ nhận được vàng thanh toán của giao dịch nhà lúc hoàn tất. Ngược lại đối với người mua,

họ sẽ gửi tiết kiệm vàng bằng cách mua vàng tại giá hiện tại để bảo hiểm giá trị thanh toán của mình.

Tuy nhiên phần lớn hoạt động tín dụng vàng tại các ngân hàng thương mại không nhằm mục đích này mà chủ yếu để phục vụ nhu cầu kinh doanh của khách hàng. Khi khách hàng dự báo giá vàng xuống họ sẽ đến ngân hàng vay vàng để bán theo giá hiện tại và sẽ mua trả lại ngân hàng vào thời điểm trong tương lai khi giá vàng giảm, và như vậy họ có được khoản lợi nhuận từ sự chênh lệch giá vàng. Ngược lại, khi họ dự báo giá vàng lên họ sẽ gửi vàng vào ngân hàng và vay tiền. Như vậy bản chất của nghiệp vụ này là hoạt động hoán đổi tiền tệ, nên tài sản thế chấp trong quan hệ tín dụng theo dạng này thường là tiền hoặc vàng.

Ví dụ khi dự báo giá vàng giảm trong thời điểm ở tương lai, khách hàng sẽ đến ngân hàng vay vàng ra để bán. Tài sản thế chấp là khoản tiền mà họ thu được từ việc bán vàng cộng thêm một tỷ lệ đảm bảo trên số tiền từ việc bán vàng thu được này tùy vào từng ngân hàng. Ngược lại, khi dự báo giá vàng sẽ tăng khách hàng sẽ mua vàng gửi vào ngân hàng, nguồn tiền để mua vàng là vay từ ngân hàng và lúc này vàng mà họ mua trở thành tài sản thế chấp, và tùy vào từng ngân hàng tỷ lệ giữa giá vàng gửi và số tiền giải ngân sẽ khác nhau.

Vấn đề đặt ra của nghiệp vụ này là ngân hàng chỉ đơn thuần làm dịch vụ tín dụng, nhưng bản chất của vấn đề khi khách hàng đặt quan hệ là hoạt động kinh doanh. Do vậy, có những rủi ro tín dụng mà ngân hàng cần phải chuyển hướng từ nghiệp vụ này.

Rõ ràng ở nghiệp vụ này, mục đích của quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng là không thống nhất. Đối với ngân hàng chỉ đơn thuần là quan hệ tín dụng, nhưng về phía khách hàng đây là hoạt động kinh doanh. Sự không gặp nhau này dẫn đến rủi ro nghiệp vụ cho ngân hàng.

2.3.2. Mua bán trực tiếp – môi giới

Ngân hàng đóng vai trò như là một doanh nghiệp kinh doanh vàng như bao doanh nghiệp kinh doanh vàng khác. Thực hiện nghiệp vụ này, ngân hàng sẽ mua và bán vàng tại cùng một thời điểm và hưởng chênh lệch như là người môi giới. Đối với

kinh doanh vàng tại Việt Nam hiện nay với hơn 7.000 doanh nghiệp kinh doanh vàng thì nghiệp vụ này không mang lại lợi nhuận lớn cho các ngân hàng. Thông thường, việc kinh doanh này chỉ giao dịch với các nhà đầu tư nhỏ lẻ (không phải nhà đầu tư chuyên nghiệp), những người mua bán vì mục tiêu vàng vật chất hơn là nhu cầu vàng tiền tệ. Bởi khi thị trường hoạt động hiệu quả thì việc tìm kiếm lợi nhuận trong giao dịch này của ngân hàng đối với nhà đầu tư chuyên nghiệp là rất khó.

2.3.3. Mua bán trạng thái

Mua bán trạng thái là hoạt động mua bán mà việc mua và bán không diễn ra cùng một thời điểm và không có cam kết sẽ bán hay mua lại hàng hoá đó trong tương lai cùng một đối tượng khách hàng. Gọi là trạng thái vì khi hoạt động bán diễn ra sẽ thể hiện số âm trên tài khoản (trạng thái đoản) và khi mua thể hiện số dư dương trên tài khoản (trạng thái trường).

Bởi hoạt động mua bán của ngân hàng cuối cùng phải cân bằng trạng thái (không phải mục đích tiêu dùng hay đầu cơ). Tài khoản âm nhưng không phải bán khống mà ngân hàng sẽ tận dụng từ nguồn huy động của khách hàng, ngược lại ngân hàng có thể mua vàng dự trữ để phục vụ cho việc cho vay hay trả tiết kiệm hay để bán lại vào một thời điểm nào đó trong tương lai. Rõ ràng việc mua bán trạng thái khác với việc mua bán khống, tức là có sự vận động đồng thời của hàng hoá và tiền tệ. Việc mua bán trạng thái cũng có nghĩa là ngân hàng đang tiến hành hoạt động đầu tư.

Do có sự chênh lệch giữa thời điểm mua và bán nên sẽ có rủi ro về giá rất lớn. Và cũng chính sự chênh lệch này sẽ tạo ra lợi nhuận (lỗ) vô cùng lớn cho ngân hàng. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng theo hình thức này sẽ mang lại lợi nhuận to lớn cho ngân hàng nếu như ngân hàng có khả năng dự báo được biến động của giá vàng trên thế giới và trong nước. Hiện nay, trong hoạt động kinh doanh của mình, ngân hàng của yếu sử dụng nghiệp vụ mua bán trực tiếp, còn hoạt động mua bán trạng thái diễn ra rất ít và nếu có thì thời gian tồn tại trạng thái chỉ trong một thời gian ngắn rồi cũng trở lại trạng thái cân bằng.

Tuy nhiên, trong hoạt động kinh doanh vàng trạng thái, ngân hàng có những lợi thế mà các doanh nghiệp kinh doanh vàng không thể có được bởi những lợi thế

đặc thù của ngành ngân hàng, vì chỉ có ngân hàng mới có được quyền huy động rộng rãi vàng tiết kiệm từ dân cư. Với nguồn vàng hiện có từ huy động tiết kiệm của khách hàng, ngân hàng luôn có sẵn nguồn vàng để bán cho các nhà đầu tư và sẽ mua lại vào một thời điểm khác (có thể là khi đến hạn rút vàng của khách hàng). Ngược lại, ngân hàng có thể mua vàng và giải quyết nguồn vàng tồn bằng cách cho khách hàng vay.

2.3.4. Mua bán kỳ hạn (Forward)

Mua bán kỳ hạn là một cam kết mua bán một hàng hoá tại một mức giá xác định tại thời điểm hiện tại và thực hiện thanh toán, giao hàng vào một ngày xác định trong tương lai. Mục đích của hợp đồng kỳ hạn là nhằm bảo hiểm rủi ro về giá của hàng hoá khi khách hàng (nhà đầu tư) sẽ có được hàng hoá đó trong tương lai. Thông thường, hợp đồng mua bán kỳ hạn được thực hiện đối với những nhà kinh doanh địa ốc mà phải thanh toán bằng vàng, nhưng nguồn thu nhập của họ là tiền VNĐ hay ngoại tệ.

Từ dự đoán xu hướng biến động (lên hoặc xuống) nhà đầu tư ký hợp đồng mua hoặc bán vàng kỳ hạn. Việc mua bán này nhà đầu tư không phải bỏ vốn ra và tất nhiên cũng không cầm vàng hiện vật, mà chỉ thực hiện trên chứng từ. Thời gian hợp đồng giao dịch thường từ 1 tuần đến 2 tháng. Ví dụ, giá vàng giao ngay hiện tại là 8,2 triệu đồng/lượng, dự đoán sắp tới nó sẽ tăng mạnh, nhà đầu tư ký hợp đồng mua 100 lượng vàng, kỳ hạn thực hiện 1 tháng. Giá bán kỳ hạn bằng giá giao ngay cộng với điểm kỳ hạn (tiền phí của ngân hàng thường từ 0,3% - 0,85%/tháng). Đến kỳ đáo hạn, giá vàng lên tới 8,5 triệu đồng/lượng, nhà đầu tư bán số vàng này cho ngân hàng để lấy tiền chênh lệch. Đây là kiểu kinh doanh “nhiệt độ” giá vàng nên nhà đầu tư có thể bỏ chạy vì thua lỗ. Để cho chắc ăn, ngân hàng phải nhận tiền ký quỹ (đặt cọc) của nhà đầu tư. Mức tiền ký quỹ thường từ 5% - 10%/giá trị hợp đồng. Kiểu giao dịch này hiện đã thực hiện tại một số ngân hàng chuyên kinh doanh vàng như Sacombank, Kỹ Thương, ACB, Phương Nam, ...

Tại Eximbank, theo đó, nhà đầu tư nếu có tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng thì chỉ cần thế chấp sổ tiết kiệm là được vay vàng để đầu tư. Khi giá vàng biến động có lợi, nhà đầu tư vừa thu tiền lãi từ sổ tiết kiệm, vừa thu lãi từ chênh lệch “nhiệt độ” của vàng. Nếu có ít vốn thì nhà đầu tư tự lực khoảng 15%, phần còn lại ngân hàng

cho vay. Thời hạn giao dịch hai bên thỏa thuận, có thể từ 1 tuần đến 6 tháng. Ví dụ, khi muốn mua 100 lượng vàng để đầu tư, khách chỉ cần bỏ tiền vốn ra 15 lượng, số còn lại (trị giá 85 lượng) Eximbank cho vay. Toàn bộ số vàng này vẫn giữ tại ngân hàng, nhà đầu tư chỉ cầm giữ bộ chứng từ về nhà. Sau một thời gian, khi thấy vàng lên đến mức có lời, nhà đầu tư đến ngân hàng tắt toán hợp đồng, trả hết nợ, rút vốn và lấy tiền lãi (nếu có).

2.3.5. Chốt nguội, mua hộ vàng khách hàng (SJC, Eximbank, ..)

Những nhà đầu tư vàng chuyên nghiệp tại Tp.HCM còn áp dụng một kiểu mua bán rất “dân dã”, gọi là chốt nguội (chốt giá để mua bán vàng sắp tới). Dự đoán, xu hướng giá vàng trong tương lai các nhà đầu tư chốt giá để mua bán kỳ hạn sau 1 – 2 tuần. Đến hạn, hai bên thực hiện giao vàng, trả tiền với nhau, cho dù lúc đó giá vàng đã biến động mạnh. Kiểu mua bán này không có văn bản giấy tờ mà chỉ dựa trên cam kết bằng lời nói. Mặc dù nó ẩn chứa nhiều rủi ro nhưng nếu ai “chơi xấu” thì bị loại ra khỏi giới, do đó ít trường hợp “xù” cam kết. Thực chất đây cũng là một hình thức mua bán kỳ hạn, nhưng không phải ký quỹ bằng hiện vật, mà có thể tạm gọi quỹ được ký kết là uy tín của khách hàng. Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ này là do lợi thế từ quota nhập khẩu vàng của ngân hàng, từ nguồn ngoại tệ luôn có sẵn, sự tồn tại của thời gian nhập vàng và đập vàng nguyên liệu thành vàng miếng SJC. Ngân hàng đóng vai trò là người nhập khẩu vàng cho nhà đầu tư dựa trên lợi thế của mình để thu lợi nhuận.

2.3.6. Option vàng

Quyền chọn vàng (Gold Options) hay nói cách khác là Bảo hiểm rủi ro biến động giá vàng - một hợp đồng giữa hai bên, theo đó người mua Option có quyền, chứ không phải nghĩa vụ, mua hoặc bán một số lượng vàng cụ thể với một mức giá đã ấn định trước tại một thời điểm cụ thể trong tương lai, sau khi đã trả một khoản phí (gọi là premium) cho người bán Option ngay từ lúc ký hợp đồng. Trong khi đó, người bán Option có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng theo các điều khoản đã thỏa thuận trước đó bất luận giá vàng trên thị trường diễn biến như thế nào, nếu như người mua Option muốn thực hiện quyền của mình. Như vậy, rủi ro của người bán Option là rất lớn nếu như không có khả năng tài chính, năng lực phân tích và các công cụ bảo

hiểm rủi ro, trong khi người mua Option không chịu bất cứ rủi ro nào ngoài phí (premium). Triển khai nghiệp vụ Gold Options tại Việt Nam, ngân hàng đóng vai trò người bán và khách hàng đóng vai trò người mua.

Quyền lựa chọn (option) là dịch vụ bậc cao trên thị trường tài chính quốc tế, cung ứng việc bảo hiểm giá đối với các loại tài sản. Mặc dù các ngân hàng đã đưa ra sản phẩm option từ cuối năm 2004, nhưng trong năm 2005, giá vàng liên tục biến động khiến các doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc đá quý mới thực sự quan tâm. Cho tới thời điểm này, ngoài 3 NHTM nhà nước thực hiện option bằng vàng là Vietcombank, Agribank và BIDV thì một số NHTM cổ phần đã triển khai mạnh dịch vụ option, trong đó ACB là ngân hàng triển khai sớm nhất (ngày 10-12-2004), tiếp đến là Techcombank, VIB Bank, Sacombank, Eximbank

Khách hàng có nhu cầu mua vàng trong tương lai có thể mua Quyền chọn mua (Call Option) để bảo hiểm trường hợp giá vàng sẽ tăng. Ngược lại, khách hàng có nhu cầu bán vàng trong tương lai có thể phòng ngừa rủi ro trường hợp giá vàng xuống bằng cách mua một Quyền chọn bán (Put Option).

- Mua Quyền chọn mua: Khách hàng có nhu cầu thanh toán vàng (chẳng hạn như mua nhà hoặc bất động sản, trả nợ vay bằng vàng v.v..) có thể có nhu cầu mua Quyền chọn mua để phòng ngừa rủi ro giá vàng tăng lên vào thời điểm thanh toán vàng trong tương lai.
 - Mua Quyền chọn bán: Khách hàng có nguồn thu bằng vàng (chẳng hạn như nhận thanh toán tiền bán nhà hoặc bất động sản, số tiết kiệm bằng vàng đáo hạn v.v...) có thể có nhu cầu mua Quyền chọn bán để phòng ngừa rủi ro giá vàng giảm xuống vào thời điểm nhận thanh toán vàng trong tương lai. Với một giao dịch tối thiểu là 100 (một trăm) lượng vàng, kỳ hạn tối thiểu là 2 (hai) tuần, khách hàng có thể ký hợp đồng Quyền chọn vàng với Ngân hàng với phương thức tất toán hợp đồng linh hoạt. Thực hiện hợp đồng: Vào ngày đáo hạn hợp đồng, khách hàng có quyền thực hiện hoặc không thực hiện quyền chọn vàng. Đối với trường hợp khách hàng yêu cầu ngân hàng thực hiện hợp đồng Option có giao nhận vàng thực tế: hai bên thực hiện thanh toán tiền và vàng theo hợp đồng. Đối với trường hợp khách hàng không muốn giao
-

nhận vàng thực tế: Ngân hàng sẽ thực hiện chi trả khoản tiền chênh lệch giá dựa trên giá vàng do ngân hàng niêm yết hai chiều (gồm giá mua và giá bán) tại thời điểm đáo hạn hợp đồng để bù trừ giao dịch vàng cho khách hàng.

Sử dụng sản phẩm Options vàng, người mua bất động sản có thể đảm bảo khả năng chi trả và tránh thua lỗ trước những biến động tăng của giá vàng mà vẫn có lợi khi giá vàng xuống, còn người bán thì một mặt luôn đảm bảo lợi nhuận dự kiến khi giá vàng xuống, mặt khác sẽ có lãi nhiều hơn khi giá vàng tăng.

2.3.7. Kinh doanh vàng tài khoản (quốc tế)

Đến nay, đã có 5 ngân hàng và 3 Công ty vàng bạc đá quý được phép triển khai nghiệp vụ này, gồm các ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Sài Gòn Thương Tín, Việt Á, Á Châu và Phương Đông; Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn - SJC, Công ty kinh doanh Mỹ nghệ vàng bạc đá quý Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Công ty vàng bạc đá quý Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh. Với tài khoản này, lượng vàng không lưu thông trên thực tế như ở thị trường tiêu dùng mà thông qua các lệnh giao dịch, lượng ngoại tệ trên thị trường vàng cũng sẽ được hạn chế. Ngoài tính năng động trong mua, bán hoặc rút vàng về, tài khoản này còn được hưởng lãi theo kỳ hạn hoặc theo mức tự do (không kỳ hạn).

Khi mở rộng loại hình này sẽ hạn chế được lượng vàng nhập khẩu phụ thuộc nguồn thế giới, gắn kết được nguồn vàng trong dân chúng với ngân hàng và doanh nghiệp kinh doanh vàng. Hiệu quả của giao dịch vàng phi vật chất là rất khả quan và có tiềm năng. Bởi Khi mở rộng loại hình này, lượng vàng huy động sẽ tăng mạnh, vốn vàng sẽ năng động hơn và hiệu quả đầu tư vào nền kinh tế sẽ cao hơn.

Giao dịch vàng phi vật chất (giao dịch qua tài khoản vàng) sẽ được mở rộng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Từ đây, nguồn vàng huy động dự báo sẽ được cải thiện, nguồn vốn vàng sẽ trở nên năng động hơn. Hội đồng Vàng thế giới cùng Standard Bank (Singapore) đã phối hợp cùng Hiệp hội Kinh doanh Vàng Việt Nam (VGTA) tổ chức khóa đào tạo nghiệp vụ giao dịch vàng phi vật chất. Đây là bước đầu tiên triển khai kế hoạch mở rộng giao dịch qua tài khoản vàng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

2.3.8. Mua hộ vàng cho khách hàng

Đây là nghiệp vụ mới triển khai tại Eximbank và Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn. Ngân hàng sẽ mua vàng cho khách hàng theo giá thế giới và tuân thủ theo quy tắc giao dịch quốc tế về nghiệp vụ spot và thời gian chuyển hàng của thế giới và Việt Nam. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua vàng, phí thực hiện nghiệp vụ cho ngân hàng và nhận vàng khi ngân hàng nhận vàng từ bên bán. Thực hiện nghiệp vụ này, ngân hàng cũng giống như nhà môi giới trên thị trường quốc tế. Điều này, thể hiện lợi thế của ngân hàng trong giao dịch vàng quốc tế so với các nhà đầu tư trong các giao dịch vàng quốc tế. Nghiệp vụ này chưa thể hiện khả năng kinh doanh vàng thực sự của ngân hàng.

2.3.9. Kinh doanh phối hợp

Đây là giao dịch vàng phối hợp các nghiệp vụ được phép hoạt động nhằm thu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro cho các ngân hàng.

Ví dụ ngân hàng có thể bán vàng từ nguồn gửi tiết kiệm của khách hàng cho nhà đầu tư, và để cân bằng trạng thái, ngân hàng sẽ thực hiện hợp đồng Spot trên tài khoản vàng hoặc hợp đồng Forward đối với thị trường nước ngoài. Như vậy ngân hàng đã bảo hiểm rủi ro trạng thái của mình. Ngược lại, ngân hàng sẽ mua vàng trong nước và bán vàng trên tài khoản hoặc thực hiện hợp đồng Forward để cân bằng trạng thái. Ngoài ra, khi mà thị trường option vàng liên hàng (hoặc với ngân hàng nhà nước) chưa có, thì khi thực hiện hợp đồng option với khách hàng trong nước, ngân hàng sẽ tái option hợp đồng này sang thị trường quốc tế

Kinh doanh vàng phối hợp thể hiện trình độ và đẳng cấp của ngân hàng trong việc áp dụng các phương thức giao dịch quốc tế và giao dịch được phép thực hiện ở Việt Nam nhằm tối đa hoá lợi nhuận với mức rủi ro thấp nhất.

2.3.10. (Tìm hiểu hoạt động kinh doanh vàng tại Eximbank) ⁹

2.4. Đánh giá chung về những thành quả và tồn tại trong hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua

⁹ Xem Phụ lục

2.4.1. Những thành quả

Có thể nói rằng chưa bao giờ như lúc này, các nhà tài chính và các nhà đầu tư lại quan tâm về vàng sâu sắc như hiện nay. Mỗi khi giá vàng thế giới cũng như trong nước biến động chúng ta lại thấy trên báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin nhiều như vậy. Lý do nào đã làm cho nhà đầu tư và người dân quan tâm đặc biệt về vàng. Điều này có thể khẳng định chính các ngân hàng thương mại cùng với các nghiệp vụ kinh doanh của mình, phục vụ cho mọi nhà đầu tư đủ mọi đẳng cấp đã làm cho vàng tiền tệ trở nên phổ biến như hiện nay. Khi chúng ta đến các ngân hàng thương mại có hoạt động kinh doanh vàng, chúng ta sẽ thấy lượng nhà đầu tư đến giao dịch vàng với khối lượng mà các doanh nghiệp kinh doanh vàng hiện nay không thể theo kịp. Ngân hàng thương mại đã đem đến các nhà đầu tư một cái nhìn mới về vàng: **vàng nhu cầu vật chất và tài chính**.

Việc giao dịch vàng liên ngân hàng (mặc dù chưa hình thành thị trường vàng liên ngân hàng) mà điển hình là việc các ngân hàng hỗ trợ nguồn vàng cho Ngân hàng ACB trong đợt khủng hoảng tin đồn năm 2004 đã cho thấy triển vọng hình thành thị trường vàng liên ngân hàng để các ngân hàng có thể hỗ trợ nhau trong các nghiệp vụ của mình để đảm bảo tính thanh khoản cũng như khẳng định lòng tin của ngân hàng đối với khách hàng. Ngoài ra, đây là thị trường bên cạnh thị trường chứng khoán để nhà đầu tư có nhiều kênh đa dạng hoá danh mục đầu tư, nhà nước có kênh thông tin điều tiết thị trường.

Hoạt động kinh doanh vàng đã đem lại cho các ngân hàng thương mại nguồn doanh thu đáng kể trong thời gian qua góp phần nâng cao giá trị ngân hàng trên thị trường. Theo báo cáo của các ngân hàng thương mại có kinh doanh vàng thì lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm 2006 của mỗi ngân hàng từ 10 đến 20 tỷ.

Khi mà thị trường địa ốc và giao dịch địa ốc còn được định giá và thanh toán bằng vàng thì ngân hàng đã đảm nhận vai trò huy động và cung cấp cho thị trường này những sản phẩm tốt nhất để thị trường địa ốc hoạt động thuận lợi và nâng cao tính thanh khoản của thị trường thông qua việc cho vay và huy động vàng tạo dòng luân chuyển tiền tệ thanh toán cho thị trường này.

Từ khi ngân hàng tham gia giao dịch vàng đã đem đến sự quan tâm đặc biệt của Ngân hàng nhà nước về bản chất tiền tệ của vàng, từ đó đã có một số thay đổi trong tư duy và cách tiếp cận của nhà nước đối với vàng. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành những quy định và cho phép thực thi một số nghiệp vụ mới về giao dịch vàng như: option, forward, kinh doanh vàng trên tài khoản. Đây là những thuận lợi cho các ngân hàng khi hội nhập với các định chế tài chính quốc tế.

2.4.2. Những tồn tại

Mặc dù đã nhận thấy tầm quan trọng của hoạt động kinh doanh vàng trong các ngân hàng thương mại, cũng như nhận thức vai trò vàng tiền tệ trong nền kinh tế và trong giao dịch, nhưng chính sách nhà nước chưa theo kịp thị trường. Như hiện nay, ngân hàng Nhà nước chưa cho phép ngân hàng thương mại huy động vàng không kỳ hạn. Điều này đã làm hạn chế rất nhiều trong hoạt động kinh doanh vàng của các ngân hàng thương mại hiện nay. Nếu như Ngân hàng Nhà nước xác định vàng là một chuẩn tệ quốc tế có ký hiệu **XAU** thì cần phải cho phép triển khai các giao dịch về vàng như đã cho phép những giao dịch của các tiền tệ khác.

Trong thời gian qua, dễ dàng nhận thấy rằng, khi các ngân hàng thương mại kinh doanh vàng có lãi thì đương nhiên (quy luật số lớn) các nhà đầu tư bị thua lỗ. Có nghĩa, các ngân hàng chỉ đẩy mạnh kinh doanh với các nhà đầu tư trong nước và việc kinh doanh chưa đi đôi với tư vấn khách hàng. Điều này nói qua có vẻ như vô lý, bởi đã kinh doanh thì không thể tư vấn được, nhưng ngân hàng vẫn có thể làm được điều này nếu mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận của ngân hàng là trên thị trường thế giới mà không phải chú trọng vào việc tìm kiếm lợi nhuận trên chênh lệch giá hiện nay giữa thị trường thế giới và nhu cầu của các nhà đầu tư trong nước. Hiện nay, ngân hàng chủ yếu làm dịch vụ và môi giới, chưa kinh doanh đúng nghĩa (với quốc tế), mà chỉ làm trong nước

Sản phẩm của các ngân hàng thương mại hiện nay chưa theo kịp thị trường. Đó là nhu cầu giao dịch trên tài khoản vàng hiện nay của các nhà đầu tư rất lớn, tuy nhiên các ngân hàng chưa thể đáp ứng bởi ngoài quy định các ngân hàng chưa được phép huy động vàng không kỳ hạn, còn nguyên nhân sâu xa là nguồn lực các ngân hàng có giới hạn trong việc cung ứng vàng. Đặc biệt việc cung ứng này (vàng tiền tệ)

phụ thuộc vào công ty hoạt động vì lợi nhuận (công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn - SJC). Ngoài ra, nhu cầu xuất vàng ra thế giới của các nhà đầu tư (giống như chuyên ngoại tệ ra nước ngoài, nếu đã xem vàng như tiền tệ) vẫn chưa thực hiện. Nên cho các nhà đầu tư phải **xuất vàng ra nước ngoài thông qua ngân hàng**. Hoạt động này như là hình thức hoán đổi ngoại tệ (nhà nước không sợ chảy máu ngoại tệ), bởi khi nhập vàng chúng ta thanh toán bằng ngoại tệ thì khi xuất vàng chúng ta lại nhận về ngoại tệ.

Việc kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại chưa hoàn toàn hội nhập với kinh doanh quốc tế bởi sự khác biệt giữa vàng tiền tệ trong nước và vàng tiền tệ thế giới

Cách nhìn nhận và đánh giá của cơ quan nhà nước về bản chất tiền tệ của vàng còn hạn chế (Ngân hàng nhà nước chưa công bố dự trữ ngoại hối bằng vàng, chưa cho phép huy động vàng không kỳ hạn).

Hoạt động tín dụng vàng trong thời gian qua có rất nhiều rủi ro, đặc biệt khi giá vàng có biến động mạnh vượt khỏi biên độ đảm bảo của các hợp đồng, các nhà đầu tư đã tự động bỏ hợp đồng làm các ngân hàng gặp rủi ro và khó khăn. Đặc biệt, trong giai đoạn giá vàng biến động mạnh cuối năm 2005 đầu 2006, hầu như các ngân hàng thương mại có nghiệp vụ cho vay vàng đều bị khoanh nợ vàng. Các ngân hàng có thể giảm rủi ro bằng cách thực hiện nghiệp vụ **Spotion**¹⁰

2.4.3. Nguyên nhân của tồn tại

Sự khác biệt giữa vàng tiền tệ trong nước và quốc tế đã hạn chế khả năng tiếp cận thị trường vàng thế giới của các ngân hàng, đặc biệt là trong vấn đề xuất vàng

Kinh doanh vàng là hoạt động tương đối mới trong các ngân hàng thương mại nên trình độ đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Tuy có thể nhìn nhận kinh doanh vàng là hoạt động như kinh doanh ngoại tệ nhưng đối tượng trong kinh doanh vàng là rất khác, những hạn chế trong giao dịch vàng cũng khác so với ngoại tệ. Đặc thù vàng vừa là vật chất vừa là tài chính, chịu sự chi phối của thị trường vàng thế giới, nhu cầu

¹⁰ Xem phần kiến nghị

nhà đất, khả năng sản xuất của SJC, .. Chính những nhân tố này đã làm hạn chế việc kinh doanh trạng thái tại các ngân hàng.

Chính sách nhà nước còn hạn chế trong hoạt động kinh doanh vàng, Việc kho ngoại quan chậm xây dựng và khi hình thành thì kho này lại thuộc một tổ chức kinh tế (ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn) tại Hà Nội sẽ không thể có sự đối xử công bằng giữa các ngân hàng trong việc nhập vàng (Ví dụ giữa một ngân hàng thương mại nào đó với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn). Việc chậm xây kho ngoại quan tại Thành phố Hồ Chí Minh trong khi đây là trung tâm tài chính của cả nước và đối với hoạt động kinh doanh vàng tiền tệ gần như chiếm tuyệt đối (kho ngoại quan này sẽ thuộc SJC). Như vậy, nhà nước gần như phó mặc để doanh nghiệp đảm nhận vai trò lưu thông của vàng tiền tệ mà theo đúng chức năng phải thuộc về ngân hàng Nhà nước.

Kết luận chương II

Qua thực trạng hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, chúng ta nhận thấy những thành tựu đạt được, những tồn tại cần khắc phục và nguyên nhân của những tồn tại này. Giải pháp khắc phục những tồn tại cần phải phối hợp nhiều chính sách vĩ mô và các chính sách kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Việc thực thi các chính sách này là khó khăn, phức tạp. Trong phạm vi luận văn này, tôi đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề tồn tại của hoạt động kinh doanh vàng hiện nay trong phạm vi nghiên cứu và được trình bày ở chương III tiếp theo.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Định hướng chiến lược kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Chuyển từ kinh doanh vàng không theo tiêu chuẩn sang kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hoạt động kinh doanh vàng tiền tệ trên thị trường quốc tế hiện nay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam chỉ diễn ra một chiều, tức là chỉ có giao dịch mua mà ít có giao dịch bán. Tại một số ngân hàng thương mại được phép kinh doanh vàng trên tài khoản thì hoạt động bán vàng trên thị trường quốc tế có diễn ra nhưng chỉ tại các ngân hàng có số dư vàng trên tài khoản của mình tại các ngân hàng nước ngoài. Câu hỏi là tại sao các ngân hàng thương mại chưa thực hiện được việc bán vàng tiền tệ ra nước ngoài khi đã được phép của Ngân hàng nhà nước và Vụ quản lý ngoại hối. Câu trả lời là hiện nay, kinh doanh vàng tiền tệ trong nước chưa theo tiêu chuẩn vàng quốc tế. Vàng tiền tệ của Việt Nam chưa được thế giới chấp nhận lưu thông (chỉ một số ít doanh nghiệp Trung Quốc chấp nhận vàng miếng SJC của Việt Nam).

Nghịch lý tồn tại trong thị trường vàng Việt Nam trong khoảng thời gian dài vừa qua là giá vàng nguyên liệu nhập khẩu bao giờ cũng cao hơn giá vàng theo tiêu chuẩn quốc tế. Điều này được giải thích là để có vàng (hạt) nguyên liệu cho các doanh nghiệp Việt Nam, đối tác nước ngoài (bên xuất khẩu) phải dùng vàng theo tiêu chuẩn quốc tế để sản xuất và vì vậy làm cho giá vàng nguyên liệu cao. Khi nhập về Việt Nam chúng ta lại dùng vàng nguyên liệu này để sản xuất ra vàng tiền tệ là vàng miếng SJC, AAA, ... (hiện nay các loại vàng này chưa được thị trường quốc tế chấp nhận lưu thông) và vì vậy khi muốn xuất vàng, chúng ta lại phải nấu vàng tiền tệ của Việt Nam và bán theo đúng giá vàng nguyên liệu thô. Do đó, có những lúc nhu cầu bán vàng ra thị trường thế giới là rất lớn nhưng các ngân hàng không thể bán được mặc dù trong nước có lượng vàng tồn đọng rất lớn.

Chúng ta thử so sánh quy trình giao dịch vàng quốc tế hiện nay.

- Nhập vàng nguyên liệu giá cao → Sản xuất vàng miếng (hao phí thời gian, tổn chi phí, hao hụt trong chế tác) → Nấu lại để xuất và bán giá rẻ (hao phí thời gian, tổn chi phí, hao hụt trong chế tác)

Quy trình giao dịch vàng đề xuất:

- Nhập vàng theo tiêu chuẩn quốc tế giá thấp hơn → bán vàng theo tiêu chuẩn quốc tế giá cao hơn.

Vậy tại sao trong thời gian qua các ngân hàng kinh doanh theo quy trình này. Nguyên nhân bắt nguồn từ sự chênh lệch thuế nhập khẩu giữa vàng theo tiêu chuẩn quốc tế và vàng nguyên liệu (thuế suất nhập khẩu vàng theo tiêu chuẩn quốc tế luôn cao hơn thuế suất nhập vàng nguyên liệu). Do vậy, mới hình thành việc nhập vàng nguyên liệu để sản xuất vàng tiền tệ lưu hành tại Việt Nam.. Thứ hai, việc bán vàng tiền tệ ra thị trường quốc tế cũng như việc kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế trong dân cư là không được phép nên phát sinh loại vàng tiền tệ Việt Nam (SJC, AAA, ...)

Hiện nay, khi mà thuế suất nhập khẩu vàng theo tiêu chuẩn quốc tế và thuế suất nhập khẩu vàng nguyên liệu là như nhau. Việc bán vàng tiền tệ ra thị trường nước ngoài được cho phép, đồng thời kho ngoại quan vàng đầu tiên được mở tại Hà Nội và trong tương lai gần tại Thành phố Hồ Chí Minh thì quy trình kinh doanh vàng hiện nay không còn phù hợp và hiệu quả cho nền kinh tế cũng như các ngân hàng, và nhà đầu tư. Do vậy, các ngân hàng cần đẩy mạnh việc kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế hơn là kinh doanh vàng miếng của Việt Nam. Một khi, việc giao dịch loại vàng này rộng rãi trong dân cư thì việc kết nối giao dịch trên thị trường quốc tế là rất lớn. Đặc biệt sẽ không còn sự chênh lệch quá lớn giữa giá vàng nguyên liệu thế giới và giá vàng tiền tệ của Việt Nam.

3.1.2. Kinh doanh vàng trạng thái

Hoạt động kinh doanh vàng hiện nay tại các ngân hàng thương mại chủ yếu là hoạt động kinh doanh trung gian - môi giới (cho vay, option, mua bán cùng thời điểm,...) Việc kinh doanh vàng trạng thái – đầu tư (trường hoặc đoản) là rất ít. Bởi việc kinh doanh này mặc dù mang lại rất nhiều lợi nhuận nhưng cũng tiềm ẩn vô

vàng rủi ro, khi mà các ngân hàng chưa nâng tầm các chuyên viên đảm trách nghiệp vụ này. Tuy nhiên, để đúng thực chất hoạt động kinh doanh vàng và tận dụng lợi thế của mình nhằm đa dạng hoá nghiệp vụ, tăng lợi nhuận, các ngân hàng thương mại cần phải đẩy mạnh việc kinh doanh vàng trạng thái.

3.1.2.1. Thực hiện kinh doanh vàng trên tài khoản

Hiện nay, thói quen duy trì số dư ngoại tệ (USD, EUR, JPY) trên tài khoản ngân hàng nước ngoài của một số ngân hàng thương mại là rất lớn. Việc duy trì số dư này chủ yếu để đảm bảo việc thanh toán bằng ngoại tệ của ngân hàng. Nhưng xét trên khía cạnh vàng cũng là một loại tiền tệ được chấp nhận thanh toán quốc tế thì việc duy trì số dư vàng trên tài khoản thay cho một lượng ngoại tệ nhất định có ý nghĩa rất quan trọng trong việc kinh doanh của ngân hàng nhằm tìm kiếm sự chênh lệch về giá vàng nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán bằng ngoại tệ của ngân hàng. Với sự cho phép của ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại được phép kinh doanh vàng trên tài khoản, nên việc chú trọng đến việc duy trì sự phù hợp giữa số dư ngoại tệ hay số dư vàng trên tài khoản ngoại tệ tại các ngân hàng nước ngoài của các ngân hàng thương mại là rất quan trọng (đa dạng hoá tiền tệ nhằm giảm rủi ro về tỷ giá).

Lấy ví dụ như trong thời gian qua, khi giá vàng thế giới tăng lên không ngừng thì việc duy trì một số dư tài khoản vàng sẽ tạo cho các ngân hàng có thêm một khoản lợi nhuận đáng kể so với việc duy trì số dư hoàn toàn bằng ngoại tệ.

3.1.2.2. Bán vàng từ nguồn tiết kiệm của khách hàng

Đây là hoạt động làm cho trạng thái kinh doanh vàng của ngân hàng là trạng thái đoản (short position). Thông thường, khi các ngân hàng huy động vàng, đầu ra của hoạt động này là cho vay (để khách hàng thanh toán, khách hàng bán, ...) Điều này có nghĩa ngân hàng đã “nhường” phần lợi nhuận cũng như rủi ro cho người kinh doanh vàng trong khi lợi thế của ngân hàng là rất lớn (có nguồn vàng sẵn, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, ...). Do đó, nếu như phân tích đúng thời điểm, ngân hàng sẽ dùng nguồn vàng này để bán ra thị trường và mua lại vào thời điểm khác khi giá vàng xuống để trả lại cho người gửi tiết kiệm khi kỳ hạn gửi của người tiết kiệm đáo hạn. Tuy nhiên, ngân hàng sẽ gặp rủi ro khi giá vàng tăng lên trong tương lai.

3.1.2.3. Mua vàng trong nước và quốc tế để cho vay hoặc đầu tư

Đây là hoạt động làm cho trạng thái kinh doanh vàng của ngân hàng là trạng thái trường (long position). Ngân hàng tiến hành mua vàng trong nước hoặc mua vàng trên thị trường quốc tế để đầu tư hoặc cho vay... Do vậy, ngân hàng sẽ có lợi nhuận khi giá vàng tăng trong tương lai. Ngược lại khi giá vàng giảm ngân hàng sẽ bị lỗ

3.1.3. Các phương pháp kinh doanh phối hợp không tồn tại trạng thái

3.1.3.1. Thực hiện kinh doanh vàng chuyển khoản quốc tế

Việc ngân hàng nhà nước cho các ngân hàng thương mại được phép kinh doanh vàng trên tài khoản có ý nghĩa rất quan trọng, ngân hàng có thể mua vàng trong nước, sau đó bán ra quốc tế bằng vàng trên số dư tài khoản của mình (sẽ không tồn tại trạng thái), ngược lại ngân hàng mua vàng trên tài khoản và bán vàng trong nước từ nguồn tiết kiệm của khách hàng, ...

3.1.3.2. Mở tài khoản vàng cho khách hàng, khớp lệnh giao dịch vàng mà không cần vàng hiện vật.

Mỗi cá nhân có đủ tư cách pháp nhân đều có thể tham gia thông qua việc mở tài khoản vàng tại ngân hàng. Đây là một tài khoản năng động, có thể mua, bán và rút theo khả năng sinh lợi mà chủ tài khoản dự tính.

Với tài khoản này, lượng vàng không lưu thông trên thực tế như ở thị trường tiêu dùng mà thông qua các lệnh giao dịch, lượng ngoại tệ trên thị trường vàng cũng sẽ được hạn chế. Ngoài tính năng động trong mua, bán hoặc rút vàng về, tài khoản này còn được hưởng lãi theo kỳ hạn hoặc theo mức tự do (không kỳ hạn).

Để thực hiện nghiệp vụ này, cần thiết phải huy động vàng không kỳ hạn

3.1.3.3. Vay vàng để bán kết hợp option giá lên

Ngân hàng có thể bán vàng từ nguồn tiết kiệm hoặc vay vàng trên thị trường vàng liên ngân hàng để bán và mua một option vàng giá lên để bảo hiểm rủi ro giá lên của mình. Bởi khi ngân hàng bán vàng mà mình không sở hữu khi ngân hàng dự báo giá vàng sẽ giảm trong tương lai. Do đó, nếu như giá vàng tăng thì ngân hàng sẽ

lỗ (lỗ chênh lệch giá và lãi vay). Để bảo hiểm rủi ro này, ngân hàng sẽ mua quyền chọn mua (call option) trên thị trường quốc tế

3.1.3.4. Mua vàng spot kết hợp option giá xuống

Khi dự báo giá vàng tăng trong tương lai, ngân hàng sẽ mua vàng trên thị trường tại thời điểm hiện tại và bán ra trong tương lai khi giá vàng tăng như dự báo. Tuy nhiên, trong trường hợp giá vàng không tăng thì ngân hàng sẽ lỗ (lỗ do chênh lệch giá và thu nhập cơ hội của dòng tiền). Để bảo hiểm rủi ro này, ngân hàng sẽ mua quyền chọn bán (put option) trên thị trường quốc tế.

3.1.3.5. Nghiệp vụ Spotion

a) Chúng ta phân tích hoạt động cho vay vàng tại ngân hàng:

Giả sử khi dự báo trong tương lai giá vàng sẽ giảm từ hiện tại là 8.000.000 đ/lượng xuống còn 7.000.000 đ/lượng, khách hàng sẽ đến ngân hàng vay vàng với lãi suất cho vay 0,5%/ tháng, ngân hàng yêu cầu thế chấp 9.000.000 đ/lượng. Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm ngân hàng thông báo là 0,6% tháng. Giả sử, khách hàng vay 100 lượng với thời hạn 01 tháng và bán với giá spot là 8.000.000 đ/lượng:

Khách hàng chỉ cần có $9.000.000 - 8.000.000 = 1.000.000$ đ/ cho mỗi lượng. Điều này có nghĩa, khách hàng chỉ cần có 100.000.000 đồng là có thể đến ngân hàng vay 100 lượng vàng.

- Chi phí cho việc vay sau 01 tháng của khách hàng

$$100 \times (1+0,5\%) = 1,05 \text{ lượng}$$

- Thu từ việc tiền gửi tiết kiệm

$9.000.000 \times 100 \times (1+0,6\%) = 9.540.000$ đ > 1,05 lượng nếu giá vàng không đổi hoặc giảm

Như vậy, nếu như giá vàng sau 01 tháng không đổi hoặc giảm như dự đoán, nhà đầu tư có lời từ chênh lệch lãi suất và chênh lệch giá. Về phía ngân hàng chỉ thu lợi nhuận từ lãi cho vay vàng. (chúng ta không xét đến khoản chi của ngân hàng từ tiền gửi tiết kiệm của khách hàng vì ngân hàng sẽ dùng số tiền huy động này cho việc kinh doanh khác hay cho vay)

Nếu sau 01 tháng giá vàng lên trên 9.000.000 đ/lượng thì tài sản thế chấp của khách hàng sẽ không đủ khả năng trả nợ và đảm bảo thanh toán cho khoản vay. Lúc này rủi ro lại đứng về phía ngân hàng bởi đây là khoản tín dụng, việc xử lý nợ phải tuân thủ theo một số quy định của nhà nước (gia hạn, khoan nợ, ...)

Ngược lại, khi dự báo giá vàng tăng, khách hàng sẽ thế vàng vào ngân hàng và vay tiền

b) Lối thoát của rủi ro cho vay là thực hiện nghiệp vụ spotion

Đây là nghiệp vụ kết hợp giữa các nghiệp vụ spot và option. Khi khách hàng có nhu cầu về vàng, khách hàng đến ngân hàng mua vàng tại giá spot và đồng thời mua một quyền chọn bán (put option) từ phía ngân hàng. Ngân hàng sẽ thực hiện mua quyền mua (call option) từ thị trường quốc tế.

Ví dụ như nhu cầu của khách hàng là vay vàng để bán như ví dụ trên, ngân hàng sẽ tiến hành như sau:

✓ Bán vàng cho khách hàng tại giá spot là 9.000.000 đ/lượng (giá thị trường hiện tại là 8.000.000 đ/ lượng), đồng thời phải bán quyền mua vàng thực hiện sau 01 tháng cho khách hàng giá thực hiện (9.000.000 + chi phí cho vay vàng/ lượng – thu từ gửi tiết kiệm/ lượng).

✓ Ngân hàng thực hiện mua quyền mua vàng trên thị trường quốc tế với giá thực hiện là 9.000.000 đ/ lượng.

Chi phí của khách hàng trong nghiệp vụ này: (9.000.000 đ – 8.000.000 đ + chi phí cho vay vàng/ lượng – thu từ gửi tiết kiệm/ lượng)

Sau khi kết thúc hợp đồng, khách hàng được quyền bán vàng với giá 9.000.000 đ/lượng

Nếu giá thị trường tại thời điểm thực hiện quyền chọn của hợp đồng không đổi (8.000.000 đ/lượng). Như vậy, phí của khách hàng bỏ ra không thay đổi so với việc vay vàng (chi phí cho vay vàng/ lượng – thu từ gửi tiết kiệm/ lượng)

Ngân hàng phải cân đối chi phí mua option quốc tế và thu nhập từ hoạt động này theo nguyên tắc: **Phí option nước ngoài tại giá thực hiện 9.000.000 đ/ lượng <**

(9.000.000 đ – 8.000.000 đ + chi phí cho vay vàng/ lượng – thu từ gửi tiết kiệm/ lượng).

Như vậy khi giá vàng lên trên 9.000.000 đ/lượng khách hàng sẽ không thực hiện option (đồng nghĩa việc khoan nợ của nghiệp vụ cho vay), thì trong nghiệp vụ này, ngân hàng đã được bảo hiểm bằng một option quốc tế về số lượng vàng cho vay này.

Trong từng trường hợp cụ thể của biến động giá vàng, ngân hàng có thể tính giá option trong nước và thực hiện quyền option với nước ngoài

Tóm lại, phí mà khách hàng phải trả cho ngân hàng như sau:

Trong trường hợp khách hàng mua quyền chọn mua

- ✓ Phí = (giá thực hiện hợp đồng – giá thị trường) + (chi phí cho vay vàng/ lượng – thu từ gửi tiết kiệm tiền/ lượng)

Trong trường hợp khách hàng mua quyền chọn bán

- ✓ Phí = (giá thị trường – giá thực hiện hợp đồng) + (chi phí cho vay tiền/ lượng – thu từ gửi tiết vàng/ lượng)

3.1.3.6. Kinh doanh hộ vàng quốc tế cho khách hàng

Thực hiện nghiệp vụ này, ngân hàng đóng vai trò như nhà môi giới cho khách hàng, ngân hàng sẽ hưởng phí dịch vụ. Đối với khách hàng, để đảm bảo việc mua vàng, họ cần phải có nguồn ngoại tệ hợp pháp.

Khi khách hàng muốn mua vàng, họ phải có số dư ngoại tệ tại ngân hàng, họ được quyền mua vàng theo giá quốc tế tại thời điểm chốt giá và nhận vàng sau khi ngân hàng làm thủ tục mua vàng theo quy định về thời hạn thanh toán của nghiệp vụ spot. Về phía ngân hàng, sẽ nhận phí thực hiện dịch vụ

Khi bán vàng, khách hàng đảm bảo có vàng trong tài khoản (nguồn vàng khách hàng bán có thể từ vay, hoặc từ nghiệp vụ spotion, ...) họ có thể nhận thanh toán bằng ngoại tệ hoặc tiền đồng Việt Nam. Hiện nay việc mua hộ vàng được thực hiện tại một số ngân hàng thương mại và Công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn – SJC.

Tuy nhiên việc bán hộ vàng cho khách hàng chưa được thực hiện, bởi việc bán vàng ra thị trường quốc tế phải gắn với việc kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra ngân hàng có thể tiến hành các nghiệp vụ Swaps, forward, option trong nước và sau đó tái thực hiện trên thị trường quốc tế.

3.2. Giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Về phía Ngân hàng nhà nước

Hoạt động kinh doanh vàng tại Việt Nam được điều chỉnh bởi các văn bản sau:

- Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17/08/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối;
- Thông tư 01/1999/TT-NHNN ngày 16/04/1999 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn NĐ 63/1998/NĐ-CP;
- Quyết định 1165/QĐ-NHNN ngày 12/09/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc mang vàng của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh.
- Nghị định 174/1999/NĐ-CP ngày 09/12/1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;
- Nghị định 64/2003/NĐ-CP ngày 11/06/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 174/1999/NĐ-CP;
- Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16/09/2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định 174/1999/NĐ-CP;
- Quyết định số 1703/NHNN ngày 28/12/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/NHNN ngày 16/9/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/CP và Nghị định số 64/CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Điểm mới nhất của quyết định này là thay đổi quy định về chế độ thông tin báo cáo của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu (XNK), sản xuất, kinh doanh vàng. Theo đó, các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh mua bán,

sản xuất, gia công vàng, sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ không phải báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh vàng (theo định kỳ hàng quý, hàng năm) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng nhà nước (NHNN) chi nhánh các tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở như trước đây vì họ không còn thuộc đối tượng quản lý của Ngân hàng TW. Thay vào đó, Ngân hàng Nhà nước chỉ yêu cầu báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh vàng đối với các tổ chức, cá nhân, hoạt động XNK vàng, sản xuất vàng miếng và báo cáo về tình hình thực hiện XNK và tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ. Đây là các đối tượng này nằm trong diện quản lý của Ngân hàng Nhà nước, hoạt động của họ được thực hiện theo giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và có ảnh hưởng trực tiếp tới lượng cung cầu về vàng cũng như sự ổn định giá cả trên thị trường vàng nói riêng, thị trường ngoại hối nói chung.

Điểm thay đổi lớn thứ hai của quyết định này là tần suất yêu cầu các đơn vị gửi báo cáo đã được giảm bớt từ mức 4 lần/1 năm (hàng quý, hàng năm) xuống chỉ còn 1 lần/1 năm (chậm nhất là ngày 10/1). Mặt khác, song song với việc giảm bớt các quy định chi tiết về điều kiện, phạm vi hoạt động của tổ chức, cá nhân mua, bán, gia công, sản xuất vàng nhằm tránh trùng lặp với các quy định sẵn có trong văn bản cao hơn là Nghị định 64/CP.

Quyết định mới cũng cụ thể hóa, xác định rõ những nội dung chi nhánh NHNN cần báo cáo cho Ngân hàng TW đúng với chức năng, nhiệm vụ được giao chứ không dừng ở việc quy định chung chung như trước. Theo đó, hàng năm, chi nhánh NHNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW tổng hợp báo cáo tình hình cấp giấy phép tạm nhập khẩu vàng nguyên liệu cho các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh vàng có hợp đồng gia công tái xuất với nước ngoài theo quy định hiện hành của Thống đốc NHNN về chế độ báo cáo thống kê, áp dụng cho các đơn vị thuộc NHNN và các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng Nhà nước cho biết nếu các ngân hàng, doanh nghiệp thực sự có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu, trước hết cần làm đơn đề nghị và Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cụ thể căn cứ vào khối lượng có thể xuất. Đây là tín hiệu lạc quan cho xuất khẩu vàng!

Ngân hàng nhà nước nên cho phép các doanh nghiệp xuất khẩu vàng nguyên liệu “vì ngay cả những nước nhập vàng nhiều như Ấn Độ (600 tấn/năm) cũng đều phải trải qua giai đoạn xuất khẩu vàng. Kinh doanh vàng có mùa bán chạy, mùa không chạy, có những thời điểm người tiêu dùng bán vàng ngược ra, không mua vào, nhưng các nhà kinh doanh vàng vẫn phải mua vào. Lúc đó giá vàng trong nước thấp hơn giá quốc tế. Nếu được xuất, các doanh nghiệp có khả năng tận dụng được sự chênh lệch giá cả và điều này có lợi cho cả người kinh doanh vàng lẫn người tiêu dùng nội địa. Hơn nữa, do chỉ nhập khẩu, các doanh nghiệp buộc phải tìm kiếm ngoại tệ từ trong nước để chi trả cho nước ngoài, không có nguồn từ xuất khẩu để cân đối. Hệ quả là mỗi năm, đất nước buộc phải chi hàng trăm triệu USD để nhập vàng. Trong khi vàng nguyên liệu nhập về chủ yếu được chế thành vàng miếng, chạy lòng vòng trong dân, không biết đi đâu, trở thành phương tiện thanh toán thay cho đồng nội tệ và điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam.

Như vậy với những quy định trên, đã tạo một cơ chế thông thoáng, bớt phiền hà, và hạn chế chông chéo văn bản. Tuy nhiên, vàng chưa được phép huy động không kỳ hạn, vì vậy vàng vẫn nằm ở dạng vàng vật chất, mua bán vàng qua quỹ chưa được mở tài khoản tiền gửi bằng vàng, nên việc triển khai các nghiệp vụ ngân hàng về vàng gặp rất nhiều khó khăn. **Đây là vấn đề mấu chốt để có thể mở rộng và phát triển các nghiệp vụ ngân hàng đề xuất tiếp theo**

Để bảo đảm thanh khoản, theo quy định, các ngân hàng thương mại chỉ được phép chuyển **30% vàng tư có, vàng huy động thành tiền**. Nay các ngân hàng đã được phép kinh doanh vàng trên tài khoản, một khi được xuất khẩu vàng, và mức 30% chuyển đổi được nâng lên, họ có thể phối hợp cả hai nghiệp vụ trên, chuyển vàng thành tiền, đưa tiền vào vòng quay kinh doanh.

3.2.2. Kinh doanh vàng tiền tệ gắn với sản xuất vàng tiêu chuẩn quốc tế

Không thể nói rằng vàng tiền tệ của Việt Nam không đáp ứng đủ tiêu chuẩn quốc tế nhưng hiện nay vàng tiền tệ Việt Nam chưa được chấp nhận lưu thông trên thị trường quốc tế. Do vậy vấn đề đặt ra là uy tín và năng lực đảm bảo việc lưu hành của nhà sản xuất đối với thị trường quốc tế.

Việc phát hành và thực hiện lưu thông tiền tệ bao giờ cũng xuất phát từ ngân hàng. Do đó, việc phát hành vàng tiền tệ mặc dù bản thân nó đã có giá trị mà không cần phải đặt cho nó giá trị pháp định thì cũng nên xuất phát từ ngân hàng. Đây là nguyên lý trong việc đảm bảo sự lưu thông của tiền tệ. Do vậy, để vàng tiền tệ Việt Nam lưu thông trên thị trường quốc tế phải xuất phát từ ngân hàng mà không nên là một doanh nghiệp. Rõ ràng, trước đây, có rất nhiều vàng tiền tệ lưu hành tại Việt Nam (thần tài, phượng hoàng, bông lúa, Kim Thành, AAA...) nhưng đến hiện giờ gần như độc tôn lưu hành vàng SJC. Điều này cho thấy, để có thể lưu thông vàng tiền tệ thì không phải chỉ cần sản xuất vàng theo tiêu chuẩn quốc tế mà cần phải có sự **đảm bảo lâu dài sự lưu thông này trong tương lai.**

Đối với các nước trên thế giới, việc sản xuất vàng tiền tệ là từ các ngân hàng (swiss Bank, United Overseas – UOB, ...). Việc ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn sản xuất vàng miếng theo tiêu chuẩn quốc tế là một xu hướng phù hợp nhưng với điều kiện ngân hàng này không cổ phần hoá. Vì việc sản xuất vàng miếng theo tiêu chuẩn quốc tế cũng giống như việc phát hành tiền cần có sự đảm bảo từ phía nhà nước mặc dù bản thân vàng đã có giá trị thực của nó, nhưng vấn đề là uy tín của sản phẩm để có thể vàng Việt Nam được chấp nhận lưu thông trên thị trường quốc tế.

Do đó, trong thời gian chờ đợi sự khẳng định thương hiệu vàng tiền tệ Việt Nam để được chấp nhận lưu thông trên thị trường quốc tế, các ngân hàng và Nhà nước cần khuyến khích và đẩy mạnh việc lưu thông vàng theo tiêu chuẩn quốc tế trên thị trường Việt Nam. Có như vậy, chúng ta mới gắn kết việc kinh doanh vàng trên thị trường thế giới. Việc nhập và xuất vàng diễn ra dễ dàng

Lấy ví dụ: Công ty Vàng bạc đá quý Tp.HCM trong 15 năm qua đã gia công 7 triệu lượng vàng miếng, trị giá 50.000 tỉ đồng và số vàng này đang nằm trong dân. Đó là nguồn vốn khổng lồ. Nếu số vàng này được chấp nhận trên thị trường quốc tế như là vàng tiền tệ thì số vàng trong nước kia sẽ được chuyển thành tiền, thành ngoại tệ và đây là nguồn vốn khổng lồ đầu tư cho nền kinh tế. Ngoài ra, xuất khẩu vàng sẽ mang về nguồn thu ngoại tệ, giúp doanh nghiệp tự cân đối ngoại tệ để nhập vàng khi cần, mà không phải xin mua ngoại tệ từ Ngân hàng Nhà nước

3.2.3. Hình thành trung tâm lưu ký và giao dịch vàng để thực hiện kinh doanh vàng trên tài khoản

Nếu đã xem vàng như là một loại tiền tệ để kinh doanh thì nhất thiết phải có tài khoản kinh doanh vàng của ngân hàng, do đặc thù vàng là hàng hoá đặc biệt và việc chuyên khoản tương đối khó khăn nên hình thành trung tâm ký gửi vàng để các ngân hàng gửi vàng (ngân hàng nhà nước quy định các ngân hàng kinh doanh vàng phải ký gửi một lượng vàng nhất định tại trung tâm này). Đây là nơi giao dịch chính thức lớn nhất của thị trường vàng Việt Nam; và cũng sẽ là đầu mối của các hoạt động giao dịch vàng trên thị trường theo cơ chế giá thỏa thuận. Mọi cá nhân tổ chức đều có thể được tham gia mua, bán, trao đổi vàng qua trung tâm này. Việc ra đời một Trung tâm giao dịch dành cho vàng cũng nhằm kiểm soát lượng vàng giao dịch và theo dõi giá cả trên thị trường. Với Trung tâm giao dịch này, đây sẽ là biện pháp quan trọng góp phần bình ổn giá vàng

3.2.4. Kinh doanh vàng liên hàng

Có thể nói, không hoạt động kinh doanh nào mà sự gắn kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành như trong hoạt động của ngân hàng thương mại. Kinh doanh vàng tiền tệ tại các ngân hàng thương mại là một hoạt động tương đối mới so với hoạt động kinh doanh ngoại tệ, và vì vậy rất cần thiết hình thành nên thị trường vàng liên hàng để các ngân hàng hỗ trợ nhau.

Ví dụ, hiện nay ngân hàng do chưa có thị trường option vàng liên ngân hàng tại Việt Nam, nên phải thực hiện tái bảo hiểm thông qua một hợp đồng mua option vàng trên thị trường quốc tế. Ngân hàng trong giai đoạn đầu sẽ là cầu nối của người môi giới trung gian giữa cầu option trong nước và cung option ở thị trường nước ngoài. Cụ thể trong trường hợp trên, ngân hàng sẽ đặt mua option vàng ở nước ngoài theo giá và phí gần sát với mức của khách hàng trong nước đặt mua, chênh lệch mà ngân hàng được hưởng là ở đó và không chịu sự rủi ro nào cả.

3.2.5. Dự trữ vàng của Ngân hàng Nhà nước nhằm bình ổn giá vàng và đa dạng hoá dự trữ ngoại tệ

Một khi nhận thức vai trò tiền tệ của vàng, Ngân hàng Trung ương nên xem xét lại cơ cấu dự trữ ngoại tệ, có thể chuyển sang dự trữ vàng nhiều hơn. Thống đốc Ngân hàng

Nhà nước Lê Đức Thùý đã ký Quyết định 1549 cho phép Sở Giao dịch của Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nghiệp vụ kỳ hạn, hoán đổi, tương lai, quyền chọn lựa trong quản lý, đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước. Những nghiệp vụ trên là những công cụ có thể ảnh hưởng đến cơ cấu Quỹ Dự trữ ngoại hối, Quỹ Bình ổn tỷ giá, giá vàng. Sau những động thái mới này, Ngân hàng Nhà nước đang tiến rất gần đến tự do hóa các giao dịch vãng lai, mở dần các quy định về quản lý ngoại hối theo hướng thông thoáng hơn.

3.2.6. Kinh doanh vàng với Ngân hàng nhà nước

Thị trường vàng thế giới trong những năm qua biến động phức tạp, tuy nhiên, ngân hàng nhà nước chỉ can thiệp bằng các biện pháp hành chính nhiều hơn là biện pháp kinh tế mặc dù năm 2003 khi giá vàng biến động, ngân hàng nhà nước mở rộng quota nhập vàng và xuất bán ngoại tệ theo giá niêm yết để các ngân hàng nhập vàng bình ổn giá. Tuy nhiên đứng về góc độ quản lý và điều khiển thị trường thì bấy nhiêu vẫn chưa đủ. Ngân hàng cần phải có dự trữ vàng để can thiệp kịp lúc đối với thị trường vàng trong nước. Bởi điều này không những ổn định thị trường vàng tiền tệ mà còn ổn định thị trường nhà đất bởi hiện nay không thể thay đổi thói quen định giá và thanh toán những giao dịch về nhà đất bằng vàng.

3.2.7. Cho phép thực hiện mua bán không vàng

Khi mà việc kinh doanh vàng trên tài khoản, option, forward, cho vay cầm cố đã và đang được thực hiện dưới sự cho phép của ngân hàng nhà nước thì việc cho phép thực hiện mua bán không vàng chỉ là bổ sung thêm nghiệp vụ kinh doanh vàng nhằm để nhà đầu tư có nhiều sản phẩm lựa chọn cho danh mục đầu tư của mình. Điều này có nghĩa khi triển khai thực hiện nghiệp vụ này không làm biến động hay bất ổn thị trường vàng tiền tệ cũng như hạn chế khả năng quản lý và điều hành thị trường của ngân hàng nhà nước.

3.2.8. Nâng cao nhận thức của khách hàng về định chế tài chính và sản phẩm tài chính

Khách hàng chủ yếu của các ngân là các nhà đầu tư cá nhân hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. Ngân hàng đóng vai trò trung gian trong hoạt động mua bán vàng giữa khách hàng trong nước và khách hàng quốc tế, bản thân ngân hàng rất

ít triển khai nghiệp vụ kinh doanh vàng trạng thái. Vì vậy, lợi nhuận ngân hàng thu được sẽ là khoản lỗ của các nhà đầu tư trong nước, không phải ngân hàng mà khách hàng mới thật sự là người đầu tư. Do đó, đứng trên góc độ nền kinh tế thì hoạt động kinh doanh vàng không mang lại nhiều lợi ích. Do vậy, khách hàng cần phải hiểu rõ về các định chế tài chính và các sản phẩm tài chính được thực hiện trong hoạt động kinh doanh vàng. Ngân hàng với đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp và hệ thống thiết bị, phương tiện giao dịch hiện đại sẽ là người hướng dẫn và tư vấn cho các nhà đầu tư trong hoạt động kinh doanh vàng của mình.

Kết luận chương III

Các giải pháp trên có thể áp dụng và hiện nay một số ngân hàng có hoạt động kinh doanh vàng cũng đã triển khai thực hiện. Tuy nhiên, để thực hiện hoạt động kinh doanh vàng có hiệu quả, tất yếu cần phải giải quyết các vấn đề từ chính sách vĩ mô (ngân hàng nhà nước) và cơ cấu tổ chức trong từng ngân hàng và đội ngũ chuyên viên thực hiện các hoạt động này. Đa dạng hoá các nghiệp vụ ngân hàng theo thông lệ quốc tế là nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng, giúp Ngân hàng thương mại hội nhập vững chắc trong tiến trình hội nhập chung của đất nước với thế giới.

KẾT LUẬN

Hội nhập kinh tế toàn cầu là xu hướng tất yếu trong sự vận động của kinh tế thế giới. Chính trong sự vận động này, hội nhập tài chính toàn cầu diễn ra mạnh mẽ và quyết liệt nhất. Những quan điểm về thông tin bất cân xứng hay thế giới ngày nay đã phẳng hay chưa đã khẳng định tính tất yếu của sự hội nhập toàn cầu (kinh tế, văn hoá, chính trị, ...). Do vậy, một quốc gia muốn phát triển để không bị thụt lùi, và tiếp cận tiên bộ của nhân loại thì quốc gia đó không thể nằm ngoài quy luật vận động này.

Từ khi ra đời đến nay, dù với nhu cầu nào: vật chất hay tài chính. Vàng luôn thể hiện sức mạnh của mình đối với nền kinh tế. Với nhu cầu vật chất, vàng có sức hút mạnh mẽ đối với nhân loại và trở thành nhu cầu vật chất cao cấp (đối với bản thân con người thông qua việc dùng làm trang sức và áp dụng trong khoa học kỹ thuật và y khoa, ..). Mặc dù hiện nay, vai trò tiền tệ của vàng không còn mạnh mẽ như xưa bởi sự phát triển và vận động như vũ bão của hàng hoá, nên vàng tiền tệ với sự khan hiếm của mình không đủ khả năng đáp ứng sự vận động của quy luật hàng – tiền. Dù vậy, trong bất kỳ giai đoạn và thời kỳ nào của kinh tế thế giới, chưa bao giờ vàng thoát khỏi chức năng tiền tệ vốn có của mình. Có thể nói rằng, việc tìm ra vàng là để nó thực hiện chức năng tiền tệ.

Trải qua suốt chiều dài lịch sử, vàng với bản chất tiền tệ được biểu hiện thông qua nhu cầu tài chính của nhà đầu tư, hoạt động kinh doanh vàng tiền tệ chưa bao giờ gián đoạn trên thế giới. Việt Nam, sau khi giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, vàng có những lúc được giao dịch với tư cách là vật chất rất hạn chế mà chủ yếu làm chức năng thước đo giá trị (một trong các chức năng của tiền tệ). Trong những năm đầu của thập niên 90 với sự ra đời của vàng miếng SJC và sự triển khai, phát triển các nghiệp vụ về vàng tại các ngân hàng thương mại đã làm sống lại hoạt động giao dịch vàng tiền tệ ở nước ta.

Tìm hiểu hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trong quá trình hội nhập với thế giới có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp cận các sản phẩm của định chế tài chính cao cấp nhằm đa dạng hóa hoạt động ngân hàng, giúp nhà đầu tư có kênh đầu tư hiệu quả trong danh mục của mình. Tuy nhiên, do thời gian nghiên

cứu có hạn và các hoạt động về vàng tại các ngân hàng thương mại là tương đối mới (không phải ngân hàng thương mại nào cũng triển khai hoạt động kinh doanh vàng). Số liệu về ngành và số liệu về hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại còn trong vòng bí mật, hạn chế cung cấp ra bên ngoài bởi kinh doanh vàng là nghiệp vụ tương đối mới tại các ngân và hiện nay còn mang tính cạnh tranh cao. Do vậy, đề tài này mang tính định tính hơn là định lượng, nhưng mục tiêu chính của đề tài nhằm phân tích và đưa ra các nghiệp vụ kinh doanh vàng hiệu quả. Những giải pháp của đề tài đưa ra có tính áp dụng trong thực tiễn hoạt động tại các ngân hàng có hoạt động kinh doanh tiền tệ (vàng, ngoại tệ, ...) trong thời điểm hiện nay.

Do kiến thức và thời gian có hạn, tác giả chỉ có thể trình bày được những vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và chắc chắn còn nhiều thiếu sót, rất mong sự cảm thông và đóng góp của Quý Thầy, Cô và độc giả.

KẾT LUẬN

Mặc dù còn có hạn chế trong nghiên cứu trong mô hình, nhưng qua đề tài này chúng ta thấy rằng giá dầu trên thế giới biến động không những theo lượng cung và lượng cầu dầu trên thế giới, chi phí khai thác, trữ lượng dầu, tình hình bất ổn của khu vực Trung Đông ... mà còn biến thiên đồng biến với giá vàng trên thế giới. Đây là điều khác lạ bởi dầu và vàng không phải là loại hàng hoá bổ sung nhau. Điều này chỉ có thể giải thích là do thói quen và sở thích sử dụng vàng của các quốc gia vùng Trung Đông – nơi có trữ lượng và cung cấp phần lớn nguồn dầu cho thế giới. Chính sự gia tăng giá dầu làm tăng thu nhập nên thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ vàng của các quốc gia này. Mặt khác, khi giá dầu tăng làm cho chi phí sản xuất tăng sẽ dẫn đến lạm phát làm cho tiền “kỳ hiệu” mất giá nên các nhà đầu tư có xu hướng quay về với đồng “tiền thật” đó chính là vàng, làm cho cầu vàng tăng nên giá vàng tăng ...

Dầu là mạch máu của nền kinh tế nên một khi giá dầu tăng làm cho sản xuất bị khủng hoảng và lạm phát, cũng có nghĩa là các quốc gia nhập khẩu dầu sẽ chi nhiều hơn cho nhập khẩu. Hay nói cách khác khi giá dầu tăng sẽ có sự phân phối lại thu nhập của thế giới. Kiểm định mối liên hệ đồng biến giữa giá vàng và giá dầu để thấy rằng, một quốc gia luôn nhập khẩu dầu nên có một lượng dự trữ vàng ở mức hợp lý sẽ tốt hơn là dự trữ toàn bộ nguồn ngoại hối của mình vào một rổ tiền tệ các ngoại tệ mạnh. Việt Nam là một nước nhập khẩu dầu và hàng năm phải tốn nhiều tỉ đồng để trợ giá cho dầu, nhưng hiện nay nguồn dự trữ ngoại hối của chúng ta chưa có dự trữ vàng. Đây cũng là một mất mát lớn bởi giá dầu và giá vàng trong những năm qua luôn biến động theo xu hướng tăng lên.

Dù có sự cố gắng nhưng vì thời gian có hạn và chưa hồi quy một cách đầy đủ các biến độc lập có ảnh hưởng đến giá dầu thế giới nên đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót.

TÀI LIỆU THAM KHẢO



1. PTS Nguyễn Hữu Định: *Kinh doanh vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh, chính sách và giải pháp*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh
 2. Chủ biên TS. Trần Ngọc Thơ và các tác giả TS. Nguyễn Thị Ngọc Trang, TS. Phan Thị Bích Nguyệt, TS. Nguyễn Thị Liên Hoa, TS. Nguyễn Thị Uyên Uyên (2003), *Tài chính doanh nghiệp hiện đại*, Nhà xuất bản Thống kê Tp. HCM
 3. TS. Trần Hoàng Ngân (2001), *Thanh toán quốc tế*, Nhà xuất bản Thống kê, TP. HCM
 4. Chủ biên PGS.TS Nguyễn Đăng Dờn và các tác giả TS Hoàng Đức, TS. Trần Huy Hoàng, ThS. Trầm Xuân Hương (2004), *Tiền tệ ngân hàng*, Nhà xuất bản Thống kê.
 5. Các trang web:
 - www.eia.doe.gov.com
 - www.kitco.com
 - www.gso.gov.vn
 - www.trangsucvietnam.com.vn
 - www.vi.wikipedia.org
 - www.undp.org.vn
 - www.mof.gov.vn
 - www.dpi.hochiminhcity.gov.vn,
 6. World Gold Council: Annual report 2003-2004
 7. Tình hình khai thác và sử dụng vàng thập niên qua, KS. Hoàng Sỹ Bảy
 8. Tiểu luận Dự báo thống kê, Huỳnh Phước Nguyên.
-

PHỤ LỤC 1

PHÒNG KINH DOANH VÀNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM (EXIMBANK)

1. Khái quát về Phòng Kinh doanh vàng

Tiền thân của Phòng Kinh doanh vàng là Bộ phận cho vay cầm cố sổ tiết kiệm, trực thuộc Phòng tín dụng của Hội sở Trung ương (HSTW). Hiện nay, Phòng Kinh doanh vàng thuộc HSTW hình thành theo:

- Quyết định 25/EIB/HĐQT-04 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam ngày 10/06/2004 về việc thành lập Phòng Kinh doanh vàng.
- Quyết định 44/EIB/HĐQT-04 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam ngày 13/09/2004 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh doanh vàng thuộc ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam.

1.1. Chức năng, nhiệm vụ:

Chức năng: Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các phương án kinh doanh Vàng, mua bán vàng trên thị trường trong nước và quốc tế.

Nhiệm vụ: Xây dựng các phương án kinh doanh vàng tại thị trường trong và ngoài nước. Theo dõi, thu thập, phân tích và xử lý diễn biến các thông tin về Vàng trên thị trường trong và ngoài nước. Liên tục cập nhật và tuân thủ các quy định, chính sách về quản lý và kinh doanh vàng của Nhà nước và các Bộ ngành có liên quan. Xây dựng và tham gia các quy định, quy trình nghiệp vụ đối với các hoạt động mà phòng chuyên trách nhằm đảm bảo sự an toàn và hiệu quả nhất.

1.2. Giấy phép hoạt động

Quyết định 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/01/2006 của Thống đốc NHNN về việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài.

Quyết định 522/QĐ-NHNN ngày 28/03/2006 của Thống đốc NHNN về việc cho phép Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất nhập khẩu Việt Nam kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài

2. Hoạt động Phòng kinh doanh vàng

2.1. Nghiệp vụ kinh doanh Vàng (physical and bullion)

Các phương thức giao dịch: Spot, Forward, Swap, Option, Arbitrage.

Cách thức giao dịch chủ yếu là giao dịch qua điện thoại có ghi âm hoặc liên hệ trực tiếp và sau đó gửi xác nhận giao dịch

Kinh doanh Vàng với các khách hàng trong nước (physical) là các doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc đá quý và các cá nhân có năng lực hành vi dân sự.

Kinh doanh Vàng trên tài khoản tại ngân hàng nước ngoài (physical and bullion).

2.2. Nghiệp vụ hạch toán kế toán và báo cáo :

Kế toán viên nhận xác nhận giao dịch từ dealer có phê duyệt, có lãnh đạo phòng tiến hành hạch toán:

Lập lệnh chi trả vàng hoặc tiền đồng cho khách hàng trong nước thông qua phòng ngân quỹ.

Hạch toán vào các tài khoản tương ứng các giao dịch với ngân hàng nước ngoài.

Báo cáo số liệu hàng ngày phục vụ công tác quản trị cho lãnh đạo phòng: doanh số mua bán vàng, kết quả kinh doanh tạm tính, trạng thái giao dịch...

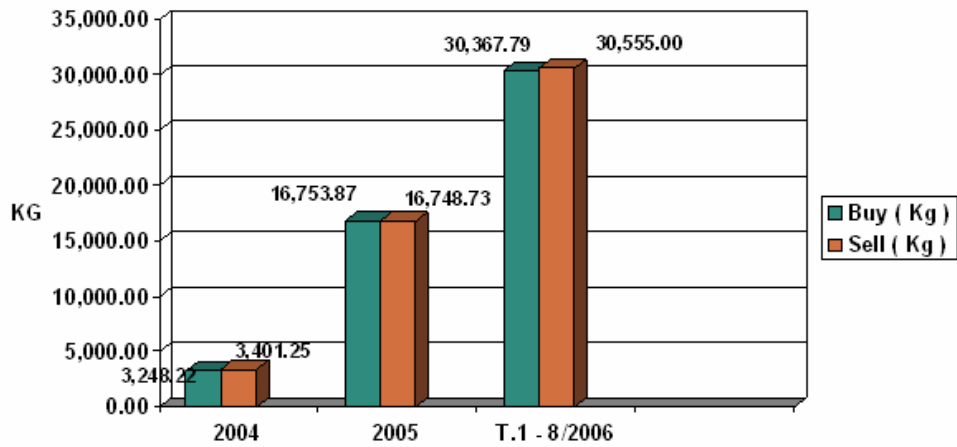
Làm báo cáo tổng hợp định kỳ tuần, tháng, quý, năm.

3. Kết quả hoạt động và kế hoạch phát triển

3.1. Kết quả hoạt động

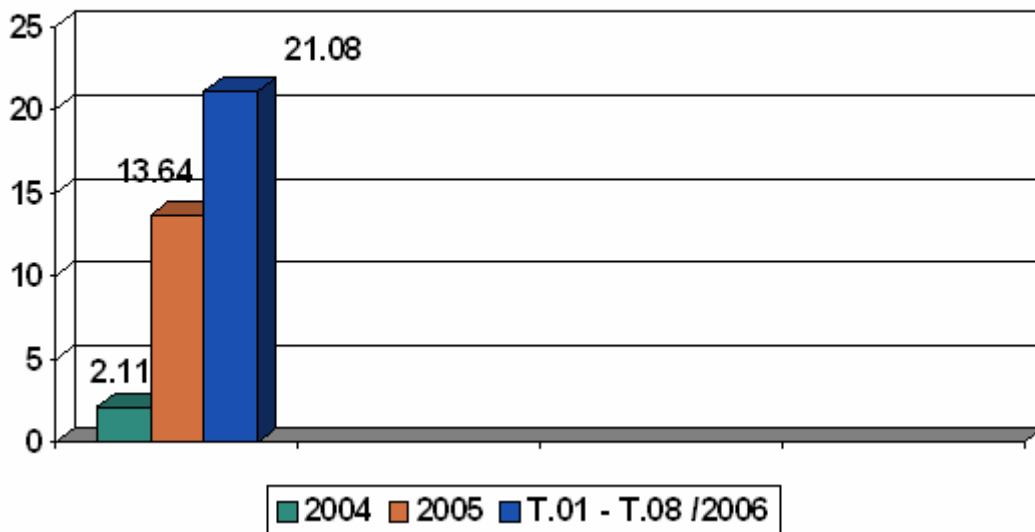
Biểu số 1: Khối lượng vàng (Kg) mua bán từ 2004 đến tháng 08 năm 2006

BUY - SELL GOLD VOLUME (KG)

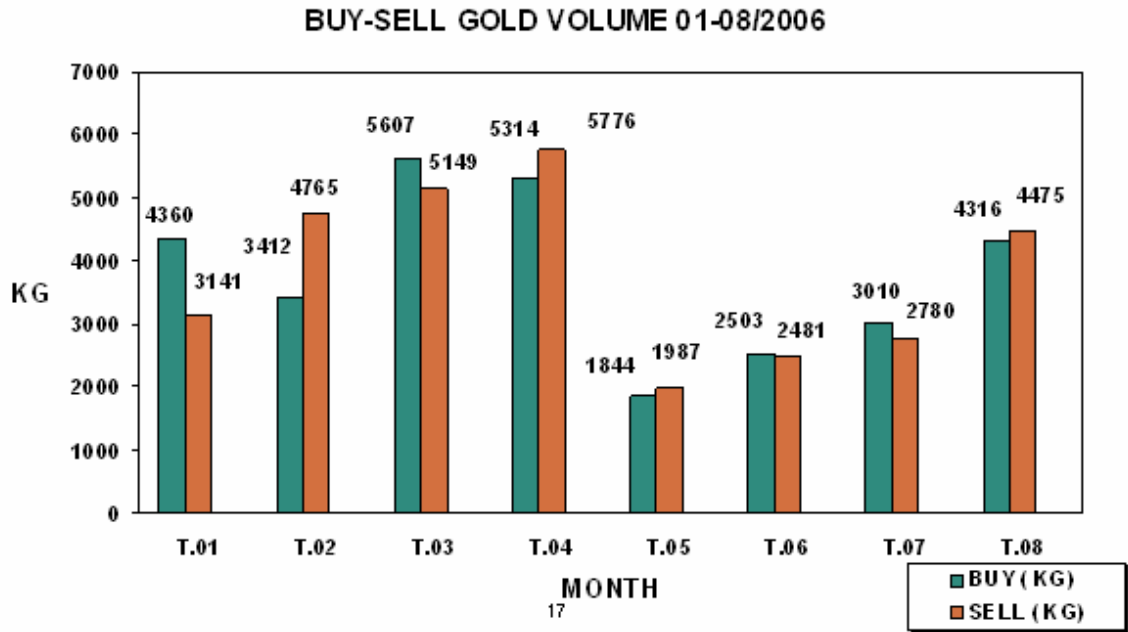


Biểu số 2: Lợi nhuận mua bán vàng (triệu đồng) từ 2004 đến tháng 08 năm 2006

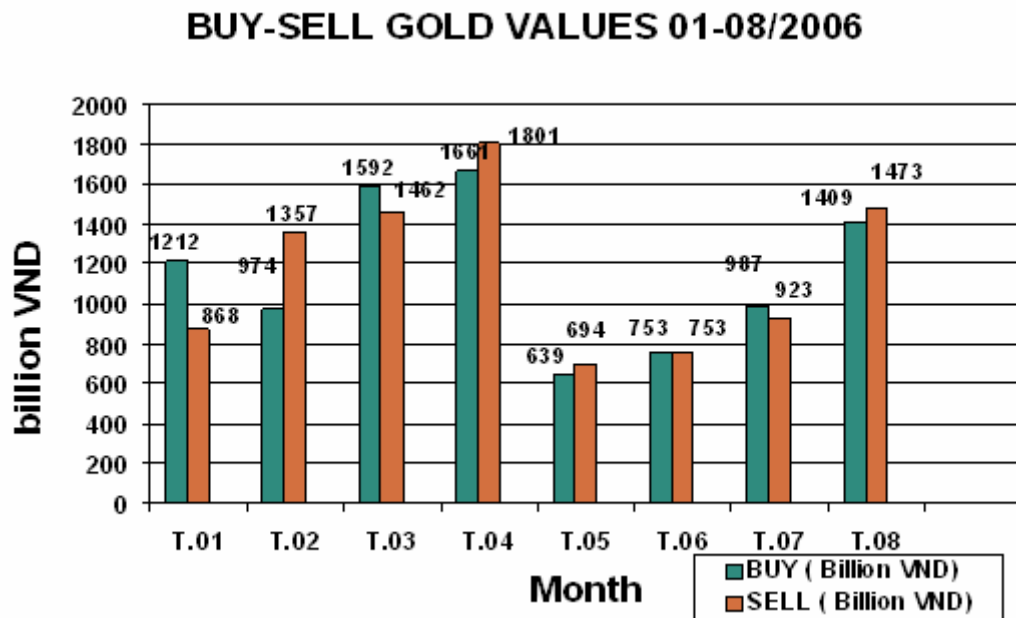
Profit(billion vnd)



Biểu số 3: Khối lượng vàng (Kg) mua bán năm 2006



Biểu số 4: Lợi nhuận mua bán vàng (triệu đồng) năm 2006



3.2. Kế hoạch phát triển

Phổ biến và mở rộng việc kinh doanh , các công cụ tài chính phái sinh đến các chi nhánh.

Đào tạo nhiều nhân lực trẻ kế thừa có tính chuyên nghiệp, có trình độ để chủ động nắm bắt và tạo lập thị trường, có thể gia nhập vào kinh doanh các thị trường giao dịch trong và ngoài nước.

Tận dụng các lợi thế của việc kinh doanh vàng qua tài khoản mở các hình thức kinh doanh mới.

Đề nghị ngân hàng nhà nước cho phép và liên kết với các ngân hàng nước ngoài tiến đến việc thành lập kho ngoại quan vàng tại thành phố để có thể thực hiện một phương thức nhập vàng tại chỗ.

Sản xuất và tạo thương hiệu vàng miếng cho Eximbank, liên kết đăng ký thương hiệu vàng miếng Eximbank trên thị trường vàng nước ngoài để tiến đến xuất khẩu.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG NĂM 2004

Đơn vị tính : **kg (khối lượng), USD, VNĐ**

Chỉ tiêu	Khối lượng (quy 99,99%)	Giá trị	% + so với kỳ trước
3 . Doanh số mua vào			
Trong đó:	4,435.97 kg	912,115,252,684 VNĐ	
Vàng nguyên liệu	1,208.13 kg	249,926,930,404 VNĐ	
Vàng miếng	3,227.84 kg	662,188,322,280 VNĐ	
4 . Doanh số bán ra			
Trong đó:	4,430.88 kg	913,279,410,030 VNĐ	
Vàng nguyên liệu	573.40 kg	115,126,640,850 VNĐ	
Vàng miếng	3,857.48 kg	798,152,769,180 VNĐ	
5 . Nhập khẩu : (USD)			
Trong đó:	1,200.00 kg	15,536,833.84 USD	
Vàng nguyên liệu	1,200.00 kg	15,536,833.84 USD	
Vàng miếng	0.00	0.00	

DOANH SỐ MUA BÁN VÀNG NĂM 2004					
		MUA		BÁN	
		số lượng (Chỉ)	trị giá (VNĐ)	số lượng (Chỉ)	trị giá (VNĐ)
tháng 1	GD1	60,061.36	47,441,691,870	87,739.95	68,922,171,590
tháng 2	GD1	190,879.71	147,393,354,018	188,609.53	146,311,733,720
tháng 3	GD1	125,542.38	97,503,886,709	98,356.48	76,645,238,280
tháng 4	GD1	212,606.37	165,648,865,353	253,447.33	199,403,479,890
tháng 5	GD1	137,931.55	104,427,894,885	183,728.39	139,643,471,460
tháng 6	GD1	97,904.93	73,754,736,580	65,016.76	48,941,059,760
	GD2	130,201.33	97,131,682,000	78,202.63	58,696,536,220
tháng 7	GD1	27,646.26	20,937,686,900	54,318.03	41,033,142,190
	GD2	171.63	129,959,570	19,371.15	14,615,730,750
tháng 8	GD1	54,991.09	41,588,334,000	18,645.72	14,149,938,930
	GD2	53,436.56	39,812,585,844	52,103.26	39,281,881,290
tháng 9	GD1	4,138.33	3,202,710,210	43,307.96	33,618,682,920
	GD2	160.48	123,683,630	1,493.78	1,152,991,230
tháng 10	GD1	22,174.30	17,865,318,245	9,113.04	7,300,442,870
	GD2	1,473.89	1,165,150,150.00	1,473.89	1,165,150,150.00
tháng 11	GD1	16,650.31	13,981,386,220	18,244.31	15,299,531,370
	GD2	157.71	1,296,849,960	157.71	1,296,849,960
tháng 12	GD1	45,167.97	38,527,475,290	7,106.85	6,035,876,200
	GD2	99.65	82,651,400	99.65	82,651,400
Cộng	GD1	995,694.56	772,273,340,280	1,027,634.35	797,304,769,180
	GD2	185,701.25	139,742,562,554	152,902.07	116,291,791,000
Tổng cộng		1,181,395.81	912,015,902,834	1,180,536.42	913,596,560,180

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG

Năm 2005

Đơn vị tính : kg (khối lượng), USD, VNĐ (giá trị)

Chỉ tiêu	Khối lượng (quy 99,99%)	Giá trị	% + so với năm 2004
1.Sản xuất vàng miếng : - Sản xuất cho đơn vị : - Gia công tổ chức, cá nhân :	0.00	0.00	
2 . Doanh số mua vàng miếng, vàng nguyên liệu	16,753.87 kg	3,855,336,737,288 VNĐ	277.68%
3 . Doanh số bán vàng miếng, vàng nguyên liệu	16,748.73 kg	3,864,000,006,101 VNĐ	278.00%
4 . Nhập khẩu : (USD) Trong đó: Vàng nguyên liệu Vàng miếng	1,800.00 kg 1,800.00 kg 0.00	24,709,611.58 USD 24,709,611.58 USD 0.00	50.00%
5 . Xuất khẩu : (USD) Trong đó: Vàng trang sức , mỹ nghệ Vàng nguyên liệu Vàng miếng	0.00 kg 0.00 0.00 kg 0.00	0.00 USD 0.00 0.00 USD 0.00	

DOANH SỐ MUA BÁN VÀNG NĂM 2005				
DOANH SỐ Tháng	MUA		BÁN	
	Khối lượng (Chỉ)	Giá trị (VNĐ)	Khối lượng (Chỉ)	Giá trị (VNĐ)
tháng 1	89,266.16	73,732,882,145	203,597.94	166,578,769,040
	266,841.52	216,119,440,275	170,645.90	139,031,291,760
Tháng 1	356,107.68	289,852,322,420	374,243.84	305,610,060,800
tháng 2	64,869.18	53,257,006,105	129,701.79	105,444,214,980
	200,165.10	162,403,635,493	115,831.90	94,287,900,246
Tháng 2	265,034.28	215,660,641,598	245,533.69	199,732,115,226
tháng 3	61,680.38	51,558,235,595	160,377.42	132,816,498,205
	373,667.70	307,632,587,473	279,003.40	231,133,823,529
Tháng 3	435,348.08	359,190,823,068	439,380.82	363,950,321,734
tháng 4	181,783.24	150,634,479,615	88,672.20	73,065,497,290
	339,162.41	277,803,208,007	429,826.81	353,444,802,257
Tháng 4	520,945.65	428,437,687,622	518,499.01	426,510,299,547
tháng 5	13,582.66	11,077,147,825	133,937.78	109,377,493,920
	205,426.48	165,477,764,262	96,095.88	78,064,993,370
Tháng 5	219,009.14	176,554,912,087	230,033.66	187,442,487,290
tháng 6	309,121.44	255,275,354,935	14,182.60	11,607,932,560
	13,336.37	10,722,318,405	255,996.97	210,379,719,336
Tháng 6	322,457.81	265,997,673,340	270,179.57	221,987,651,896
tháng 7	59,197.36	48,695,170,790	226,426.53	185,696,361,015
	282,727.59	229,436,300,693	112,065.19	92,658,833,492
Tháng 7	341,924.95	278,131,471,483	338,491.72	278,355,194,507
tháng 8	251,636.60	209,534,564,110	100,906.51	84,512,356,630
	100,027.66	83,418,792,711	305,355.86	253,627,005,554
Tháng 8	351,664.26	292,953,356,821	406,262.37	338,139,362,184
tháng 9	192,712.38	164,943,221,250	52,731.57	45,904,147,840
	50,824.49	43,250,984,801	42,824.69	36,296,345,906
Tháng 9	243,536.87	208,194,206,051	95,556.26	82,200,493,746
tháng 10	28,021.12	24,739,895,890	96,952.75	85,364,598,110
	66,864.67	59,551,067,407	66,864.67	59,506,908,650
Tháng 10	94,885.79	84,290,963,297	163,817.42	144,871,506,760
Tháng 11	261,951.39	233,706,455,235	157,961.87	142,221,360,568
	262,840.15	244,471,153,932	268,706.67	239,324,297,679
Tháng 11	524,791.54	478,177,609,167	426,668.54	381,545,658,247
Tháng 12	269,055.82	260,245,985,640	393,391.26	389,725,475,315
	522,825.60	517,649,084,758	564,157.90	543,929,378,849
Tháng 12	791,881.42	777,895,070,398	957,549.16	933,654,854,164
Cộng	1,782,877.73	1,537,400,399,135	1,758,840.22	1,532,314,705,473
	2,684,709.74	2,317,936,338,217	2,707,375.84	2,331,685,300,628
Tổng cộng	4,467,587.47	3,855,336,737,352	4,466,216.06	3,864,000,006,101

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG

Từ tháng 01 đến tháng 09 năm 2006

Đơn vị tính : kg (khối lượng), USD, VNĐ (giá trị)

Chỉ tiêu	Khối lượng (quy 99,99%)	Giá trị	% + so với năm 2005
2 . Doanh số mua vàng miếng, vàng nguyên liệu	kg 36,166.71	11,035,403,936,786 VNĐ	115.87%
3 . Doanh số bán vàng miếng, vàng nguyên liệu	36,900.00 kg	11,318,439,477,079 VNĐ	120.32%
4 . Nhập khẩu : (USD)	1,800.00 kg	34,144,627.61 USD	0.00%
Trong đó:			
Vàng nguyên liệu	1,800.00 kg	34,144,627.61 USD	0.00%
Vàng miếng	0.00	0.00	
5 . Xuất khẩu : (USD)	0.00 kg	0.00 USD	
Trong đó:			
Vàng trang sức , mỹ nghệ	0.00	0.00	
Vàng nguyên liệu	0.00 kg	0.00 USD	
Vàng miếng	0.00	0.00	

Ghi chú:

- GD1: Vàng miếng SJC
- GD2: Vàng nguyên liệu

PHU LUC 2:

TÌM HIỂU SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA GIÁ DẦU TRÊN THẾ GIỚI

(Đề tài môn Kinh tế dự báo, người thực hiện Huỳnh Phước Nguyên, Giáo viên hướng dẫn ThS. Hoàng Ngọc Nhậm)

I. NHẬN ĐỊNH CHUNG VẤN ĐỀ CẦN NGHIÊN CỨU

Thế giới bất ổn, và nóng bỏng – trong kinh tế, chính trị- luôn liên quan đến nguồn năng lượng mà đặc trưng là nguồn dầu hoả. Trung Quốc trong thập kỷ qua luôn phát triển nóng với tốc độ cao, nhu cầu năng lượng tăng mạnh mẽ, trong thời gian qua Trung Quốc đã thua Nhật trong việc ký hợp đồng dầu khí và tuyên dẫn dầu với Nga, bù lại họ vượt qua Mỹ trong việc ký các hợp đồng dầu với các nước Ả Rập và hiện nay, họ đang tiến hành xây dựng đập Tam Hiệp được cho là công trình của thế kỷ 21. Tất cả các động thái trên không ngoài mục tiêu cung ứng nguồn năng lượng cho đất nước – trái tim và máu của nền kinh tế. Tình hình chính trị thế giới đôi lúc xảy ra bất ổn ở một vài khu vực, nhưng đối với Trung Đông được xem là lò lửa chiến tranh hiện nay, nó nóng bỏng bởi bất ổn dường như không bao giờ dứt mà khơi nguồn cho lò lửa đó không ai khác mà chính là dầu. Cuộc chiến tranh xâm lược Iraq vừa qua của Mỹ dù được núp bóng dưới hình thức nào nhưng cả thế giới đều biết đó là cuộc chiến tranh nhằm khống chế nguồn cung cấp dầu của thế giới (Oil War) . Chúng ta nói đến những điều này để thấy rằng năng lượng là nhân tố sống còn và quyết định vận mệnh của quốc gia trong thế kỷ này. Có nghĩa là trong thế kỷ 21 ai nắm trong tay nguồn nước sạch và nguồn năng lượng sẽ thống trị các quốc gia khác, và nếu như các cường quốc không phân định được vị thế và khả năng khống chế nguồn năng lượng thì nguy cơ xảy ra chiến tranh thế giới không ngoài mục tiêu năng lượng và nước sạch.

Nghiên cứu sự biến động của giá cả năng lượng ngoài những thông tin nhất thiết phải có là tình hình cung và cầu năng lượng trên thế giới cũng như xem xét trữ lượng còn lại chưa được khai thác và trữ lượng nguồn năng lượng có khả năng khai thác và được phát hiện ... , còn cần phải nắm bắt và dự đoán được tình hình chính trị thế giới nhất là khu vực Trung Đông. Trong đó, biến động chính trị là điều rất khó dự đoán bởi nó là nhân tố chủ quan được khống chế và áp đặt bởi các nước hùng mạnh .

Ngoài ra theo kinh nghiệm của chuyên gia, khu vực Trung Đông là nơi có mức cầu vàng rất cao. Vì vậy khi giá năng lượng tăng làm cho thu nhập của khu vực xuất khẩu dầu lửa tăng theo (thu nhập của các quốc gia vùng Trung Đông tăng) làm cho cầu về vàng trên thế giới gia tăng dẫn đến giá vàng cũng tăng theo.

Trong chuyên đề này, loại bỏ những yếu tố chính trị tạo ra những cú sốc giá dầu, chúng tôi nghiên cứu sự biến động của giá dầu theo lượng cung và lượng cầu dầu trên thế giới và đặc biệt là nghiên cứu xem có mối liên hệ nào giữa giá vàng và giá dầu không nhằm làm rõ hơn nhận định của các chuyên gia đã từng nghiên cứu về mối liên hệ giữa giá dầu và giá vàng trên thế giới. Từ đó dự báo giá dầu trong tương lai đã loại trừ đi những biến động chính trị tạo ra những cú sốc dầu.

Với dữ liệu giá dầu, lượng cung và lượng cầu dầu trên thế giới từ 1973 đến 2003 được thu thập từ trang web: **eia.doe.gov.com** và giá vàng thế giới được thu thập từ trang web: **kitco.com** , ta thiết lập mô hình hồi quy giá dầu theo lượng cung – cầu dầu và giá vàng trên thế giới . Sau đó dự báo giá dầu năm 2004 và 2005 với lượng cung – cầu dầu và giá vàng ở mức cho trước giả định . Giá dầu được dự báo đã loại trừ các nhân tố chính trị gây sốc giá dầu và các nhân tố ảnh hưởng khác.

Do thời gian nghiên cứu có hạn cũng như chưa hồi quy thống kê một cách đầy đủ các nhân tố ảnh hưởng đến giá dầu, và đặc biệt là các yếu tố chính trị không thể thống kê và dự báo . Do đó , dự báo giá dầu cho tương lai chưa thể chính xác, vấn đề nghiên cứu chúng tôi muốn lưu tâm và nhấn mạnh là tìm xem có sự liên hệ giữa giá dầu và giá vàng hay không.

II. NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH VÀ DỰ BÁO

Với dữ liệu thu thập, ta xem xu hướng biến động của giá dầu và giá vàng trên cùng một đồ thị và thấy rằng có sự liên quan mật thiết giữa giá dầu và giá vàng trên thế giới. (Xem đồ thị). Và quan hệ giữa giá dầu và giá vàng là quan hệ đồng biến

NĂM	CẦU	CUNG	GIÁ DẦU	GIÁ VÀNG
1973	57,237	59,300	6.41	97.32
1974	56,677	59,391	12.32	159.26
1975	56,198	56,511	12.7	161.02
1976	59,673	61,121	13.32	124.84
1977	61,826	63,665	14.36	147.71
1978	64,158	64,225	14.35	193.22
1979	65,220	66,973	21.45	306.68
1980	63,108	64,135	33.67	612.56
1981	60,944	60,728	36.47	460.03
1982	59,543	58,199	33.18	375.67
1983	58,779	58,008	28.93	424.35
1984	59,822	59,607	28.54	360.48
1985	60,087	59,234	26.67	317.26
1986	61,825	61,391	13.49	367.66
1987	63,104	62,084	17.65	446.46
1988	64,963	64,394	14.08	436.94
1989	66,092	65,552	17.68	381.44
1990	66,443	66,472	21.13	383.51
1991	67,061	66,419	18.02	362.11
1992	67,273	66,781	17.75	343.82
1993	67,372	67,290	15.72	359.77
1994	68,679	68,313	15.18	384
1995	69,955	70,056	16.78	384.17
1996	71,522	71,680	20.31	387.77
1997	73,292	73,905	18.11	330.98
1998	73,932	75,407	11.84	294.24
1999	75,826	74,583	17.23	278.88
2000	76,954	77,484	27.53	279.11
2001	78,105	77,514	21.82	271.04
2002	78,439	76,858	23.91	309.73
2003	79,813	79,475	27.63	363.38

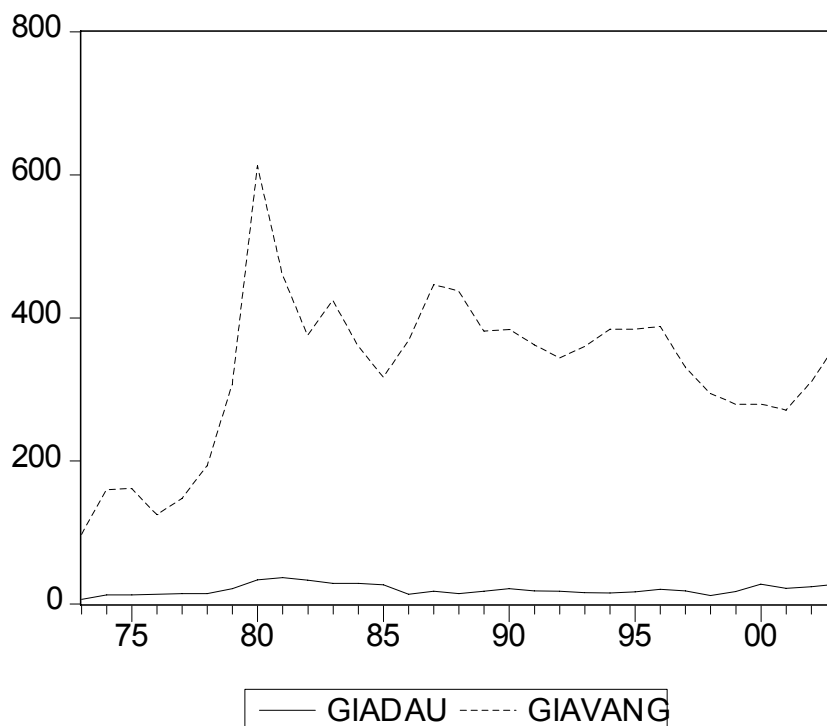
(Nguồn : www.eia.doe.gov và www.kitco.com)

Đơn vị tính

Lượng cung và cầu dầu: Bình quân thùng/ ngày

Giá dầu : USD/ thùng

Giá vàng : USD/ounce



(Đồ thị biểu diễn sự biến động của giá dầu và giá vàng theo thời gian)

Với dự báo sơ bộ từ đồ thị và theo kinh nghiệm chuyên gia ta tiến hành hồi quy và kiểm định mô hình dự báo giá dầu theo lượng cung – cầu của dầu và giá vàng thế giới.

1. MÔ HÌNH HỒI QUY TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 2003

Biến phụ thuộc là giá dầu, biến độc lập bao gồm : lượng cung và lượng cầu dầu, giá vàng trên thế giới.

=====

$$GIADAU = 10.68790702 - 0.0009184578929 * CUNG + 0.0008830856849 * CAU + 0.03583809362 * GIAVANG$$

Dependent Variable: GIADAU				
Method: Least Squares				
Date: 01/03/05 Time: 10:21				
Sample: 1973 2003				
Included observations: 31				
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	10.68791	11.76844	0.908184	0.3718
CUNG	-0.000918	0.001227	-0.748256	0.4608
CAU	0.000883	0.001196	0.738158	0.4668
GIAVANG	0.035838	0.011448	3.130564	0.0042
R-squared	0.380221	Mean dependent var		19.94290
Adjusted R-squared	0.311357	S.D. dependent var		7.299040
S.E. of regression	6.057072	Akaike info criterion		6.560244
Sum squared resid	990.5794	Schwarz criterion		6.745275
Log likelihood	-97.68379	F-statistic		5.521315
Durbin-Watson stat	0.681123	Prob(F-statistic)		0.004338

Với hệ số của cung = - 0.000918 cho biết cứ lượng cung tăng bình quân 01 thùng 01 ngày sẽ làm giá dầu giảm 0.000918 USD/ thùng

Với hệ số của cầu = 0.000883 cho biết cứ lượng cầu tăng bình quân 01 thùng 01 ngày sẽ làm giá dầu tăng 0.000883 USD/ thùng

Với hệ số của giá vàng = 0.035838 cho biết cứ giá vàng tăng bình quân 01 USD/ounce trong năm sẽ làm giá dầu tăng 0.035838 USD/ thùng

Kiểm định mô hình

Ta thấy :

$T_{giavang} = 3.130564 > T_{0.025}(26) = 2.056$ nên ta bác bỏ giả thiết H_0 , Vậy việc thêm biến **giavang** vào mô hình là cần thiết.

$R^2 = 0.3802221$ có $t = 19.94290$ nên không có đa cộng tuyến

2. MA TRẬN TƯƠNG QUAN

	CẦU	CUNG	GIÁ DẦU	GIÁ VÀNG
CẦU	1.000000	0.988168	0.087082	0.149527
CUNG	0.988168	1.000000	0.027113	0.075835
GIÁ DẦU	0.087082	0.027113	1.000000	0.606099
GIÁ VÀNG	0.149527	0.075835	0.606099	1.000000

Các biến cung – cầu, giá dầu – giá vàng có tương quan chặt chẽ với nhau

3. MA TRẬN HIỆP PHƯƠNG SAI

	C	CUNG	CẦU	GIÁ VÀNG
C	138.4962	-0.005738	0.003881	-0.042315
CUNG	-0.005738	1.51E-06	-1.45E-06	6.66E-06
CẦU	0.003881	-1.45E-06	1.43E-06	-6.68E-06
GIÁ VÀNG	-0.042315	6.66E-06	-6.68E-06	0.000131

4. KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG SAI THAY ĐỔI (WHITE)

White Heteroskedasticity Test:				
F-statistic	2.054049	Probability	0.097242	
Obs*R-squared	10.51784	Probability	0.104471	
Test Equation:				
Dependent Variable: RESID^2				
Method: Least Squares				
Date: 01/03/95 Time: 11:10				
Sample: 1973 2003				
Included observations: 31				
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	1162.976	727.0250	1.599637	0.1228
CUNG	-0.102546	0.070758	-1.449251	0.1602

CUNG^2	7.61E-07	5.24E-07	1.452851	0.1592
CAU	0.068017	0.070632	0.962970	0.3452
CAU^2	-5.14E-07	5.15E-07	-0.998024	0.3282
GIAVANG	0.278061	0.364770	0.762292	0.4533
GIAVANG^2	-0.000233	0.000490	-0.475684	0.6386
R-squared	0.339285	Mean dependent var		31.95417
Adjusted R-squared	0.174106	S.D. dependent var		35.59671
S.E. of regression	32.34982	Akaike info criterion		9.986773
Sum squared resid	25116.26	Schwarz criterion		10.31058
Log likelihood	-147.7950	F-statistic		2.054049
Durbin-Watson stat	1.994665	Prob(F-statistic)		0.097242

Ta thấy

Obs*R-squared = 10.51784 có Probability = 0.104471 nên không có hiện tượng phương sai thay đổi.

5. KIỂM ĐỊNH TỰ TƯƠNG QUAN (BG)

Breusch-Godfrey Serial Correlation LM Test:				
F-statistic	10.28092	Probability	0.000552	
Obs*R-squared	13.99015	Probability	0.000916	
Test Equation:				
Dependent Variable: RESID				
Method: Least Squares				
Date: 01/03/05 Time: 11:23				
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-9.974072	9.582784	-1.040832	0.3079
CUNG	0.001086	0.000998	1.088620	0.2867
CAU	-0.000957	0.000962	-0.994665	0.3294
GIAVANG	0.004471	0.008872	0.503919	0.6187
RESID(-1)	0.680008	0.197234	3.447729	0.0020
RESID(-2)	0.056804	0.207722	0.273462	0.7867

R-squared	0.451295	Mean dependent var	-8.88E-15
Adjusted R-squared	0.341554	S.D. dependent var	5.746243
S.E. of regression	4.662770	Akaike info criterion	6.089082
Sum squared resid	543.5357	Schwarz criterion	6.366628
Log likelihood	-88.38077	F-statistic	4.112367
Durbin-Watson stat	2.012838	Prob(F-statistic)	0.007314

Ta thấy $nR^2 = 13.99015$ có xác suất = 0.000916 nên tồn tại tự tương quan

6. KIỂM ĐỊNH SỰ PHÙ HỢP CỦA MÔ HÌNH (RESET- RAMSAY)

Ramsey RESET Test:				
F-statistic	0.837228	Probability	0.444688	
Log likelihood ratio	2.009748	Probability	0.366091	
Test Equation:				
Dependent Variable: GIADAU				
Method: Least Squares				
Date: 01/03/05 Time: 11:40				
Sample: 1973 2003				
Included observations: 31				
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	76.55072	57.13569	1.339806	0.1924
CUNG	-0.013081	0.010271	-1.273534	0.2145
CAU	0.012554	0.009807	1.280029	0.2123
GIAVANG	0.477434	0.387240	1.232915	0.2291
FITTED^2	-0.673470	0.558276	-1.206340	0.2390
FITTED^3	0.011579	0.009258	1.250785	0.2226
R-squared	0.419127	Mean dependent var	19.94290	
Adjusted R-squared	0.302953	S.D. dependent var	7.299040	
S.E. of regression	6.093922	Akaike info criterion	6.624446	
Sum squared resid	928.3970	Schwarz criterion	6.901992	
Log likelihood	-96.67891	F-statistic	3.607737	
Durbin-Watson stat	0.945608	Prob(F-statistic)	0.013584	

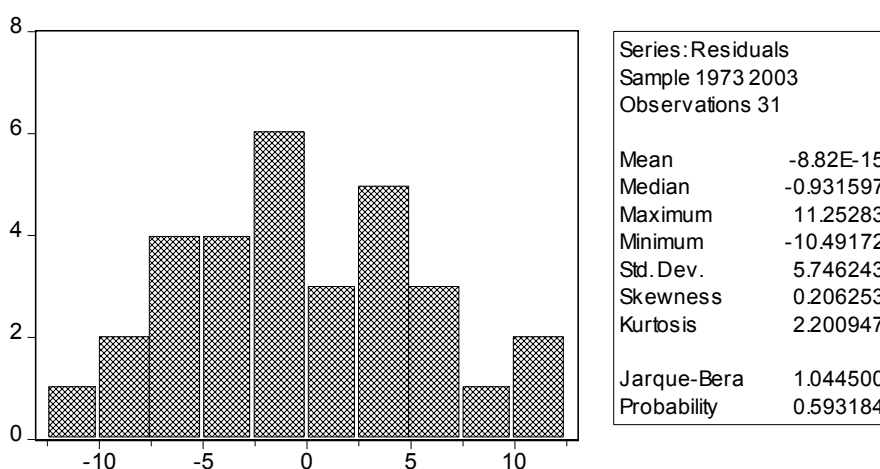
Ta thấy $F = 0.837228$ có giá trị xác suất P tương ứng là 0.444688 tương đối lớn nên ta chấp nhận giả thiết H_0 , tức mô hình ban đầu chọn đúng.

7. KIỂM ĐỊNH BIẾN KHÔNG CẦN THIẾT

Wald Test:			
Equation: EQ01			
Null Hypothesis:	C(4)=0		
F-statistic	9.800429	Probability	0.004162
Chi-square	9.800429	Probability	0.001745

Ta thấy $P(F > 9.800429) = 0.004162 < 0.05$ nên ta bác bỏ giả thiết H_0 , tức hệ số hồi quy của biến GIAVANG khác không có ý nghĩa. Hay biến GIAVANG ảnh hưởng tới biến phụ thuộc GIADAU. Vì vậy ta phải đưa biến này vào mô hình.

8. KIỂM ĐỊNH PHÂN PHỐI CHUẨN



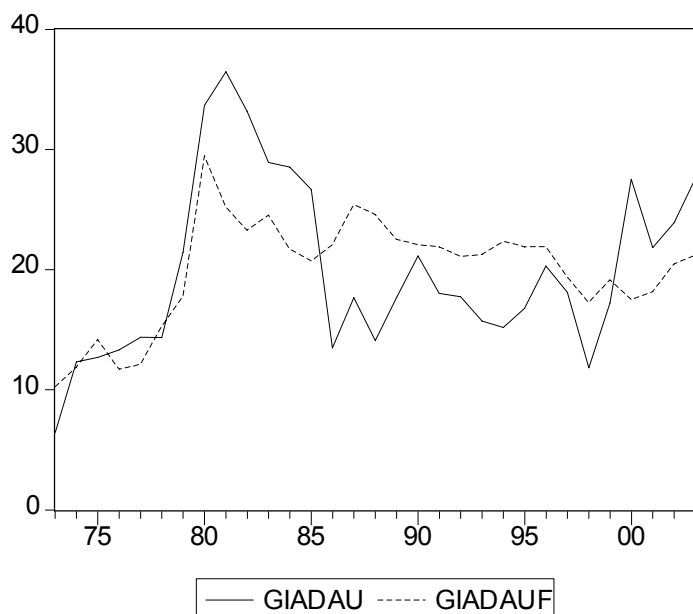
Ta có $JB = 1.044500$ có mức xác suất tương ứng là 0.593184 . Giá trị xác suất này lớn hơn 5% nên ta chấp nhận giả thiết H_0 , U có phân phối chuẩn.

9. NHẬN ĐỊNH MÔ HÌNH

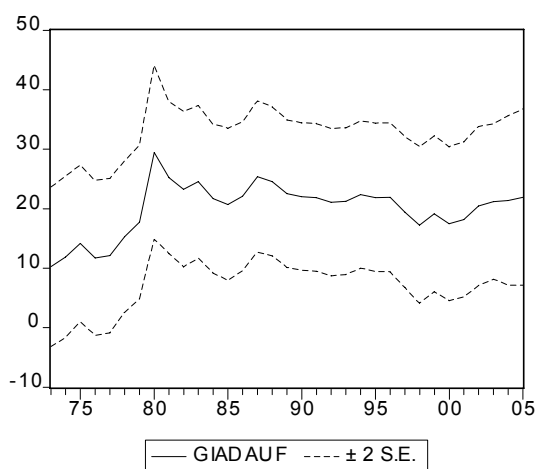
Với những kiểm định của mô hình hồi quy, ta kết luận mô hình được chọn là phù hợp. Do vậy ta sử dụng mô hình này để dự báo giá dầu trong năm 2004 và

năm 2005 đã loại trừ yếu tố chính trị và các nhân tố ảnh hưởng khác , với độ tin cậy 95%.

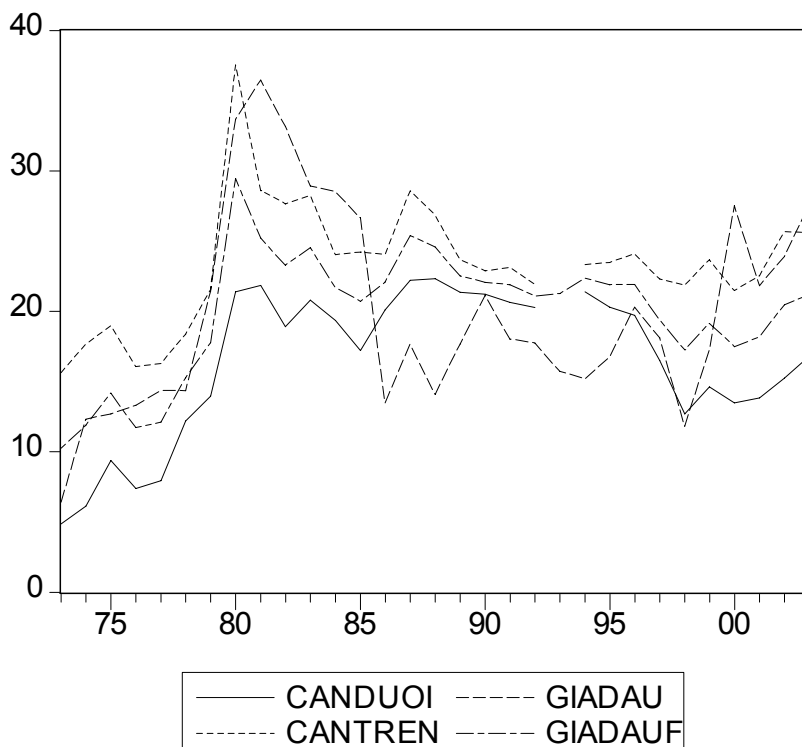
Đồ thị biểu diễn sự biến động của giá dầu và giá dầu dự báo theo thời gian



Dự báo giá dầu cho năm 2004 - 2005



Forecast:	GIADAUF
Actual:	GIADAU
Sample:	1973 2005
Include observations:	31
Root Mean Squared Error	5.652802
Mean Absolute Error	4.780357
Mean Abs. Percent Error	25.51565
Theil Inequality Coefficient	0.136804
Bias Proportion	0.000000
Variance Proportion	0.237148
Covariance Proportion	0.762852



(Đồ thị biểu diễn giá dầu , giá dầu dự báo, cận trên và cận dưới của giá dầu dự báo)

Vậy với năm 2004, giả định lượng cung dầu là 83.415 thùng / ngày, lượng cầu dầu là 82.216 thùng / ngày, giá vàng thế giới năm 2004 là 409.72 USD/ounce

$$\text{Giá dầu 2004} = (14.0360747141, \quad 28.6881218403)$$

Vậy với năm 2005, giả định lượng cung dầu là 88.327 thùng/ngày, lượng cầu dầu là 87.572 thùng / ngày , giá vàng thế giới năm 2005 là 420 USD/ounce.

$$\text{Giá dầu 2005} = (13.5837510387 \quad , 30.313960238)$$

III. HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU VÀ HƯỚNG MỞ RỘNG

Tình hình thực tế giá dầu trong năm 2004 bình quân trên 40 USD/ thùng và trong những tháng đầu năm 2005 luôn trên 50 USD/ thùng, và như vậy với dự báo giá dầu theo mô hình hồi quy đưa ra là chưa phù hợp. Nói như vậy không có nghĩa là mô hình hồi quy sai mà chúng ta thấy rằng trong năm 2003 -2004 là cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ vào Iraq – nơi có lượng dự trữ dầu mỏ lớn nhất thế giới , và trong

những tháng đầu năm 2005 tình hình Iraq vẫn còn bất ổn. Các chuyên gia hàng đầu về dầu của thế giới hiện nay cho rằng giá dầu rất khó có khả năng ở mức giá dưới 30 USD/ thùng, có nghĩa là vẫn có những dự báo và kỳ vọng giá dầu phù hợp với dự báo mà ta nghiên cứu nếu bỏ qua nhân tố biến động chính trị. Điều này nói lên rằng những biến động của vùng Trung Đông có ảnh hưởng mạnh mẽ và là tác nhân chính gây ra cú sốc giá dầu trên thế giới. Vì vậy, để nghiên cứu sự biến động của giá dầu trên thế giới một cách có hiệu quả chúng ta cần phải đưa nhân tố biến động chính trị của vùng Trung Đông vào mô hình, và vấn đề cốt lõi là chúng ta cần phải lượng hoá những biến động này thành những con số. Ngoài ra chúng ta cần đưa thêm các biến độc lập như chi phí khai thác, trữ lượng dầu, ... vào mô hình.
